



Báo cáo

Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng xã Minh Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá (ngày 8-11 và 12-15/11/2018)

MỤC LỤC

A. Giới thiệu chung	4
1. Vị trí địa lý	4
2. Đặc điểm địa hình	4
3. Đặc điểm thời tiết khí hậu	4
4. Xu hướng thiên tai, khí hậu	5
5. Phân bố dân cư, dân số	6
6. Hiện trạng sử dụng đất đai	7
7. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế	7
B. Thực trạng kinh tế - xã hội, môi trường của xã	8
1. Lịch sử thiên tai	8
2. Lịch sử thiên tai và kịch bản BĐKH	10
3. Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH	11
4. Đối tượng dễ bị tổn thương	11
5. Hạ tầng công cộng	11
6. Công trình thủy lợi (kênh, đập, cống, hồ, đê, kè)	17
7. Nhà ở	18
8. Nước sạch, vệ sinh và môi trường	19
9. Hiện trạng dịch bệnh phổ biến	19
10. Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý	20
11. Hoạt động sản xuất kinh doanh	20
12. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	26
13. Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH	28
14. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác	29
15. Tổng hợp hiện trạng Năng lực về PCTT và TƯBĐKH (Kiến thức, kỹ thuật, công nghệ)	29
C. Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai và khí hậu của xã	31
1. Rủi ro với dân cư và cộng đồng	31
2. Hạ tầng công cộng	34
3. Công trình thủy lợi	35
4. Nhà ở	37
5. Nước sạch, vệ sinh và môi trường	39
6. Y tế và quản lý dịch bệnh	40
7. Giáo dục	42
8. Rừng	44
9. Trồng trọt	44
10. Chăn nuôi	46
11. Thủy Sản	47
12. Du lịch	49
13. Buôn bán và dịch vụ khác	49

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

14. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	52
15. Phòng chống thiên tai/TU'BDKH.....	53
16. Giới trong PCTT và BDKH	54
17. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác.....	55
D. Tổng hợp kết quả đánh giá và đề xuất giải pháp	60
1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BDKH	60
2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BDKH	64
3. Một số ý kiến tham vấn của các cơ quan ban ngành trong xã.....	66
4. Một số ý kiến kết luận của đại diện UBND xã	66
E. Phụ lục	67
1. Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá.....	67
2. Phụ lục 2: Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn	68
3. Phụ lục 3: Ảnh chụp một số hoạt động đánh giá	Error! Bookmark not defined.
F. Một số kiến thức tham khảo chung về Đánh giá rủi ro thiên tai	82
1. Khái niệm	82
2. Nội dung đánh giá	83

A. Giới thiệu chung

Báo cáo được xây dựng dựa trên cơ sở pháp lý của Luật Phòng chống thiên tai (Luật PCTT) và yêu cầu thực tiễn của Đề án 1002 về Quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng trong bối cảnh các tác động của biến đổi khí hậu đang ngày càng gia tăng tại Việt Nam, đòi hỏi cộng đồng dân cư cần cùng cố kịp thời các giải pháp giảm rủi ro thiên tai và thích ứng theo hướng bền vững và lâu dài hơn.

Báo cáo này là kết quả tiến trình đánh giá rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu do cộng đồng thực hiện, chú trọng đến nhóm dễ bị tổn thương là trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi, người khuyết tật và người nghèo trong khu vực rủi ro cao, ở các lĩnh vực đời sống và xã hội của xã.

Các thông tin đánh giá rủi ro thiên tai được thu thập dựa trên các thông tin cơ bản của một số bản đồ thiên tai hiện có của Tỉnh do Tổng cục PCTT và các sở ban ngành tỉnh cung cấp, cũng như kết quả dự báo kịch bản biến đổi khí hậu của Bộ TNMT, là một trong các cơ sở quan trọng để hỗ trợ xã Xác định, đánh giá, phân vùng rủi ro thiên tai; theo dõi, giám sát thiên tai (Theo điều 17 Luật PCTT).

Các phân tích rủi ro trong báo cáo và các ưu tiên khuyến nghị của nhóm dễ bị tổn thương là những cơ sở quan trọng cho việc xây dựng kế hoạch địa phương như kế hoạch phòng chống thiên tai (Điều 15, Luật PCTT) và lồng ghép nội dung Phòng chống thiên tai vào kế hoạch phát triển ngành và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội (Điều 16, Luật PCTT)

1. Vị trí địa lý

Mình Lọc là một xã ven biển nằm ở phía Đông của huyện Hậu Lộc. Phía Bắc giáp xã Hưng Lộc và Ngự Lộc, phía Nam giáp xã Hải Lộc (sinh hoạt liền kề với Công giáo xã Hải Lộc), phía Đông là vịnh Bắc bộ, phía Tây là sông kênh De giáp xã Hoa Lộc và Phú Lộc. Cách thị trấn huyện Hậu Lộc về phía đông nam khoảng 9 km, xã Mình Lọc có đường tỉnh lộ 526 đi qua là trung tâm giao thương của 5 xã ven biển

2. Đặc điểm địa hình

Địa hình xã Mình Lọc thuộc đồng bằng ven biển của xã Mình Lọc tương đối bằng phẳng nằm ở phía Đông nam huyện. Đặc điểm thủy văn thuộc lưu vực sông Lèn. Chế độ thủy văn, thủy triều theo con nước thường ổn định. Diện tích tự nhiên có 468,69 ha, có 3223 hộ với 14.799 nhân khẩu. Năm 2018 xã Mình Lọc giảm từ 16 chi bộ còn 13 chi bộ, sáp nhập từ 13 thôn còn 8 thôn (thực hiện Quyết định 390/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa). Các thôn trong xã được liên kết bằng hệ thống giao thông thuận lợi và trụ sở UBND xã nằm vị trí trung tâm xã, khoảng cách từ thôn xa nhất đến UBND xã là 1,5 km. Xã được phân theo hai vùng rõ rệt có sự tách biệt về đặc điểm sinh hoạt lối sống, công việc, như các thôn nghề cá gồm 4 thôn: Minh Thọ, Minh Thắng, Minh Hải, Minh Đức các lao động chuyên đi khai thác thủy sản, dịch vụ hậu cần nghề cá và các thôn còn lại gồm thôn Minh Thnhj, Minh Hùng, Minh Thanh và Phú Thành là vùng đồng chuyên sản xuất nông nghiệp và các nghề thủ công, nghề hóa và chăn nuôi, trồng trọt và nuôi trồng thủy sản.

3. Đặc điểm thời tiết khí hậu

TT	Điều kiện khí hậu	Đặc điểm		Dự báo BĐKH của Tỉnh năm 2050 theo kịch bản RCP 8.5 (Theo báo cáo của Bộ TNMT 2016) ^[1]
1	Chỉ số khí tượng thủy văn	Đơn vị	Tháng xảy ra	
2	Nhiệt độ Trung bình	22 - 23°C		Tăng 2,1°C (giá trị dao động khoảng 1.4-3.2°C) (trang 49, kịch bản BĐKH)
3	Nhiệt độ cao nhất	(41°C)	Tháng 6 đến tháng 8	Tăng thêm khoảng 2.0-2.4oC (Hình 5.5, trang 51 – kịch bản BĐKH)

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

4	Nhiệt độ thấp nhất	(dưới 5°C)	Tháng 11 đến tháng 12 và tháng 01 năm sau	Tăng thêm khoảng 2.0-2.4oC (Hình 5.7a, trang 52 – kịch bản BĐKH)
5	Lượng mưa Trung bình	(1.700mm)	Phân bố không đều trong năm (bắt đầu từ tháng 7 kéo dài đến tháng 12, nhưng chủ yếu tập trung vào tháng 7-8)	Tăng thêm khoảng 18,6mm (dao động trong khoảng 13.0-24.5mm) (Bảng 5.2a, trang 55)
6	Lượng mưa Cực trị - 5 ngày lớn nhất trong năm (mm)			Tăng thêm khoảng 30-50mm/đợt (Hình 5.14a, trang 59), Miền núi tăng ít hơn
7	Diễn biến	Diễn biến	Tần suất /năm	
8	Xu hướng hạn (tăng)	Nắng nóng kéo dài, nhiệt độ tăng cao	Tháng 5 đến tháng 6	
9	Xu hướng bão (tăng)	Xảy ra bất ngờ, ngày càng mạnh	Khoảng 15 đến 16 cơn bão/năm (số liệu chung của cả nước)	
10	Xu hướng lũ (tăng)	Xảy ra bất ngờ, lớn nhanh vào ban đêm, ngày càng mạnh	Từ đầu tháng tháng 7 đến tháng 9	
11	Số ngày rét đậm	Số ngày rét đậm tăng. Xu hướng kéo dài số ngày rét đậm trên một đợt rét.	Từ tháng 10 đến tháng 3	
12	Mức nước biển tại các trạm hải văn	Không có		Đến năm 2050 Tăng khoảng 25cm (dao động trong khoảng 17-35cm tại các trạm từ Hòn Dấu đến Đèo Ngang)(Bảng 6.7, trang 69 – RCP8.5)
13	Nguy cơ ngập lụt/nước dâng do bão	Ngày càng tăng lên	Từ đầu tháng 7 đến tháng 11, tập trung vào tháng 9 hàng năm.	Khoảng 1,43% diện tích – tương đương khoảng 1,111,000ha (Bảng 6.10, kịch bản nước dâng 100cm vào cuối thế kỷ trang 77)

4. Xu hướng thiên tai, khí hậu

TT	Nguy cơ thiên tai, khí hậu phổ biến tại địa phương	Giảm	Giữ nguyên	Tăng lên	Dự báo BĐKH của Thanh Hóa năm 2050 theo kịch bản RCP 8.5 (*)
1	Xu hướng hạn hán			x	
2	Xu hướng bão			x	
3	Xu hướng lũ		x		

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

4	Số ngày rét đậm		x		
5	Mực nước biển tại các trạm hải văn			x	Tăng 20cm
6	Nguy cơ ngập lụt/nước dâng do bão			x	50ha
7	Giông			x	
8	Lốc			x	
9	Nhiễm Mặn			x	

Commented [BVH1]: Con số này có vẻ cần thảo luận. Hiện nay mình đang để số liệu ngập là theo tính cho kích bản thời. Nên chỉ có thể tính là % diện tích ngập 100m. Phan này có phải là tính riêng cho xa không? Và đưa vào bản đồ ngập lụt do siêu bão? Có thể dùng một trong 2 con số, nhưng cần note lại nguồn một chút.

(*) Dữ liệu được nhập vào theo Gói thông tin rủi ro thiên tai và khí hậu cơ bản của từng Tỉnh do Tổng cục PCTT/UNDP tổng hợp trước đánh giá và gửi cho các Nhóm kỹ thuật

5. Phân bố dân cư, dân số

TT	Thôn	Số hộ	Số hộ phụ nữ đơn thân	Số khẩu			Hộ nghèo	Hộ cận nghèo
				Tổng	Nữ	Nam		
1	Minh Thanh	201	46	819	419	400	5	15
2	Minh Thịnh	430	45	1.732	836	896	7	28
3	Minh Thắng	613	47	3.127	1.553	1.574	22	70
4	Minh Hải	410	78 (3 hộ nam)	2.023	1.017	1.006	18	77
5	Minh Đức	370	45	1.786	914	872	12	56
6	Phú Thành	383	67	1.769	890	879	16	46
7	Minh Hùng	391	36 (9 hộ nam đơn thân)	1.798	894	904	8	51
8	Minh Thọ	447	35	2.014	1.007	1.007	10	47
Tổng số		3.245	399	15.068	7.530	7.538	98	390

Ghi chú khác: Thôn Minh Hải có 3 hộ nam đơn thân nuôi con và thôn Minh Hùng có 9 hộ nam đơn thân

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

6. Hiện trạng sử dụng đất đai

TT	Loại đất (ha)	Số lượng (ha)
I	Tổng diện tích đất tự nhiên	468,69
1	Nhóm đất Nông nghiệp	262,65
1.1	Diện tích Đất sản xuất Nông nghiệp	208,8
1.1.1	Đất lúa nước	124,86
1.1.2	Đất trồng cây hàng năm (ngô, khoai lang, lạc...)	73,84
1.1.3	Đất trồng cây hàng năm khác (rau màu các loại)	45
1.1.4	Đất trồng cây lâu năm	10,11
1.2	Diện tích Đất lâm nghiệp	0
1.2.1	Đất rừng sản xuất	0
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	4,6
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	0
1.3	Diện tích Đất nuôi trồng thủy/hải sản	38,55
1.3.1	Diện tích thủy sản nước ngọt	20,55
1.3.2	Diện tích thủy sản nước mặn/lợ	18
1.4	Đất làm muối	0
1.5	Diện tích Đất nông nghiệp khác (Xây nhà kính phục vụ trồng trọt; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm; đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm; đất ương tạo cây giống, con giống và đất trồng hoa, cây cảnh)	15,3
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	168,22
3	Diện tích Đất chưa Sử dụng	39,48
4	Số % nữ cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với chồng	80
	- Đất nông nghiệp	80
	- Đất ở	80

7. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế

TT	Loại hình sản xuất	Giá trị sản xuất của lĩnh vực/ngành nghề (%)	Số hộ tham gia hoạt động Sản xuất kinh doanh (hộ)	Thu nhập bình quân/hộ	Tỉ lệ phụ nữ tham gia chính (%)
	Nông nghiệp:				

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

1	Trồng trọt	3,31%	1.750	Lúa: 66 triệu/1 ha/hộ/năm Mau: 120 triệu/hộ/năm	90%
2	Chăn nuôi	4,5%	500	57 triệu VND/hộ/năm	50%
3	Nuôi trồng thủy sản	4,1%	500	48,8 triệu/1 ha/hộ/năm	20%
4	Đánh bắt hải sản	9,5%	400	141 triệu/hộ/năm	0
Tiểu thủ công nghiệp:					
5	Sản xuất tiểu thủ công nghiệp	8%	270	154 triệu VND/năm	20%
6	Buôn bán	6,33%	440	99 triệu VND/năm	80%
7	Ngành nghề khác- Vd. Đi làm ăn xa, xuất khẩu lao động, thợ nề, dịch vụ vận tải.v.v	42,87%	1.700	149 triệu VND/hộ/năm	30%
Ghi chú khác:					
<ul style="list-style-type: none"> - 42 trang trại chăn nuôi gia cầm và 18 gia trại và nuôi gia công với quy mô trung bình 5.000 con gia cầm trở lên trên một trang trại và 12 trang trại lợn với quy mô từ 500 con đến 1.000 con/trang trại theo phước nuôi gia công. - Thu nhập từ chăn nuôi ổn định do chăn nuôi áp dụng kỹ thuật theo quy mô công nghiệp, kiểm soát được dịch bệnh và chuồng trại đảm bảo nên ít chịu tác động do thời tiết và thiên tai. 					

B. Thực trạng kinh tế - xã hội, môi trường của xã

1. Lịch sử thiên tai

Tháng/năm xảy ra	Loại thiên tai	Số thôn bị ảnh hưởng	Tên thôn	Thiệt hại chính	Số lượng	
					Nam	Nữ
1996 (tháng 10)	Áp thấp nhiệt đới	4/9	Minh Thọ Minh Thắng Minh Hải Minh Đức	1. Số người chết/mất tích (Nam/Nữ)	Nam: 17	Nữ: 0
				2. Số người bị thương: (Nam/Nữ)	Nam:	Nữ:
				3. Số nhà bị thiệt hại:	17	
				4. Số trường học bị thiệt hại:	0	
				5. Số trạm y tế bị thiệt hại:	0	
				6. Số km đường bị thiệt hại:	0	
				7. Số ha rừng bị thiệt hại:	0	
				8. Số ha ruộng bị thiệt hại:	0	
				9. Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:	0	
				10. Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	0	
				11. Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại:	0	

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

				12. Các thiệt hại tàu đánh cá	2	
				13. Ước tính thiệt hại kinh tế:	50.000.000 VNĐ	
2005 (tháng 9)	Bão số 7	9/9	Minh Thọ Minh Thăng Minh Hải Minh Đức Minh Hợp Minh Thanh Minh Thành Minh Hùng Minh Thịnh	2. Số người chết/mất tích (Nam/Nữ)	Nam: 0	Nữ:0
				3. Số người bị thương: (Nam/Nữ)	Nam:0	Nữ:0
				4. Số nhà bị thiệt hại:	245	
				5. Số trường học bị thiệt hại:	0	
				6. Số trạm y tế bị thiệt hại:	0	
				7. Số km đường bị thiệt hại:	4 km	
				8. Số ha rừng bị thiệt hại:	0	
				9. Số ha ruộng bị thiệt hại:	80% diện tích ruộng sản xuất bị nhiễm mặn	
				10. Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:	0	
				11. Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	39 ha	
				13. Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại:	50 cơ sở	
				14. Các thiệt hại tàu đánh cá	0	
				14. Ước tính thiệt hại kinh tế:	10.000.000 .000VNĐ	
				2013 (tháng 7)	Hạn hán	9/9 (trước khi chưa nhập thôn)
4. Số người bị thương: (Nam/Nữ)	Nam:0	Nữ:0				
5. Số nhà bị thiệt hại:	0					
6. Số trường học bị thiệt hại:	0					
7. Số trạm y tế bị thiệt hại:	0					
8. Số km đường bị thiệt hại:	0					
9. Số ha rừng bị thiệt hại:	0					
10. Số ha ruộng bị thiệt hại:	30 ha ruộng sản xuất hoa màu bị thiếu nước					
11. Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:	0					
12. Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	10 ha (tôm cá bị dịch bệnh)					
15. Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông	0					

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

				lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại:	
				16. Các thiệt hại đánh cá	0
				15. Ước tính thiệt hại kinh tế:	1.000.000 .000VNĐ)

4. Lịch sử thiên tai và kịch bản BĐKH

ST T	Loại Thiên tai/BĐKH phổ biến	Liệt kê các thôn thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai	Mức độ thiên tai hiện tại (Cao/Trung Bình/Thấp)	Xu hướng thiên tai theo kịch bản BĐKH 8.5 vào năm 2050 (Tăng, Giảm, Giữ nguyên)	Mức độ thiên tai theo kịch bản (Cao/Trung Bình/Thấp)
1	Bão	Thôn Minh Thắng	Cao	Tăng	Cao
		Thôn Minh Thọ	Cao	Tăng	Cao
		Minh Hải	Cao	Tăng	Cao
		Minh Đức	Cao	Tăng	Cao
		Minh Hùng	Cao	Tăng	Cao
		Thôn Minh Thịnh	Trung bình	Tăng	Cao
		Thôn Minh Thanh	Trung bình	Tăng	Cao
		Thôn Phú Thành	Cao	Tăng	Cao
2	Hạn Hán	Thôn Phú Thành	Thấp	Giảm	Trung bình
		Thôn Minh Hùng	Thấp	Giảm	Trung bình
		Thôn Minh Hải	Thấp	Giảm	Trung bình
3	Ngập lụt do nước dâng do bão	Thôn Minh Thắng	Cao	Tăng	Cao
		Thôn Minh Thọ	Cao	Tăng	Cao
		Minh Hải	Cao	Tăng	Cao
		Minh Đức	Cao	Tăng	Cao
		Minh Hùng	Trung bình	Tăng	Cao
		Thôn Minh Thịnh	Thấp	Tăng	Trung bình
		Thôn Minh Thanh	Thấp	Tăng	Trung bình
		Thôn Phú Thành	Trung bình	Tăng	Cao
4	Các dạng thiên tai khác				

5. Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BDKH



Commented [BVH2]: Bổ sung bản đồ ngập lụt siêu bão và bản đồ nước dâng do BDKH của Thanh Hoa vào đây được không?

6. Đối tượng dễ bị tổn thương

TT	Thôn	Đối tượng dễ bị tổn thương														
		Trẻ em dưới 5 tuổi		Trẻ em từ 5-18 tuổi		Phụ nữ có thai*	Người cao tuổi		Người khuyết tật		Người bị bệnh hiểm nghèo		Người nghèo		Người dân tộc thiểu số	
		Nữ	Tổng	Nữ	Tổng		Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng
1	Minh Thanh	47	87	141	272	3	58	82	17	32	1	2	5	9	0	0
2	Minh Thịnh	45	101	8	13	11	113	180	5	8	4	5	12	16	0	0
3	Minh Thăng	146	304	250	620	12	145	258	31	61	3	3	34	41	0	0
4	Minh Hải	220	380	469	875	25	232	244	22	28	5	13	11	13	0	0
5	Minh Đức	150	250	230	450	15	151	226	4	7	2	2	30	48	0	0
6	Phú Thành	76	129	161	97	30	196	302	5	13	1	1	28	48	3	3
7	Minh Hùng	45	82	118	218	13	55	185	2	6	1	5	5	9	0	0
8	Minh Thọ	130	273	510	1030	21	117	185	12	19	2	6	21	39	0	0
	Tổng	859	1606	1887	3575	130	1067	1662	98	174	19	37	859	1606	3	3

Ghi chú khác: Người dân tộc thiểu số ở xã là 3 nữ thuộc dân tộc Mường và dân tộc Thái về làm dâu trong xã.

7. Hạ tầng công cộng

a) Điện

TT	Thôn	Hệ thống điện	Năm xây dựng	Đơn vị tính	Hiện trạng	
					Kiên cố	Chưa kiên cố
1	Minh Thanh					
		Cột điện	1990 (nâng cấp hàng năm)	Cột	61	0

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

		Dây điện	1990 (nâng cấp hàng năm)	Km	8,19	0
		Trạm điện	0	Trạm	0	0
2	Minh Thịnh	Cột điện	1990 (nâng cấp hàng năm)	Cột	83	0
		Dây điện	1990 (nâng cấp hàng năm)	Km	13,56	0
		Trạm điện	0	Trạm	1	0
3	Minh Hùng					
		Cột điện	1993 (nâng cấp 2005)	Cột	82	0
		Dây điện		Km	12,34	0
		Trạm điện	1993(nâng cấp 2016)	Trạm	1	0
4	Minh Thắng					
		Cột điện	1992 (nâng cấp hàng năm)	Cột	73	0
		Dây điện	2017	Km	9,56	0
		Trạm điện	0	Trạm	0	0
5	Minh Hải					
		Cột điện	1991 (nâng cấp hàng năm)	Cột	86	0
		Dây điện	1991(nâng cấp hàng năm)	Km	11,2	1,8
		Trạm điện	0	Trạm	0	0
6	Minh Thọ					
		Cột điện	1993 (nâng cấp hàng năm)	Cột	83	0
		Dây điện	1993(nâng cấp hàng năm)	Km	8,62	0
		Trạm điện	2016	Trạm	1	
7	Minh Đức					
		Cột điện	1992 (nâng cấp hàng năm)	Cột	85	0
		Dây điện	2015	Km	11,2	0
		Trạm điện	2016 và 2018	Trạm	2	0
8	Phú Thành					
		Cột điện	1991(nâng cấp hàng năm)	Cột	82	0
		Dây điện	1991(nâng cấp hàng năm)	Km	10,15	0
		Trạm điện	2012 và 2014	Trạm	2	

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

b) Đường và cầu cống

TT	Thôn	Số lượng đường, cầu, cống	Năm xây dựng	ĐVT	Hiện trạng		
					Nhựa	Bê Tông	Đất
1	Thôn Minh Thanh	Đường					
		Đường quốc lộ:		Km	0	0	0
		Đường tỉnh/huyện:	2016	Km	0,45	0	0
		Đường xã:	2005	Km	0	0,2	0
		Đường thôn:	2005	Km	0	3,957	0
		Đường nội đồng:	2005	Km	0	0,615	0,906
		Cầu, Cống			Kiên cố	Yếu	Tạm
		Cầu giao thông:	0	Cái	0	0	0
		Cống:	2015	Cái	2	1	0
2	Thôn Minh Thịnh	Đường					
		Đường quốc lộ:		Km	0	0	0
		Đường tỉnh/huyện:	2010 -2015	Km	1,5	0	0
		Đường xã:	2005	Km	0	0,4	0
		Đường thôn:	2004-2016	Km	0	4,067	0
		Đường nội đồng:	2014	Km	0	0,68	1,42
		Cầu, Cống			Kiên cố	Yếu	Tạm
		Cầu giao thông:		Cái	0	0	0
		Cống:	2004-2018	Cái	5	0	0
3	Thôn Minh Hùng	Đường					
		Đường quốc lộ:		Km	0	0	0
		Đường tỉnh/huyện:	2016	Km	1	0	0
		Đường xã:	2013-2015	Km	0	1,6	0
		Đường thôn:	2005	Km	0	4,087	0
		Đường nội đồng:	2006-2015	Km	0	1,25	0,675

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

		Cầu, Cống			Kiên cố	Yếu	Tạm
		Cầu giao thông:	1986	Cái	1	0	0
		Cống:	2005	Cái	5	3	0
4	Thôn Minh Thắng						
		Đường			Nhựa	Bê Tông	Đất
		Đường quốc lộ:	0	Km	0	0	0
		Đường tỉnh/huyện:	2016	Km	0,5	0	0
		Đường xã:	2004-2017	Km	0	0,6	0
		Đường thôn:	2005	Km	0	3,52	0
		Đường nội đồng:		Km	0	0,2	0,3
		Cầu, Cống			Kiên cố	Yếu	Tạm
		Cầu giao thông:	0	Cái	0	0	0
		Cống:	2015	Cái	3	0	0
5	Thôn Minh Hải						
		Đường			Nhựa	Bê Tông	Đất
		Đường quốc lộ:	0	Km	0	0	0
		Đường tỉnh/huyện:	2010	Km	0,795	0	0
		Đường xã:	2007	Km	0	1,323	0
		Đường thôn:	2005	Km	0	4,52	0
		Đường nội đồng:	2005	Km	0	0,7	0,821
		Cầu, Cống			Kiên cố	Yếu	Tạm
		Cầu giao thông:	0	Cái	0	0	0
		Cống:	2010	Cái	2	2	0
6	Thôn Minh Thọ						
		Đường			Nhựa	Bê Tông	Đất
		Đường quốc lộ:	0	Km	0	0	0
		Đường tỉnh/huyện:	2016	Km	0,63	0	0
		Đường xã:	2005	Km	0,635	0	0
		Đường thôn:	2005	Km	0	3,83	0

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

		Đường nội đồng:	2015	Km	0	0,46	0,66
		Cầu, Cống			Kiên cố	Yếu	Tạm
		Cầu giao thông:	0	Cái	0	0	0
		Cống:	2015	Cái	4	2	0
7	Thôn Minh Đức						
		Đường			Nhựa	Bê Tông	Đất
		Đường quốc lộ:	2015	Km	0	0	0
		Đường tỉnh/huyện:	2010	Km	0,58	0	0
		Đường xã:	2007-2015	Km	0	0,525	0
		Đường thôn:	2004	Km	0	3,53	0
		Đường nội đồng:	2015	Km	0	0,535	1,095
		Cầu, Cống			Kiên cố	Yếu	Tạm
		Cầu giao thông:	0	Cái	0	0	0
		Cống:	2015	Cái	3	1	0
8	Thôn Phú Thành						
		Đường			Nhựa	Bê Tông	Đất
		Đường quốc lộ:	0	Km	0	0	0
		Đường tỉnh/huyện:	0	Km	0	0	0
		Đường xã:	2015	Km	0	2,525	0
		Đường thôn:	2005	Km	0	4,626	0
		Đường nội đồng:	2005	Km	0	1,22	0,691
		Cầu, Cống			Kiên cố	Yếu	Tạm
		Cầu giao thông:	0	Cái	0	0	0
		Cống:	2005	Cái	4	1	0

c) Trường

TT	Trường	Thôn*	Năm xây dựng	Số phòng	Hiện trạng		
					Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
1	Mầm non**						
	Trường mầm non Minh Lộc	Minh Hùng	2015	20	20	0	0

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

	Trường Tiểu học Minh lộc I	Minh Thanh	1998	22	3	19	0
	Trường Tiểu học Minh lộc II	Minh Hải	2000	20	2	18	0
2	Trường THCS Minh Lộc	Minh Hùng	2007	26	26	0	0

d) Cơ sở Y tế

TT	Cơ sở Y tế	Thôn	Năm xây dựng	Số Giường	Số phòng	Hiện trạng		
						Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
1	Phòng khám đa khoa trực thuộc Bệnh viện huyện	Minh Thịnh	2013	18	21	0	0	0
2	Trạm y tế xã	Minh Thanh	2015	10	12	12	0	0
3	3 cơ sở khám tư nhân: - Phòng khám đa khoa Hồng Phúc - Phòng khám đa khoa Phúc An - Phòng khám Răng hàm mặt Hà nội	Minh Thanh	2016	4	4	4	0	0
			2017	4	4	4	0	0
			2018	1	1	1	0	0
	2 cơ sở khám tư nhân: - Phòng khám Răng hàm mặt Minh Tú - Phòng khám Răng hàm mặt Anh Khoa	Minh Thịnh	2016	1	1	1	0	0
			2017	1	1	1	0	0

e) Trụ Sở UBND và Nhà Văn Hóa

TT	Trụ sở	Thôn	Năm xây dựng	Số lượng	Đơn vị	Hiện trạng		
						Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
1	Trụ Sở UBND	Minh Thịnh	2017	28	Phòng	28	0	0
2	Nhà văn hoá xã	Minh Thịnh	2015	1	Cái	0	3	0
3	Nhà văn hóa thôn	Minh Thịnh	2015	1	Cái	1	0	0
		Minh Hải	2016	1		1	0	0
		Minh Đức	2015	1		1	0	0
		Phú Thành	2016	1		1	0	0
		Minh Thắng	2016	1		1	0	0
		Minh Thanh	2016	1		1	0	0
		Minh Hùng	2018	1		1	0	0
		Minh Thanh	1993	2		0	0	0

Ghi chú khác: Tất cả các Nhà văn hoá thôn đều được xây dựng bằng nguồn đóng góp của dân. Nhà văn hoá thôn Minh Thanh

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

đã xuống cấp nghiêm trọng và xã đã có kế hoạch xây mới vào đầu 2019 theo nguồn xã hội hoá.

f) Chợ

TT	Chợ	Thôn	Năm xây dựng	Số lượng	Đơn vị	Hiện trạng		
						Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
1	Chợ huyện/xã	0	0	0	Cái	0	0	0
2	Chợ tạm hải sản	Minh Thọ	2007	1	Cái	0	0	1

8. Công trình thủy lợi (kênh, đập, cống, hồ, đê, đê, kè)

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Năm xây dựng	Số lượng		
				Kiên cố	Bán kiên cố	Chưa kiên cố
1	Thôn Minh Thanh					
	Đê	Km	0	0	0	0
	Kè	Km	0	0	0	0
	Kênh mương	Km	2014	1,178	0	0,976
	Cống thủy lợi	Cái	0	0	0	0
	Trạm bơm	Cái	0	0	0	0
2	Thôn Minh Thịnh					
	Đê	Km	0	0	0	0
	Kè	Km	0	0	0	0
	Kênh mương	Km	2014	2,543	0	0,847
	Cống thủy lợi	Cái	2014	5	0	0
	Trạm bơm	Cái	0	0	0	0
3	Thôn Minh Hùng					
	Đê	Km	1996	0	0	1
	Kè	Km	0	0	0	0
	Kênh mương	km	2002	1,488	0	0,967
	Cống thủy lợi	Cái	2002	4	0	0
	Trạm bơm	Cái	2017	1	0	0
4	Thôn Minh Thắng					
	Đê	Km	2006	0,213	0	0

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

	Kè	Km	2006	0,918	0	0,512
	Kênh mương	km	1999	0	0,3	0,1
	Cống thủy lợi	Cái	0	0	0	0
	Trạm bơm	Cái	0	0	0	0
5	Thôn Minh Hải					
	Đê	Km	2005	0,623	0	0
	Kè	Km	0	0	0	0
	Kênh mương	km	2015	1,667	0	0,791
	Cống thủy lợi	Cái	0	0	0	0
	Trạm bơm	Cái	0	0	0	0
6	Thôn Minh Thọ					
	Đê	Km	2005	0,356	0	0
	Kè	Km	0	0	0	0
	Kênh mương	Km	1996-2018	1,868	0	0,455
	Cống thủy lợi	Cái	2005	1	0	0
	Trạm bơm	Cái	0	0	0	0
7	Thôn Minh Đức					
	Đê biển	Km	2006	0,525	0	0
	Kè	Km	0	0	0	0
	Kênh mương	km	2013	1,318	0	1,145
	Cống thủy lợi	Cái	2013	1	0	0
	Trạm bơm	Cái	0	0	0	0
8	Thôn Phú Thành					
	Đê sông	Km	1996	0	0	1,3
	Kè	Km	0	0	0	0
	Kênh mương	km	2007	2,979	0	0,941
	Cống thủy lợi	Cái	1998	3	0	0
	Trạm bơm	Cái	2001	1	0	0

9. Nhà ở

TT	Tên thôn	Số hộ	Nhà kiên cố	Nhà bán kiên cố	Nhà thiếu kiên cố	Nhà đơn sơ
----	----------	-------	-------------	-----------------	-------------------	------------

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

1	Minh Thanh	201	45	97	59	0
2	Minh Thịnh	430	240	180	10	0
3	Minh Hùng	391	233	151	7	0
4	Minh Thắng	613	186	388	39	0
5	Minh Hải	410	133	250	27	0
6	Minh Thọ	447	261	181	5	0
7	Minh Đức	370	248	116	6	0
8	Phú Thành	383	212	162	9	0
	Tổng	3245	1558	1525	162	0

10. Nước sạch, vệ sinh và môi trường

TT	Tên thôn	Số hộ	Số hộ tiếp cận nguồn nước sinh hoạt					Số hộ sử dụng nhà vệ sinh		
			Giếng Khoan	Nước máy	Trạm cấp nước công cộng	Tự chảy	Bể chứa nước	Hộp vệ sinh (tự hoại, bán tự hoại)	Tạm	Không có
1	Minh Thanh	201	45	156	0	0	156	185	6	10
2	Minh Thịnh	430		365	0	0	430	418	12	0
3	Minh Hùng	391	49	342	0	0	0	381	10	0
4	Minh Thắng	613	92	521	0	0	0	596	15	2
5	Minh Hải	410	12	338	1	0	340	320	60	0
6	Minh Thọ	447	12	436	0	0	0	444	3	0
7	Minh Đức	370	12	358	0	0	150	350	0	20
8	Phú Thành	383	75	308	1	0	0	340	43	0
	Tổng	3245	297	2824	2	0	1076	3034	149	32

11. Hiện trạng dịch bệnh phổ biến

TT	Loại dịch bệnh phổ biến	Trẻ em	Phụ nữ	Nam giới	Trong đó Người cao tuổi	Trong đó Người khuyết tật
1	Sốt rét	0	0	0	0	0

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

2	Sốt xuất huyết	0	0	0	0	0
3	Viêm đường hô hấp	20	10	4	32	0
4	Tay chân miệng	0	0	0	0	0
5	Số ca bệnh phụ khoa (thường do đk nước sạch và vệ sinh không đảm bảo)	0	120	0	0	0

12. Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý

TT	Loại rừng	Năm trồng rừng	Thôn	Tổng diện tích (ha)	Tỷ lệ thành rừng	Các loại cây được trồng bản địa	Các loại hình sinh kế liên quan đến rừng	Diện tích do dân làm chủ rừng
1	Rừng ngập mặn	2015	Minh Thọ Minh Đức Minh Hải	4,6	100%	Sứ, Vẹt	0	0
2	Diện tích quy hoạch trồng rừng ngập mặn nhưng chưa trồng	2018 đến 2025		43,2				
	Tổng			47,8				

Ghi chú khác:

- Rừng ngập mặn đã thành rừng hiện có ở xã là 4,6 ha do Đơn vị Đồn Biên Phòng Đa Lộc quản lý không giao chủ quyền cho hộ nào (trước đây là Đồn Biên phòng 104, nhưng nay đóng trên địa bàn xã Đa Lộc nên đổi tên theo tên xã).
- Diện tích quy hoạch trồng rừng ngập mặn mà chưa trồng là 43,2 ha (đây là diện tích nuôi ngao chuyển sang trồng RNM) theo quy hoạch của tỉnh đến năm 2025.

13. Hoạt động sản xuất kinh doanh (checked)

Thôn	Hoạt động sản xuất kinh doanh	Đơn vị tính	Số lượng	Số hộ tham gia	Tỷ lệ nữ	Đặc điểm sản xuất kinh doanh	
						Tiềm năng phát triển (*)	Tỷ lệ (%) thiệt hại (**)
Minh Thanh	Trồng trọt						
	a. Lúa	Ha	4, 8	128	72%	0	50%
	b. Hoa màu	Ha	7,8	126	72%	0	50%
	c. Cây lâu năm	Ha	0	0	0	0	0
	d. Cây hàng năm	Ha	1	42	80%	0	50%
	e. Cây ăn quả	Ha	0	0	0	0	0
	Chăn nuôi:						
	a. Gia súc: Bò	Con	11	9	10%	0	0
	- Heo	Con	166	30	30%	0	0

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

	b. Gia cầm:	Con	3.200	115	70%	0	0
	Thủy Hải Sản Đánh bắt						
	a. Người dân đi biển	Hộ	0	0	0	0	0
	b. Tàu thuyền gần bờ	Tàu	0	0	0	0	0
	c. Tàu thuyền gần bờ	Tàu	0	0	0	0	0
	Thủy hải sản Nuôi trồng						
	a. Bãi nuôi	Ha	0	0	0	0	0
	b. Ao, hồ nuôi (lợ, ngọt, mặn)	Ha	32	32	20%	Cá, tôm, cua	20%
	c. Lồng bè	Cái	0	0	0	0	0
	Buôn bán và dịch vụ khác						
	- Buôn bán tạp hoá	Cơ sở	3	3	80%	0	0
	- Dịch vụ điện tử	Cơ sở	3	3	0	0	0
	- Nghề xây dựng	Hộ	47	47	15%	Thợ nề	20% thu nhập trong mùa thiên tai vì không có việc làm
Mính Thịnh	Trồng trọt						
	a. Lúa	Ha	18	160	40%	0	60%
	b. Hoa màu	Ha	30	150	50%	Khoai lang	60%
	c. Cây lâu năm	Ha	0	0	0	0	0
	d. Cây hàng năm	Ha	5,5	32	30%	Rau, hành	60%
	e. Cây ăn quả	Ha	0	0	0	0	0
	Chăn nuôi						
	a. Gia súc: Bò	Con	23	18	10%	0	0
	- Heo	Con	450	48	50%	0	10%
	b. Gia cầm	Con	25.700	30	100%	3 Trang trai	10%
	Thủy Hải Sản Đánh bắt						
	a. Người dân đi biển	Hộ	25	25	0	0	0
	b. Tàu thuyền gần bờ	Tàu	1	1	0	0	0

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

	c. Tàu thuyền gần bờ	Tàu	0	0	0	0	0
	Thủy hải sản Nuôi trồng						
	a. Bãi nuôi	Ha	0	0	0	0	0
	b. Ao, hồ nuôi	Ha	0	0	0	0	0
	c. Lồng bè	Cái	0	0	0	0	0
	Buôn bán tạp hoá:	Cơ sở	60	60	80%	0	0
	Gò hàn, xây dựng	Hộ	40	120 lao động	30%	0	20% thu nhập do không có việc làm trong mùa bão, lụt
Minh Thắng	Trồng trọt						
	a. Lúa	Ha	2,2	18	100%	0	20%
	b. Hoa màu	Ha	2	17	100%	0	20%
	c. Cây lâu năm	Ha	0	0	0	0	0
	d. Cây hàng năm	Ha	0	0	0	0	0
	e. Cây ăn quả	Ha	0	0	0	0	0
	Chăn nuôi						
	a. Gia súc: Bò	Con	3	1	100%	0	0
	- Heo	Con	0	0	0	0	0
	b. Gia cầm	Con	1.500	50	90%	0	0
	Thủy Hải Sản Đánh bắt						
	a. Người dân đi biển	Hộ	515	350	0	0	0
	b. Tàu thuyền gần bờ	Tàu	2	2	0	0	0
	c. Tàu thuyền xa bờ	Tàu	41	41	0	0	0
	Thủy hải sản Nuôi trồng						
	a. Bãi nuôi ngao	Ha	12	6	0	0	0
	b. Ao, hồ nuôi	Ha	0	0	0	0	0
	c. Lồng bè	Cái	0	0	0	0	0
	Buôn bán tạp hoá và dịch vụ mua bán hải sản và vật liệu xây dựng		35	35	85%	0	0
Minh Hải	Trồng trọt						

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

a. Lúa	Ha	45	129	80%	Lúa 2 vụ	3%
b. Hoa màu	Ha	20	50	80%	Khoai lang, lạc	30%
c. Cây lâu năm	Ha	0	0	0	0	0
d. Cây hàng năm	Ha					
e. Cây ăn quả	Ha	0	0	0	0	0
Chăn nuôi						
a. Gia súc: Bò	Con	16	10	80%	0	0
- Heo	Con	150	45	85%	8 Trang trại	0
b. Gia cầm	Con	120.000	28	70%		0
Thủy Hải Sản Đánh bắt						
a. Người dân đi biển	Hộ	150	150	0	0	0
b. Tàu thuyền gần bờ	Tàu	5	10	0	0	0
c. Tàu thuyền xa bờ	Tàu	2	4	0	0	0
Thủy hải sản Nuôi trồng						
a. Bãi nuôi ngao	Ha	15	15	50%	0	50%
b. Ao, hồ nuôi	Ha	0	0	0	0	0
c. Lồng bè	Cái	0	0	0	0	0
Buôn bán và dịch vụ khác						
- Buôn bán Tạp hoá		25	25	90%	0	0
- Mua bán thủy sản		8	8	80%	0	0
- Thợ mộc		8	8	0	0	0
- Thợ xây dựng		120	120	30%	0	30% thu nhập do không việc làm mùa thiên tai
Minh Đức	Trồng trọt					
a. Lúa	Ha	15	220	85%	Lúa 2 vụ	35%
b. Hoa màu	Ha	15	220	85%	Khoai, lạc	35%
c. Cây lâu năm	Ha	0	0	0	0	0
d. Cây hàng năm	Ha	0	0	0	0	0
e. Cây ăn quả	Ha	0	0	0	0	0
Chăn nuôi						
a. Gia súc: Bò	Con	26	26	85%	0	10%

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

- Heo	Con	160	160	85%	0	25%
b. Gia cầm	Con	21.500	100	85%	0	15%
Thủy Hải Sản Đánh bắt						
a. Người dân đi biển	Hộ	35	50	0	0	0
b. Tàu thuyền gần bờ	Tàu	0		0	0	0
c. Tàu thuyền xa bờ	Tàu	6	0	0	0	0
Thủy hải sản Nuôi trồng						
a. Bãi nuôi ngao	Ha	15	15	50%	0	50%
b. Ao, hồ nuôi	Ha	0	0	0	0	0
c. Lồng bè	Cái	0	0	0	0	0
Buôn bán và dịch vụ khác		25	25	85%	0	0
Phú Thành	Trồng trọt					
a. Lúa	Ha	30,5	313	60%	Lúa 2 vụ	40%
b. Hoa màu	Ha	15	313	60%	Khoai, lạc	30%
c. Cây lâu năm	Ha	0	0	0	0	0
d. Cây hàng năm	Ha	16	178	60%	Rau	0
e. Cây ăn quả	Ha	0,6	280	30%	0	0
Chăn nuôi						
a. Gia súc: Trâu	Con	7	5	70%	0	0
- Bò	Con	36	29	30%	0	0
- Heo	Con	7.000	123	40%	17 Trang trại	10%
b. Gia cầm	Con	225.500	79	40%		20%
Thủy Hải Sản Đánh bắt						
a. Người dân đi biển	Hộ	0	0	0	0	0
b. Tàu thuyền gần bờ	Tàu	0	0	0	0	0
c. Tàu thuyền gần bờ	Tàu	0	0	0	0	0
Thủy hải sản Nuôi trồng						
a. Bãi nuôi	Ha	0	0	0	0	0
b. Ao, hồ nuôi cá nước ngọt	Ha	5	36	0	0	70%
c. Lồng bè	Cái	0	0	0	0	0
Buôn bán tạp hoá		9	9	100%	0	0

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

Minh Hùng	Trồng trọt						
	a. Lúa	Ha	24	151	80%	Lúa 2 vụ	35%
	b. Hoa màu	Ha	10	151	80%	Màu 2 vụ	35%
	c. Cây lâu năm	Ha	0	0	0	0	0
	d. Cây hàng năm	Ha	0,9	95	80%	Khoai lang	35%
	e. Cây ăn quả	Ha	1,5	151	60%	0	0
	Chăn nuôi						
	a. Gia súc: Bò	Con	35	35	80%	0	5%
	- Heo	Con	5.712	135	85%	7 trang trại	25%
	b. Gia cầm	Con	166.000	135	85%	9 trang trại	25%
	Thủy Hải Sản Đánh bắt						
	a. Người dân đi biển	Hộ	2	2	0	0	0
	b. Tàu thuyền gần bờ	Tàu	0	0	0	0	0
	c. Tàu thuyền xa bờ	Tàu	2	2	0	0	0
	Thủy hải sản Nuôi trồng						
	a. Bãi nuôi	Ha	3,5	3	0	Nuôi trồng thủy sản	30%
	b. Ao, hồ nuôi	Ha	5	6	0	Nuôi cá	20%
	c. Lồng bè	Cái	0	0	0	0	0
	Buôn bán và dịch vụ khác						
			61	61	35%	Kinh doanh	15%
Minh Thọ	Trồng trọt						
	a. Lúa	Ha	13,1	64	89%	Lúa 2 vụ	35%
	b. Hoa màu	Ha	8,1	45	95%	0	0
	c. Cây lâu năm	Ha	0	0	0	0	0
	d. Cây hàng năm	Ha	0	0	0	0	0
	e. Cây ăn quả	Ha	0	0	0	0	0
	Chăn nuôi						
	a. Gia súc: Bò	Con	2	1	95%	0	5%
	- Heo	Con	12	3	100%	0	10%
	b. Gia cầm	Con	8.000	0	0	1 Trang trại	5%
	Thủy Hải Sản Đánh bắt						
	a. Người dân đi biển	Hộ	279	210	0	0	15%
	b. Tàu thuyền gần bờ	Tàu	0	0	0	0	0

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

c. Tàu thuyền xa bờ	Tàu	11	11	0	0	20%
Thủy hải sản Nuôi trồng						
a. Bãi nuôi ngao	Ha	5	5	50%	0	50%
b. Ao, hồ nuôi	Ha	0	0	0	0	0
c. Lồng bè	Cái	0	0	0	0	0
Buôn bán tạp hoá, cá và chế biến hải sản						
		60	60	90%	0	0

14. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng
Thôn Minh Thắng			
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	95%
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	100%
3	Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới)	cái	16 loa (có dây)
4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ù, công, chiêng, v.v.) tại thôn	%	0%
5	Số trạm khí tượng, thủy văn	Trạm	0%
6	Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu)	Trạm	0%
7	Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin	Hộ	80%
Thôn Minh Thanh			
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	95%
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	100%
3	Số loa phát thanh (có dây)	cái	8 loa
4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (Kèng) tại thôn/ mỗi thôn có 1 kèng (8/8 thôn)	%	100%
5	Số trạm khí tượng, thủy văn	Trạm	Không có
6	Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu)	Trạm	không có đáp Không có xả lũ,
7	Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin	Hộ	92%
Thôn Minh Thọ			
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	95%
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	100%
3	Số loa phát thanh (có dây)	cái	11 loa
4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (Kèng) tại thôn/ mỗi thôn có 1 kèng (8/8 thôn)	%	100%

Commented [BVH3]: Bảng này chỉ cần tính theo đơn vị xa
Nếu các đơn vị làm theo thôn thì càng tốt

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

5	Số trạm khí tượng, thủy văn	Trạm	Không có
6	Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu)	Hộ	không có đập Không có xả lũ,
7	Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin	Hộ	86%
Thôn Phú Thành			
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	98%
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	100%
3	Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới)	cái	12 loa
4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (Kèng) tại thôn/ mỗi thôn có 1 kèng (8/8 thôn)	%	100%
5	Số trạm khí tượng, thủy văn	Trạm	Không
6	Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu)	Trạm	không có đập Không có xả lũ,
7	Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin	Hộ	85%
Thôn Minh Hùng			
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	97%
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	100%
3	Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới)	cái	11 loa
4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp (Kèng) tại thôn/ mỗi thôn có 1 kèng (8/8 thôn)	%	100%
5	Số trạm khí tượng, thủy văn	Hộ	Không có
6	Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu)	Hộ	không có đập nên không có xả lũ,
7	Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin	%	90%
Thôn Minh Thịnh			
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	98%
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	100%
3	Số loa phát thanh có dây (hữu tuyến)	cái	13 loa
4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (Kèng) tại thôn/ mỗi thôn có 1 kèng (8/8 thôn)	%	100%
5	Số trạm khí tượng, thủy văn	Hộ	Không có
6	Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu)	Hộ	không có đập nên không có xả lũ,
7	Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin	Hộ	85%
Thôn Minh Hải			
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	95%
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	100%
3	Số loa phát thanh có dây (hữu tuyến)	cái	8 loa

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (Kèng) tại thôn/ mỗi thôn có 1 kèng (8/8 thôn)	%	100%
5	Số trạm khí tượng, thủy văn	Trạm	Không có
6	Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu)		không có đập nên không có xả lũ,
7	Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin	Hộ	80%
Thôn Minh Đức			
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	95%
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	100%
3	Số loa phát thanh có dây (hữu tuyến)	cái	12 loa
4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ù, công, chiêng, v.v.) tại thôn	%	100%
5	Số trạm khí tượng, thủy văn	Trạm	Không có
6	Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu)		không có đập nên không có xả lũ,
7	Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin	Hộ	90%

15. Phòng chống thiên tai/TU'BDKH

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Số lượng thôn có kế hoạch/phương án Phòng chống thiên tai và/hoặc kế hoạch thích ứng BDKH hàng năm	Thôn	8	Liệt kê tên thôn
2	Số lượng trường học có kế hoạch PCTT hàng năm	Trường	4	Mầm non, tiểu học 1,2; THCS
3	Số lần diễn tập PCTT trong 10 năm qua tại xã	Lần	5	Xã tổ chức
4	Số thành viên Ban chỉ huy PCTT và TKCN của xã	Người	27	Xã
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	5	Ủy viên
	- Số lượng đã qua đào tạo QLRRTT-DVCD hoặc đào tạo tương tự về PCTT, trong đó số nữ là bao nhiêu	Người	1	Thành viên Ban PCTT xã
5	Số lượng lực lượng thanh niên xung kích, chữ thập đỏ, cứu hộ-cứu nạn tại xã	Người	210	Xã và các thôn
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	5	Công tác tuyên truyền và hậu cần
6	Số lượng Tuyên truyền viên PCTT/TU'BDKH dựa vào cộng đồng	Người	10	Của xã
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	1	Tuyên truyền viên
7	Số lượng Phương tiện PCTT tại xã:			
	- Ghe, thuyền:	Chiếc	5	Huy động của dân

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

	- Áo phao	Chiếc	100	Phân cho ban chỉ huy PCTT xã và Tiểu ban của thôn
	- Loa cầm tay	Chiếc	2	PCTT xã
	- Đèn pin	Chiếc	10	PCTT xã
8	- Máy phát điện dự phòng	Chiếc	1	UBND xã
	- Lều bạt	Chiếc	4	PCTT xã
	- Xe vận tải	Chiếc	20	Hợp đồng với bến xe khách đóng ở xã và các hộ có dịch vụ vận tải.
9	Số lượng vật tư thiết bị dự phòng	Kho		Lưới B40, Cọc tre, phao, bao bì, bạt, rọ sắt, lều
	- Số lượng gói/đơn vị hóa chất khử trùng tại chỗ	Đơn vị	0	Xã phụ thuộc vào cơ sở thuốc dự phòng của huyện (dịch xuất huyết, đốm mắt...)
10	Số lượng thuốc y tế dự phòng tại chỗ	Đơn vị	0	Xã phụ thuộc vào cơ sở thuốc dự phòng của huyện Các trang trại và gia trại tự dự phòng dịch, tiêu độc khử trùng cho cơ sở chăn nuôi của mình.

16. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác

- Nuôi trồng thủy sản (quảng canh và thâm canh) tập trung ở các thôn Minh Hùng, Minh Thịnh và Phú Thành
- Đánh bắt xa bờ và gần bờ tập trung ở các thôn Minh Thọ, Minh Hải, Minh Đức, Minh Hùng và Minh Thắng
- Dịch vụ hậu cần nghề cá tập trung ở 3 thôn có đánh bắt nhiều (thôn Minh Thọ, Minh Hải và Minh Thắng)
- Nông nghiệp gồm : Trồng trọt (sản xuất lúa 2 vụ và rau màu : ngô, khoai lang, lạc, đậu và rau các loại) và chăn nuôi (trang trại và gia trại chủ yếu nuôi bò, heo, gia cầm). Trang trại chủ yếu ở thôn Minh Hùng, Phú Thành, Minh Hải và Minh Đức. Chăn nuôi nhỏ lẻ quy mô hộ gia đình nuôi từ 8 con heo trở xuống (cơ bản có ở 8/8 thôn)
- Thủ công mỹ nghệ truyền thống (chủ yếu tập trung ở thôn Minh Hùng và ở thôn Minh Thắng)

Commented [BVH4]: Rất tốt và các báo cáo khác nên theo hướng này

17. Tổng hợp hiện trạng Năng lực về PCTT và TUBDKH (Kiến thức, kỹ thuật, công nghệ)

TT	Liệt kê các loại Kiến thức, Kinh nghiệm & Công nghệ	Thôn Minh Thịnh	Thôn Minh Hùng	Thôn Minh Thắng	Thôn Minh Thọ	Thôn Minh Hải	Thôn Minh Đức	Thôn Minh Thanh	Thôn Phú Thành	Khả năng của xã (Cao, Trung Bình, Thấp)
1	Kiến thức chung về PCTT của cộng đồng để bảo vệ người và tài sản trước thiên tai (ứng phó, phòng ngừa và khắc phục)	TB (50%)	TB (50%)	Thấp (40%)	Thấp (40%)	TB (50%)	Thấp (40%)	TB (50%)	Cao (80%)	Trung bình

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

2	Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng	TB (50%)	TB (50% có biết về kỹ thuật)	TB (50%)	TB (55%)	TB (50%)	TB (50%)	TB (50%)	TB (50%)	Trung bình
	- Điện	TB (50% có biết về kỹ thuật)	TB (50% có biết về kỹ thuật)	TB (50% có biết về kỹ thuật)	TB (50% có biết về kỹ thuật)	TB (50% có biết về kỹ thuật)	TB (50% có biết về kỹ thuật)	TB (50% có biết về kỹ thuật)	TB (50% có biết về kỹ thuật)	Trung bình
	- Đường và cầu công	TB (50%)	TB (50%)	TB (50%)	TB (50%)	TB (55%)	TB (55%)	TB (55%)	TB (55%)	Trung bình
	- Trường	TB (50%)	Cao (80%)	Cao (80%)	TB (50%)	Cao (85%)	Cao (90%)	TB (50%)	Cao (90%)	Cao
	- Trạm	TB (50%)	TB (50%)	Cao (80%)	TB (50%)	TB (50%)	TB (50%)	TB (50%)	TB (50%)	
	- Trụ sở UBND, Nhà Văn hóa	Cao (90%)	Cao (90%)	Cao (80%)	Cao (80%)	Cao (85%)	Cao (90%)	TB (50%)	Cao (90%)	
	- Chợ	Thấp (40%)	TB (50%)	Thấp (40%)	Thấp (40%)	Thấp (40%)	Thấp (40%)	TB (50%)	Thấp (40%)	
3	Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình thủy lợi	TB (50%)	TB (50%)	TB (50%)	TB (50%)	TB (50%)	TB (50%)	TB (50%)	TB (50%)	
4	Kỹ năng và kiến thức chống nắng nhà cửa	TB (50%)	TB (50%)	TB (50%)	TB (50%)	TB (50%)	TB (50%)	TB (50%)	TB (50%)	
5	Kiến thức giữ gìn vệ sinh và môi trường	TB (50%)	TB (50%) (xuyên)	TB (50%)	TB (50%)	TB (50%)	TB (50%)	TB (50%)	TB (50%)	
6	Khả năng kiểm soát dịch bệnh của đơn vị y tế Ý thức vệ sinh phòng ngừa dịch bệnh của hộ dân	TB (50%)	TB (50%)	TB (50%)	TB (50%)	TB (50% (thời))	TB (50%)	TB (50%)	TB (50%)	Trung bình
7	Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý	Không có	Không có rừng	TB (50%)	TB (50%)	Không có rừng	Không có rừng	Không có rừng	Không có rừng	Trung bình
8	Hoạt động sản xuất kinh doanh	TB (50%)	TB (50%)	TB (50%)	TB (50%)	TB (50%)	TB (50%)	TB (50%)	TB (50%)	Trung bình
9	Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	TB (50%)	TB (50%)	Cao (100%)	TB (50%)	TB (50%)	TB (50%)	TB (50%)	TB (50%)	Trung bình
	Khả năng của thôn (Cao, Trung Bình, Thấp)	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình

C. Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai và khí hậu của xã

1. Rủi ro với dân cư và cộng đồng

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰ BDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
ATNĐ, Bão, Gió Nam (gió mạnh trên biển)	Minh Thăng Minh Thọ Minh Hải Minh Đức	613 447 432 420 Tổng: 1.908	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 77 Nhà thiếu kiên cố và Thôn Minh Hải còn 6 nhà đơn sơ. - 2,04 km đê kè biển yếu có nguy cơ sạt lở do triều cường khi có bão lớn. - 5% hộ dân sử dụng điện không an toàn và còn 50 cột điện sau công tơ làm tạm bợ. - 01 trạm điện xuống cấp do quá tải, thường xuyên mất điện bất lợi cho người dân trong mùa thiên tai. - 10-20% người dân không tiếp cận được hệ thống loa truyền (khoảng cách xa) - 10% không có tivi - Thiếu có phương tiện cứu nạn, cứu hộ cho Đội xung kích: Thuyền, xe vận chuyển, phao, áo phao, thuốc cứu thương và thuốc khử trùng). - Các hộ đi biển không có thông tin cảnh báo gió nam <p>*Tổ chức- Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên 100 hộ nằm ở khu vực ven đê thường bị ảnh hưởng trực tiếp bão. - Có nhiều đối tượng dễ bị tổn thương: 4.182 trẻ em (2.105 nữ), 204 phụ nữ đơn thân, 73 phụ nữ mang thai, 835 người già (613 cụ bà), 115 người khuyết tật (69 nữ) cần sự hỗ trợ khi có bão. - 33% thành viên đội xung kích từ 50 – 60 tuổi, thường xuyên biến động và chưa được tập huấn kỹ năng sơ cấp cứu, - Đội xung kích thiếu trang thiết bị an toàn (Phao, xuống, thuyền cứu hộ) - 20% thành viên đội xung 	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 823 nhà kiên cố có thể làm nơi tránh trú và 961 nhà bán kiên cố. - Nhà Văn hóa: 04 nhà kiên cố xây năm 2013-2015 có thể làm nơi tránh trú cho khoảng trên 900 người - 327 cột điện kiên cố bê tông cốt thép và 32,62 km đường dây điện an toàn và 03 trạm điện mới lắp đặt. - Hệ thống loa truyền thanh có 16 loa hoạt động tốt 95% hộ có ti vi, 98% hộ dân tiếp cận với hệ thống loa truyền thanh và cảnh báo sớm của thôn và xã - Có 13 phao cứu sinh, 03 đèn pin do đội xung kích xã quản lý và 02 ô tô vận chuyển ở thôn Minh Thọ do Tổ PCTT thôn quản lý. - 11 loa truyền thanh thôn phát tin cho 90% thôn - 90% hộ có tivi, 100% hộ có điện thoại di động. <p>*Tổ chức- Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xã kịp thời thông báo và cảnh báo cho người dân khi có thiên tai qua hệ thống truyền thanh của xã, thôn, bưu tá - Có đội xung kích: 20-30 thành viên (60% thành viên có sức khỏe mạnh có kỹ năng ứng cứu) - Thôn tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh phân công các thành viên xuống khu dân cư giúp đỡ người dân chằng chống nhà cửa, hỗ trợ sơ tán người dân trước khi thiên xảy ra. - 80-92% hộ dân trong thôn nghe được loa truyền 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ thiệt hại về người do sập nhà, sơ tán không kịp khi có bão, TNĐ, - Nguy cơ ngư dân bị thiệt mạng do Gió Nam (gió mạnh ngoài khơi) - Nguy cơ sạt lở hư hỏng đê thiếu an toàn cho người dân và cộng đồng 	Cao

Commented [BVH5]: Có gang chỉ tap trung mot loai hình thiên tai

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

			<p>kích thường xuyên thay đổi nên thành viên mới chưa được tập huấn kỹ năng sơ cấp cứu và PCTT.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đội xung kích thiếu trang thiết bị an toàn (thuyền, phao, áo phao, thuốc men) <p>*Kiến thức, ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 40-75% người dân chưa biết bơi. - 100% hộ dân chưa được tập huấn về PCTT - 50% hộ sống ven biển còn chủ quan chưa chấp hành nghiêm khi có thông báo đi dời. 	<p>thanh.</p> <p>*Kiến thức, Ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 25-60% người dân biết bơi - 60% số hộ dân sống ở vùng ven biển ven sông nên có nhiều kinh nghiệm trong phòng chống thiên tai. - 50% hộ có ý thức phòng chống thiên tai và chấp hành lệnh di dời. - 100% ngư dân đưa tàu thuyền vào nơi trú ẩn an toàn khi có thông báo bão. 		
Ngập lụt	Minh Thắng Minh Thọ Minh Hải Minh Đức	613 447 432 420 Tổng: 1.908	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 77 Nhà thiếu kiên cố và Thôn Minh Hải còn 6 nhà đơn sơ. - 2,7 km đường trong thôn nhỏ, nền đường yếu, xuống cấp thường xuyên bị ngập lụt và 1,095 km đường nội đồng bằng đất. - Thiếu có phương tiện cứu nạn, cứu hộ cho Đội xung kích (thuyền, xe vận chuyển, phao, áo phao, thuốc cứu thương và thuốc khử trùng). <p>*Tổ chức, Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có nhiều đối tượng dễ bị tổn thương: 4.182 trẻ em (2.105 nữ), 204 phụ nữ đơn thân, 73 phụ nữ mang thai, 835 người già (613 cụ bà), 115 người khuyết tật (69 nữ) cần sự hỗ trợ khi có bão. - 33-60% thành viên đội xung kích từ 50 – 60 tuổi, thường xuyên biển động và chưa được tập huấn PCTT và kỹ năng sơ cấp cứu. <p>*Kiến thức, Ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 40-75% người dân chưa biết bơi. 100% hộ dân chưa được tập huấn về PCTT - Các hộ dân khu vực sát biển (đặc biệt là 157 hộ khu vực mép nước) còn chủ quan trước thiên tai. - Ý thức PCTT chưa cao. 30% hộ dân trong các thôn còn chủ quan, chưa chấp hành nghiêm lệnh sơ tán khi chính quyền thông báo. 	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 823 nhà kiên cố có thể làm nơi trú ẩn và 961 nhà bán kiên cố. - 1 km đường nhựa, 8,85 km đường bê tông liên thôn thuận lợi đi lại trong mùa thiên tai. - Đường khu dân cư 3,32 km liên thôn không bị ngập lụt - Nhà Văn hóa: 04 nhà kiên cố xây năm 2013-2015 có thể làm nơi trú ẩn cho khoảng trên 900 người <p>*Tổ chức, Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đội xung kích: 20-30 thành viên (60% thành viên có sức khỏe mạnh có kỹ năng ứng cứu) - Thôn tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh phân công các thành viên xuống khu dân cư giúp đỡ người dân chằng chống nhà cửa, hỗ trợ sơ tán người dân trước khi thiên xảy ra. <p>*Kiến thức, Ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 70% người dân chấp hành tốt khi có lệnh sơ tán đến nơi an toàn khi bị ngập lụt. - 80-92% hộ dân trong thôn nghe được loa truyền thanh. - 60% số hộ dân sống ở vùng ven biển ven sông nên có nhiều kinh nghiệm trong phòng chống thiên tai. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ thiệt hại về người và tài sản khi bị ngập lụt - Nguy cơ đuối nước ở trẻ em 	Cao
Ngập lụt	Phú Thành Minh Hùng	383 391	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 30-35% nằm ở vùng thường 	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 814 nhà kiên cố và 613 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ thiệt hại về người 	Cao

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

<p>Minh Thịnh Minh Hải</p>	<p>430 432</p>	<p>bị ngập lụt với 92 nhà thiếu kiên cố và 19 nhà đơn sơ ở thôn Minh Thanh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Còn 71 nhà vệ sinh tạm. - 10 hộ không có nhà vệ sinh ở thôn Minh Thanh. - 01 nhà văn hóa của thôn Phú Thành xây từ năm 1993 đã xuống cấp. - 600m đường giao thông trong thôn hẹp, nền đường yếu đã được làm cách đây nhiều năm thường xuyên bị ngập lụt. - Có 01 cống giao thông yếu, không đảm bảo tiêu thoát - 1,3km đê sông và 0,941 km kênh mương chưa kiên cố. - 2.5 km dây điện yếu - Đội xung kích thôn chưa có đủ phương tiện cứu nạn, cứu hộ (thiếu thuyền, phao cứu sinh, thuốc cứu thương và thuốc khử trùng) - 15% hộ nghe không rõ do hệ thống truyền thanh bị xuống cấp. Không có biển báo nơi nguy hiểm. <p>*Tổ chức- Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 50-70% hộ nằm ở khu vực thường bị ngập lụt kéo dài 4-6 ngày. - Có nhiều đối tượng dễ bị tổn thương: 1.042 trẻ em (557 nữ). 194 hộ phụ nữ đơn thân, 57 phụ nữ mang thai, 740 cụ già (422 cụ bà), 59 người khuyết tật (29 nữ) cần sự hỗ trợ khi cần sơ tán. - 20-33% thành viên đội xung kích từ 50-60 tuổi, thường xuyên biến động và chưa được tập huấn kỹ năng sơ cấp cứu, - Đội xung kích thiếu trang thiết bị an toàn (Phao, xuồng, thuyền cứu hộ) - 60% người dân chưa biết bơi. - 70- 100% hộ dân chưa được tập huấn về PCTT - 25% người dân chưa có ý thức nghe thông tin cảnh báo thiên tai từ loa truyền thanh và ti vi và khi có thông báo sơ tán. 	<p>nhà bán kiên cố</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1.324 hộ có nhà vệ sinh tự hoại và bán tự hoại - 03 nhà Văn hóa kiên cố xây từ 2003-2017 có thể làm nơi tránh trú cho khoảng 990 người trong thôn khi cần sơ tán các hộ bị ngập lụt. - Đường khu dân cư không bị ngập lụt. 5 km Đường nội thôn được bê tông hóa kiên cố. - 100% cột điện bê tông kiên cố (308 cột, 44.24km dây điện an toàn và 04 trạm điện kiên cố, truyền tải điện ổn định - 100% đường liên thôn được bê tông hóa. - Có 01 xe ô tô và 02 xe ba gác vận chuyển - Hệ thống truyền thanh đảm bảo phát tin đến 85% hộ dân trong thôn. - 97-100% hộ dân có ty vi, tiếp cận đài phát Thanh của Trung ương và tỉnh <p>*Tổ chức- Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xã kịp thời thông báo và cảnh báo cho người dân khi có thiên tai qua hệ thống truyền thanh của xã, thôn, bưu tá - Có đội xung kích từ 13- 30 thành viên (60% thành viên có sức khỏe, nhiệt tình và có kỹ năng ứng cứu) - Xã tuyên truyền thường xuyên trên hệ thống loa truyền thanh của thôn. - 30-85% người dân có kinh nghiệm trong phòng chống thiên tai, chấp hành tốt khi có thông báo sơ tán đến khu vực an toàn. - 40% người dân biết bơi, khỏe mạnh trong thôn - Người dân trong thôn chấp hành tốt khi có lệnh sơ tán đến nơi an toàn. - 75% người dân thường xuyên theo dõi thông tin thời tiết và 80% hộ dân có ý thức phân công nhiệm vụ khi có thiên tai (50% nam, 50% nữ). 	<p>và tài sản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ đuối nước ở trẻ em 	
--------------------------------	--------------------	---	--	--	--

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

Nắng nóng	8/8 thôn	Tổng số hộ: 3.317	<ul style="list-style-type: none"> Nhiệt độ những ngày nắng có xu hướng tăng (39-41 độ) và kéo dài hơn 5 năm trước. Những công việc làm ngoài trời (sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản) ảnh hưởng nhiều đến sức khỏe đặc biệt là phụ nữ. 	<ul style="list-style-type: none"> Các hộ dân đều có ý thức mua sắm quạt mát để dùng. 	<ul style="list-style-type: none"> Nguy cơ mắc các bệnh về đường hô hấp ở người già và trẻ em và phụ nữ 	Trung bình
Rét đậm rét hại	8/8 thôn	Tổng số hộ: 3.317	<ul style="list-style-type: none"> Rét hại xu hướng ngày càng nhiều, nhiệt độ xuống thấp dưới 10 độ C, kéo dài nhiều ngày và có nhiều đợt rét liên tục trong năm nên bị ảnh hưởng đến sức khỏe của người già và trẻ em. 	<ul style="list-style-type: none"> Người dân có ý thức trang bị chống rét cả nhân cho trẻ em, người già và người lao động ngoài trời. Trạm y tế thường xuyên tổ chức tiêm phòng cho phụ nữ mang thai và trẻ em. 		

2. Hạ tầng công cộng

Loại hình Thiên tai/BDKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BDKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão, Ngập lụt	Minh Thăng Minh Thọ Minh Hải Minh Đức	613 447 432 420 Tổng: 1.908	<p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> Còn 15 % số hộ sử dụng đường dây không an toàn và còn 50 cột điện sau công tơ làm tạm bợ bằng tre luồng. 01 trạm điện xuống cấp do quá tải thường xuyên mất điện bất lợi cho người dân trong mùa thiên tai. Còn 10% số hộ sử dụng đường dây điện không an toàn (6,8km). 3,696 km đường nội đồng là đường đất gây khó khăn đi lại sản xuất cho người dân trong mùa bão lụt. 01 trường Tiểu học Minh Lộc II ở thôn Minh Hải có 18 phòng học bán kiên cố. <p>*Tổ chức- Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> 15-20% hộ dân (chủ yếu là các hộ già cả, ốm đau, phụ nữ đơn thân) không có nhân lực và kinh tế tham gia duy tu và sửa chữa hạ tầng sau Bão, Lụt. <p>*Kiến thức- Ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> 30 % người dân chủ quan thiếu ý thức phòng chống thiên tai 100% người dân chưa được cung cấp kiến thức kỹ thuật duy tu bảo dưỡng hạ tầng 	<p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> 308 cột điện kiên cố bê tông cốt thép và 44.24km đường dây điện an toàn và 04 trạm điện kiên cố, truyền tải điện ổn định Có trường Tiểu học Minh Lộc 2 ở thôn Minh Hải với 18 phòng xây kiên cố 90% hộ dân sử dụng đường dây điện an toàn. Có 1,845 Km đường nhựa (Đường huyện lộ đi qua năm 2016) 17,09 km đường thôn đã bê tông hoá năm 2004-2018. 01 trường Tiểu học Minh Lộc II ở thôn Minh Hải có 02 phòng xây kiên cố <p>*Tổ chức- Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> Đội Bảo nông của thôn, Hội nông dân, hội phụ nữ, đoàn thanh niên huy động người dân tham gia gia cố, tu sửa đường trước, trong và sau mưa bão, lụt <p>*Kiến thức- Ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> Có 70-80% hộ dân hưởng ứng tham gia (khoảng 30% nữ tham gia). 	<ul style="list-style-type: none"> Nguy cơ sạt lở đường nội đồng bằng đất Nguy cơ mất điện trong mùa mưa bão do gãy cột điện sau công tơ 	Cao

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

Bão, Ngập lụt	Phú Thành Minh Hùng Minh Thịnh Minh Hải	383 391 430 432	<p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 32 cột điện sau công tơ làm từ tre luồng hay thân cây. - Có 75 cột điện bê tông xây dựng từ năm 1993 đã xuống cấp. - Còn 3-10 % hộ sử dụng đường dây điện không an toàn. - 60-100% đường nội đồng bằng đất (5,056km). Đường hẹp nền đường yếu dễ ngập lụt, khó khăn đi lại, sản xuất cho người dân . - Trường học, trạm y tế ở xa các thôn từ 0,5 -1,5 km. - 02 nhà văn hoá của Thôn Minh Thịnh và Phú Thành đã xuống cấp trầm trọng. - Trường Tiểu học Minh Lộc đóng ở thôn Minh Thanh từ năm 1998 có 22 phòng (19 phòng bán kiên cố) đã xuống cấp. và 3 phòng kiên cố) <p>*Tổ chức- Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 3-10% hộ dân (chủ yếu là các hộ già cả, ốm đau, phụ nữ đơn thân) không tham gia đóng góp kinh phí sửa và nâng cấp hạ tầng - 35% hộ dân không hưởng ứng tham gia tu sửa đường sau bão, lụt <p>*Kiến thức- Ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 35-40% hộ dân thiếu ý thức tham gia tu sửa cơ sở hạ tầng sau thiên tai - 40% người dân thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai - 100% người dân chưa được cung cấp kiến thức kỹ thuật duy tu bảo dưỡng hạ tầng 	<p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 226 cột điện xây kiên cố từ năm 1993 đến nay (Trong đó còn 138 cột còn tốt) - Có 34,09km dây điện chất lượng còn tốt làm năm 1993 và đã được nâng cấp năm 2016 - 90% hộ dân sử dụng đường dây điện an toàn. - Có 1 trạm điện mới xây dựng năm 2016 - Có 2,9 km đường nhựa (Đường huyện lộ đi qua từ năm 2014-2016) - Đường thôn bê tông: 8,154km làm từ năm 2005-2014 - Trường Mầm non Minh Lộc đóng trên địa bàn thôn Minh Hùng xây năm 2015 có 100% (20 phòng) xây kiên cố. <p>*Tổ chức- Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thôn có đội bảo nông (có 15 người không có nữ) huy động người dân tham gia gia cố, tu sửa trước, trong và sau mưa bão - Hội nông dân, hội phụ nữ, đoàn thanh niên có tham gia vào các hoạt động trước, trong và sau (khoảng 45-50% nữ). <p>*Kiến thức- Ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 60% người dân có kiến thức, trách nhiệm bảo vệ, tu sửa đường sau thiên tai. - 65-95% hộ dân hưởng ứng tham gia tu sửa đường sau bão, lụt 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ sạt lở đường nội đồng bằng đất - Nguy cơ gây đổ hư hỏng cột và dây điện chưa an toàn gây mất điện khi có bão, lụt - Nguy cơ tai nạn điện. 	Cao
---------------	--	--------------------------	---	---	---	-----

3. Công trình thủy lợi

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

<p>Bão, Ngập lụt</p>	<p>Minh Thăng Minh Thọ Minh Hải Minh Đức</p>	<p>613 447 432 420 Tổng: 1.908</p>	<p>* Vật chất: - Thôn nằm ở mép nước vùng trũng thường xuyên bị ngập lụt. - 2,42km đường nội đồng bằng đất chưa được kiên cố gây ngập úng cho sản xuất nông nghiệp. - 2,50km kênh mương kiên cố đã xuống cấp, phục vụ tưới tiêu kém hiệu quả. - 0,5 km kênh mương bán kiên cố - 1km đê biển yếu có nguy cơ sạt lở do triều cường khi có bão. Không có cống và trạm bơm *Tổ chức, xã hội: - Việc giám sát của nhân dân trong việc phát hiện đoạn kênh, mương, kè, cống bị hư hỏng chưa kịp thời. - Huy động người dân tham gia sửa chữa, nâng cấp kênh mương gặp khó khăn. - Thôn không có nguồn thu để phát triển hạ tầng, không có sự phân bổ kinh phí. - 70% hộ dân thiếu khả năng đóng góp tu sửa nâng cấp kênh mương. *Kiến thức, Ý thức: - 40-60% người dân chưa tham gia vào giám sát công trình công cộng. - Kinh nghiệm và kỹ năng bảo dưỡng công trình thủy lợi, hộ đê của người dân còn hạn chế. - 100% người dân chưa được cung cấp kiến thức duy tu, bảo dưỡng công trình. - Ý thức bảo vệ của người dân chưa cao.</p>	<p>* Vật chất - 2,556km đê, kè đường biển kiên cố được xây dựng năm 2005-2016. - 1 km kênh mương kiên cố năm 2013 *Tổ chức, xã hội: - Đã thành lập được đội xung kích, ban giám sát đầu tư cộng đồng - Có 70% có ý thức chung tay xây dựng đối ứng công trình thủy lợi - 30% hộ dân có khả năng đối ứng huy động ngày công. - Hàng năm huy động ngày công nạo vét kênh mương. - Công tác tuyên truyền được thực hiện thường xuyên. *Kiến thức, Ý thức: - 100% người dân từ 6 tuổi đến 60 tuổi tham gia đóng góp kinh phí làm đường - 50-60% người dân có trách nhiệm giám sát các công trình - 25-40% hộ gia đình có kinh nghiệm trong phòng chống bão lụt thiên tai.</p>	<p>- Nguy cơ hư hỏng kênh mương bán kiên cố đã xuống cấp - Nguy cơ sạt lở đường đất nội đồng</p>	<p>Cao</p>
<p>Bão, triều cường, Ngập lụt</p>	<p>Phú Thành Minh Hùng Minh Thịnh Minh Hải</p>	<p>383 391 430 432</p>	<p>* Vật chất: - Không có cống thủy lợi và không có trạm bơm - 5,5 Km mương tưới tiêu bán kiên cố năm 2002 đã xuống cấp phục vụ tưới tiêu kém hiệu quả - Nằm ở vùng trũng đường nội đồng bằng đất chưa được kiên cố gây ngập úng cho sản xuất nông nghiệp. *Tổ chức, xã hội: - Không có nguồn thu để tu bổ, sửa chữa công trình công cộng</p>	<p>* Vật chất: - 1,80km mương tưới tiêu kiên cố bê tông năm 2014 và 2km bán kiên cố phục vụ cho tưới và tiêu úng khu dân cư và sản xuất nông nghiệp. - 12 công thủy lợi kiên cố năm 1998-2004 đảm bảo phục vụ tiêu úng và sản xuất - 1, 5 Km tuyến đê kè sông kiên cố năm 1999 hàng năm có bồi đắp - 01 trạm bơm kiên cố</p>	<p>- Nguy cơ sạt lở bồi lấp mương tưới tiêu bằng đất - Nguy cơ bị sạt lở đường đất nội đồng</p>	<p>Trung bình</p>

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

			<ul style="list-style-type: none"> - Chưa được phân bổ kinh phí đầu tư xây dựng công trình phòng chống thiên tai. - Nội dung việc giám cộng đồng, phát hiện kênh mương, công thủy lợi bị hư hỏng chưa kịp thời. Huy động nhân dân tham gia tu sửa và nâng cấp kênh mương gặp khó khăn. *Kiến thức, Ý thức: - 30-50% người dân có ý thức trách nhiệm bảo vệ công trình thủy lợi. - 60% người dân chưa tham gia vào giám sát công trình. - 100% người dân chưa được cung cấp kiến thức, kỹ thuật bảo dưỡng, duy tu đường và cầu cống - 20% người dân chưa tham gia đóng góp kinh phí làm đường do khó khăn, kinh phí đóng góp cao. - Ý thức tham gia bảo vệ các công trình thủy lợi của nhân dân chưa cao. 	<p>làm năm 2001.</p> <p>*Tổ chức, xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đã thành lập ban giám sát đầu tư cộng đồng và thanh tra ở các thôn - Hàng năm xã chỉ đạo các thôn tổ chức nạo vét kênh mương 2 lần/năm - 30-70% hộ có ý thức và khả năng đóng góp đối ứng làm công trình thủy lợi - 35% hộ dân có khả năng đối ứng huy động ngày công. *Kiến thức, Ý thức: - 50-70% người dân có ý thức trách nhiệm tham gia nạo vét kênh mương - Hầu hết hộ dân có kinh nghiệm trong PCTT. - 100% người dân từ 6 tuổi đến 60 tuổi tham gia đóng góp kinh phí làm đường - 40% có trách nhiệm trong giám sát các công trình, bảo vệ các công trình thủy lợi. 		
--	--	--	--	---	--	--

4. Nhà ở

Loại hình Thiên tai/BDKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỦBDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BDKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão, Ngập lụt	Mình Thăng Mình Thọ Mình Hải Mình Đức	613 447 432 420 Tổng: 1.908	<p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 77 nhà thiếu kiên cố (nhà xây bằng xi gạch, không đổ trụ xây dựng 10-25 năm) - 06 nhà đơn sơ ở Thôn Minh Hà. <p>*Tổ chức, Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoảng 30-45% hộ nằm ở vùng sát biển gần sông thường bị tác động do bão, triều cường và ngập lụt cao 0,3-0,5m . - Trên 203 hộ dân nằm ở vùng nguy cơ cao (ngoài vùng kè biển, vùng trũng) thường ngập úng không chịu được tác động của bão và triều cường. 	<p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 823 nhà xây kiên cố chống được bão, lốc - 961 nhà bán kiên cố (móng cứng, tường cứng nhưng mái lợp ngói). <p>*Tổ chức, Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 70% hộ nghèo được hỗ trợ và vay vốn theo quy định của chính phủ. - 2018 có chương trình hỗ trợ cho các đối tượng khó khăn làm nhà an toàn (25 đến 40 triệu đồng) qua kênh Tinh hội PN, Mặt trận tổ quốc Huyện. - Thôn hàng năm huy động lực lượng thanh niên, Đội 	- Nguy cơ thiệt hại về nhà ở	Cao

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

			<p>-204 phụ nữ đơn thân, 73 phụ nữ mang thai, 835 người già (613 cụ bà), 115 người khuyết tật (69 nữ) thiếu nhân lực cần sự hỗ trợ chăm sóc nhà ở khi có bão.</p> <p>-100% hộ nhà yếu không dám vay tiền làm nhà vì không có khả năng trả nợ.</p> <p>*Kiến thức, nhận thức:</p> <p>-40% có ý thức bảo vệ nhà, chăm sóc nhà cửa.</p> <p>-100% hộ chưa được tập huấn kỹ thuật gia cố chống nhà cửa chỉ dựa vào kinh nghiệm</p>	<p>phản ứng nhanh (10-30 người, không nữ) hỗ trợ các gia đình chăm sóc nhà ở trước thiên tai.</p> <p>-0,5% hộ phụ nữ đơn thân vay tiền sửa chữa và làm nhà.</p> <p>*Kiến thức, nhận thức:</p> <p>-60% hộ có nhà ở yếu có ý thức chăm sóc nhà trước mùa thiên tai.</p>		
Bão, Ngập lụt	Phú Thành Minh Hùng Minh Thịnh Minh Hải	383 391 430 432	<p>*Vật chất:</p> <p>-92 nhà thiếu kiên cố (nhà, xây gạch không đồ trụ cột từ 10 năm trở lên đã xuống cấp).</p> <p>-19 nhà đơn sơ ở thôn Minh Thanh.</p> <p>*Tổ chức, Xã hội:</p> <p>-194 hộ phụ nữ đơn thân, 57 phụ nữ mang thai, 740 cụ già (422 cụ bà), 59 người khuyết tật (29 nữ) thiếu nhân lực để chăm sóc nhà cửa và cần trợ giúp khi có thiên tai.</p> <p>-30-50% hộ phụ nữ đơn thân có thu nhập thấp không giám vay tiền làm nhà.</p> <p>-Hộ nghèo, hộ cận nghèo nhà còn đơn sơ không đủ khả năng kinh tế để nâng cấp.</p> <p>-80% hộ khó khăn cần vay tiền để sửa nhà và kinh doanh, nhưng không có khả năng trả nợ.</p> <p>*Kiến thức, nhận thức:</p> <p>-90% hộ dân có ý thức bảo vệ chống nhà cửa.</p> <p>-100% hộ dân chưa được tập huấn kỹ thuật chống nhà cửa, chỉ bằng kinh nghiệm thực tế.</p>	<p>*Vật chất:</p> <p>-814 nhà kiên cố chống tránh bão lũ, tố lốc</p> <p>-613 nhà bán kiên cố (mái cứng, tường cứng, lợp mái ngói).</p> <p>*Tổ chức, Xã hội:</p> <p>-50% hộ nghèo được hỗ trợ vay vốn theo quy định của chính phủ.</p> <p>-Thôn có lực lượng xung kích 10 người trong đội phản ứng nhanh hỗ trợ nhân dân chăm sóc nhà cửa khi có thiên tai.</p> <p>-Có chương trình hỗ trợ xây dựng nhà tránh bão của Mặt Trận Huyện hỗ trợ hộ đặc biệt khó khăn từ 25 đến 40 triệu.</p> <p>-50-70% hộ phụ nữ đơn thân vay tiền sửa chữa và làm nhà, có 02 nhà do mặt trận tổ quốc triệu đồng</p> <p>*Kiến thức, nhận thức:</p> <p>-Nhân dân tham gia đối uwngskinh phí xây dựng nhà ở.</p> <p>-Nhân dân có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật chống nhà ở do tầm nhìn tổ chức</p>	- Nguy cơ thiệt hại về nhà ở	Cao

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

5. Nước sạch, vệ sinh và môi trường

Loại hình Thiên tai/BDK H	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰ BDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BDKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão, Ngập lụt	Minh Thăng Minh Thọ Minh Hải Minh Đức	613 447 432 420 Tổng: 1.908	<p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 130 hộ chưa sử dụng nước máy - 10- 20% giếng khoan bị nhiễm phèn - 57 hộ nghèo bể chứa nhỏ chưa chứa nước đủ dùng - 80 hộ dùng nhà vệ sinh tạm/không có nhà vệ sinh. - Khoảng 767 hộ không có máy lọc nước (đặc biệt các hộ nghèo và khó khăn về tài chính). - 50-90% hộ không có bể chứa để bơm nước vào bể và xử lý qua cát, sỏi...để dùng ăn uống sinh hoạt. <p>*Tổ chức, Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 20% khu dân cư thưa thớt nên không thu gom được rác. - Các hộ chăn nuôi và chế biến thực phẩm không có bể lắng, xả thải ra môi trường gây ô nhiễm. <p>*Kiến thức, nhận thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 10-80% hộ dân ý thức bảo vệ môi trường chưa cao không chấp hành bỏ rác đúng nơi quy định - Một số hộ gia đình đốt, chôn rác gây ô nhiễm không khí hoặc đổ ra biển gây ô nhiễm môi trường - Người dân không biết xử lý xác chết vật nuôi đúng quy định. 	<p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1.644 hộ dùng nước máy - 10-20% hộ có giếng khoan - Khoảng 1.073 hộ có đầu tư mua máy lọc nước - 10-40,5% hộ có bể chứa để bơm nước vào bể và xử lý qua cát, sỏi...để dùng ăn uống sinh hoạt - 1.683 hộ có nhà vệ sinh tự hoại và bán tự hoại. <p>*Tổ chức, Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu gom rác thải mới đạt được 80-90% cho khu dân cư có đường vận chuyển - Xã kết hợp với thôn tuyên truyền bảo vệ môi trường thông qua các cuộc họp dân. <p>*Kiến thức, nhận thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 20-90% hộ dân có ý thức, kiến thức bảo vệ môi trường - 20-90% hộ chấp hành bỏ rác đúng nơi quy định 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ nguồn nước giếng khoan bị nhiễm mặn, ô nhiễm do triều cường, nước thải chăn nuôi và chế biến thực phẩm... - Nguy cơ ô nhiễm môi trường - Nguy cơ ảnh hưởng sức khỏe người dân. 	Trung bình
Bão, Ngập lụt	Phú Thành Minh Hùng Minh Thịnh Minh Hải	383 391 430 432	<p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 233 hộ chưa sử dụng nước máy - 12-22,3% hộ dùng giếng khoan bị nhiễm phèn - 37 hộ nghèo bể chứa nhỏ chưa chứa nước đủ dùng - 81 hộ dùng nhà vệ sinh tạm/không có nhà vệ sinh. - Khoảng 556 hộ không có máy lọc nước (đặc biệt các hộ nghèo và khó khăn về tài chính). 	<p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 863 hộ dùng nước máy (77,6-88%) - 12-22,3% hộ có giếng khoan - 10 – 100% hộ có bể chứa để bơm nước vào bể và xử lý qua cát, sỏi...để dùng ăn uống, sinh hoạt - 684 nhà vệ sinh tự hoại và bán tự hoại (80-92%) - Khoảng 650 hộ có đầu 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ nguồn nước giếng khoan bị nhiễm mặn, ô nhiễm do triều cường, nước thải chăn nuôi và chế biến thực phẩm... - Nguy cơ ô nhiễm môi trường - Nguy cơ ảnh hưởng sức khỏe 	Trung bình (88% hộ dùng nước máy, 12% hộ có giếng khoan, 97% hộ có nhà vệ sinh tự hoại và bán tự hoại)

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

			<p>*Tổ chức, Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 12% khu dân cư thừa thớt nên không thu gom rác được. - Các hộ chăn nuôi và chế biến thực phẩm gây ô nhiễm môi trường (có bể lắng lọc) <p>*Kiến thức, Ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 7- 12% hộ dân ý thức bảo vệ môi trường chưa cao không chấp hành bỏ rác đúng nơi quy định - Một số hộ gia đình đốt, chôn rác gây ô nhiễm không khí hoặc đổ ra biển gây ô nhiễm môi trường. 	<p>tư mua máy lọc nước.</p> <p>*Tổ chức, Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu gom rác thải mới đạt được 88% cho khu dân cư có đường vận chuyển - Xã kết hợp với thôn tuyên truyền bảo vệ môi trường thông qua các cuộc họp dân. <p>*Kiến thức, Ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 88-93% hộ dân có ý thức, kiến thức bảo vệ môi trường - 90% hộ chấp hành bỏ rác đúng nơi quy định 	<p>người dân.</p>	
--	--	--	---	--	-------------------	--

6. Y tế và quản lý dịch bệnh

Loại hình Thiên tai/BDKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BDKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão, Ngập lụt, Hạn hán và Rét	Minh Thăng Minh Thọ Minh Hải Minh Đức	613 447 432 420	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 95% hộ không có tủ thuốc - Không có trạm y tế trên địa bàn thôn. Không có cơ sở khám bệnh tư nhân - Thuốc dự phòng còn hạn chế. <p>*Tổ chức –Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thôn xa trạm y tế và Y tế xã thiếu bác sỹ khám chữa bệnh - Cán bộ y tế thôn không có khả năng can thiệp dịch bệnh (trình độ sơ cấp chưa được đào tạo chuyên môn về sơ cấp cứu). 30% dịch bệnh không kiểm soát được. - Y tá thôn chưa được đào tạo chuyên môn về sơ cấp cứu và PCTT. <p>*Kiến thức – ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 35% hộ ý thức kém phải vận động để mua - Hộ nhiều khẩu thu nhập thấp không có khả năng để mua bảo hiểm y tế - Phun thuốc phòng trừ dịch bệnh phải trả phí nên ý thức người dân vẫn trông chờ hỗ 	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 5% hộ gia đình có tủ thuốc cá nhân - Có 5 quầy thuốc tư nhân trên địa bàn tiện cho dân mua thuốc chữa bệnh <p>*Tổ chức –Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các thôn đều có 01 cán bộ y tế thôn - Y tế dự phòng liên doanh với các công ty để phun thuốc phòng trừ dịch bệnh mùa thiên tai (có thu phí) - Khả năng kiểm soát dịch bệnh chưa được 100% (chỉ được 70%). - Thường xuyên tổ chức VSMT vào cuối tuần. <p>*Kiến thức – ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 60-65% hộ có ý thức mua bảo hiểm y tế - Phụ huynh quan tâm, chăm sóc, hướng dẫn con em mình các kỹ năng PCTT như cho đi học bơi dịp hè. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ dịch bệnh lây lan sau thiên tai - Sơ cấp cứu chưa kịp thời khi có bão, lụt 	Cao

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

			<p>trợ không đóng tiền.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 70-80% người dân không có ý thức khám bệnh định kỳ, chỉ đến bệnh viện khi đã bị ốm đau nặng. - 40% người cao tuổi có nguy cơ bị bệnh cao (sốt xuất huyết, hô hấp, viêm khớp) - 70% người dân không đi khám bệnh định kỳ - Phụ nữ nguy cơ mắc bệnh cao (hô hấp, viêm khớp là 40% viêm phụ khoa, 35%). - 30-40% trẻ em thường bị viêm đường hô hấp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Khoảng 20- 30% người dân có ý thức khám bệnh định kỳ (người già, cán bộ về hưu...có thời gian) - 65% phụ nữ có kiến thức bảo vệ không mắc bệnh phụ khoa - 60% người cao tuổi ít mắc bệnh người cao tuổi - 40% trẻ em được chăm sóc và không bị bệnh chân tay miệng hoặc viêm hô hấp. 		
Bão, Ngập lụt, Hạn hán và Rét	Phú Thành Minh Hùng Minh Thịnh Minh Hải	383 391 430 432	<p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoảng 95% hộ không có tủ thuốc gia đình - Thuốc dự phòng thiếu - Có 3 cơ sở khám bệnh tư nhân - Không có trạm y tế trên địa bàn thôn - Thuốc dự phòng còn hạn chế. <p>*Tổ chức –Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có bác sĩ khám chữa bệnh - Cán bộ y tế thôn mới đạt sơ cấp, chưa được tập huấn về sơ cấp cứu. - Cán bộ y tế thôn không có khả năng can thiệp dịch bệnh đạt 30%. - Thôn xa trạm y tế, Y tế xã thiếu bác sĩ khám chữa bệnh - Cán bộ y tế thôn không có khả năng can thiệp dịch bệnh, trình độ sơ cấp, không được tham gia các lớp tập huấn nâng cao nghiệp vụ - 30-50% dịch bệnh không kiểm soát được. - 100% phụ nữ mắc bệnh phụ khoa không được cấp thuốc và không có kiến thức phòng, trị bệnh. <p>*Kiến thức – Ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 20-35% người dân không đi khám bệnh định kỳ, chưa có ý thức phòng bệnh. - Khoảng 35% hộ chưa mua thẻ bảo hiểm y tế (y tế thôn và cán bộ thôn phải vận động). 	<p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 5 % hộ có tủ thuốc gia đình - Có phòng khám đa khoa thuộc bệnh viện huyện Hậu lộc - Có 3 cơ sở khám bệnh tư nhân ở thôn <p>*Tổ chức –Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các thôn đều có 01 cán bộ y tế thôn - Khả năng kiểm soát dịch bệnh được 50% - Y tế dự phòng liên doanh với các công ty để phun thuốc phòng trừ dịch bệnh mùa thiên tai (có thu phí) - Tuyên truyền người dân phòng chống các loại bệnh trong mùa mưa lũ, hạn hán, rét. <p>*Kiến thức – Ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 60-70% người dân đi khám bệnh định kỳ - 70 % hộ dân có ý thức phòng bệnh - Khoảng 65% hộ có ý thức mua bảo hiểm y tế - Chỉ khoảng 20% người dân có ý thức khám bệnh định kỳ (người già, cán bộ về hưu...có thời gian) - 45% phụ nữ có kiến thức bảo vệ không mắc bệnh phụ khoa - 60% người cao tuổi ít mắc bệnh người cao tuổi - 40% trẻ em được chăm sóc và không bị bệnh chân tay miệng hoặc viêm hô hấp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ dịch bệnh lây lan - Nguy cơ sơ cứu không kịp thời 	Cao

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

			<ul style="list-style-type: none"> - 15 % hộ nhiều khẩu thu nhập thấp không có khả năng đề mua bảo hiểm y tế - Dịch đau mắt đỏ, sốt xuất huyết ở trẻ em,viêm đường hô hấp, bệnh tay chân miệng - 15-55% phụ nữ mắc bệnh phụ khoa - Phun thuốc phòng trừ dịch bệnh phải trả phí nên ý thức người dân trông chờ hỗ trợ không đồng tiền. - 40% trẻ em thường bị viêm đường hô hấp. 	-		
Hạn hán	Minh Thăng Minh Thọ Minh Hải Minh Đức	613 447 432 420	<ul style="list-style-type: none"> - Nhiệt độ ngày nắng của những năm gần đây đã tăng lên (41oC) hơn những năm trước và theo kịch bản BDKH xu hướng nhiệt độ ngày nắng sẽ tăng khoảng 2.0-2.4oC. Thời gian nắng hạn kéo dài 20-15 ngày. - 10-20% hộ chưa được dùng nước máy. 50-90% hộ không có bể chứa để bơm nước vào bể và xử lý qua cát, sỏi...để dung ăn uống sinh hoạt. - 5,224 trẻ em (2,862 nữ), 1,584 người già (839 cụ bà) và 130 phụ nữ mang thai, 183 người khuyết tật (98 nữ). 	<ul style="list-style-type: none"> - Các hộ có ý thức mua sắm quạt, mua nước bình để uống. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ Thiếu nước sinh hoạt - Nguy cơ ảnh hưởng sức khoẻ của trẻ em, người già và phụ nữ, người khuyết tật 	Trung bình
	Phú Thành Minh Hùng Minh Thịnh Minh Hải	383 391 430 432				

7. Giáo dục

Loại hình Thiên tai/BDKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BDKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão kèm mưa to gây ngập lụt, hạn hán, Rét	Minh Thăng Minh Thọ Minh Hải Minh Thanh Phú Thành	613 447 432 201 383	<ul style="list-style-type: none"> * Vật chất: - Cụm thôn này không có trường học đóng ở thôn nên trẻ em/học sinh các cấp (kể cả Mẫu giáo) đều đi học xa 1,5- 5km (mùa thiên tai trẻ em đi học rất vất vả). - Trường Tiểu học Minh Lộc đóng trên thôn Minh Thành xây từ 1998 có 19/22 phòng bán kiên cố - Trường Tiểu học Minh 	<ul style="list-style-type: none"> * Vật chất: - Trường Tiểu học Minh Lộc đóng trên thôn Minh Thành xây từ 1998 có 03 phòng kiên cố - Trường Tiểu học Minh Lộc II ở thôn Minh Hải có 02 phòng kiên cố - Trường Mầm non Minh Lộc mới xây năm 2015 có 100% phòng kiên cố (20 phòng) 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ học sinh đuối nước - Nguy cơ mắc bệnh ở trẻ em mùa thiên tai 	Cao (học sinh thiếu kỹ năng bơi, thiếu kiến thức về phòng tránh thiên tai, giáp sông cầu De)

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

			<p>Lộc II ở thôn Minh Hải có 18/20 phòng bán kiên cố</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các thôn đều nằm trong vùng trung thường bị ngập lụt nhưng có 80% học sinh chưa biết bơi. - Không có địa điểm cho học sinh tập bơi - Học sinh không có nơi để học bơi 	<ul style="list-style-type: none"> - Có sân chơi tại nhà VH thôn - Xã bố trí khu vực tránh bão và vị trí di dời khi có lệnh - Xã xây dựng kế hoạch phòng chống trú bão cấp độ 1, cấp độ 2, cấp độ 3. 		
			<p>*Tổ chức, Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường học chưa tổ chức các lớp tập huấn về kỹ năng phòng chống thiên tai cho học sinh - Chưa có chương trình giảng dạy về PCTT trong trường học 	<p>*Tổ chức, Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà trường có thông báo cho HS và phụ huynh HS khi có thiên tai - Có đội xung kích kịp thời khi có bão lụt xảy ra 		
			<p>*Kiến thức – ý thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh chưa được trang bị kiến thức PCTT sơ cấp cứu - 80-90% học sinh chưa biết bơi. - 70% phụ huynh bận công việc để con tự đi học (nguy hiểm mùa bão, lụt) - Học sinh chưa học tập hay tập huấn về kiến thức PCTT sơ cấp cứu - 90% HS chưa biết bơi - Giáo viên chưa được tập huấn về PCTT. 	<p>*Kiến thức – ý thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - 10-20% HS biết bơi - Phụ huynh quan tâm, chăm sóc, hướng dẫn con em mình các kỹ năng PCTT như cho đi học bơi dịp hè. - 30% phụ huynh quan tâm đưa đón con em đến trường học - Nhiều gia đình đã đầu tư cho con em đi học bơi trong dịp hè - 		
Bão kèm mưa to gây ngập lụt, hạn hán, Rét	Minh Hùng Minh Thanh Minh Hải	391 301 410	<p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thôn Minh Thanh có Trường Tiểu học Minh Lộc I xây từ năm 1998 đã xuống cấp với 19/22 phòng bán kiên cố. - Trường Tiểu học II Minh Lộc xây dựng từ năm 2000 có 18/20 phòng bán kiên cố. Mùa thiên tai khi có bão lớn học sinh thường phải nghỉ học do trường đã xuống cấp. - Trường không có địa điểm học bơi. 	<p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thôn Minh Hùng có trường mầm non Minh Lộc được xây dựng năm 2015 có 20 phòng kiên cố học sinh học an toàn và có thể làm nơi tránh trú cho người dân vùng căn cơ tán khi có bão, ngập lụt. - Thôn Minh Hùng có Trường THCS Minh Lộc được xây năm 2000 với 100% phòng học kiên cố (20 phòng). 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ học sinh bị đuối nước - Nguy cơ học sinh phải nghỉ học khi có bão lớn kèm theo mưa to gây ngập lụt kéo dài. 	Trung bình
			<p>*Tổ chức, Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa có chương trình dạy kỹ năng phòng chống thiên tai cho học sinh - Giáo viên chưa được tập huấn về PCTT. - Học sinh không được trang bị kỹ năng và trang bị bơi - Trường học chưa xây dựng kế hoạch PCTT của trường. 	<p>*Tổ chức, Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà trường thông báo về tác hại của bão lũ - Có đội xung kích kịp thời ứng phó - Các trường học đều thực hiện kế hoạch PCTT của xã 		

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

		<p>*Kiến thức, Ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh chưa được tập huấn về kiến thức sơ cấp cứu - 85 % học sinh không biết bơi (số còn lại do tự học) 	<p>*Kiến thức, Ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 15% học sinh biết bơi - Phụ huynh rất quan tâm đưa đón con em đi học - Nghỉ hè cho đi tập bơi ở các trung tâm xã bên cạnh 	
--	--	--	---	--

8. Rừng

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão, triều cường	Minh Thọ Minh Đức Minh Hải	447 370 432	<p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 50% cây trồng từ năm 2015 phát triển kém - Giống cây Sú, Vẹt là cây bản địa nhưng do đất vùng trồng xấu và thường xuyên chịu tác động của gió bão, triều cường nên cây kém phát triển. <p>*Tổ chức-Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% diện tích rừng ngập mặn không thuộc quyền quản lý của dân nên việc chăm sóc không tốt dẫn đến rừng bị chết. - Chưa phát triểm các loại sinh kế trong trồng rừng và chưa thành lập các nhóm sinh kế - Chưa có biện pháp đối với nhân dân chặt phá rừng - Công tác tuyên truyền bảo vệ rừng chưa được thực hiện thường xuyên. <p>*Kiến thức, Ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vai trò của phụ nữ trong công tác tuyên truyền chưa đề cập đến - 35% người dân chưa có ý thức bảo vệ rừng 	<p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xã có 4,6 ha rừng ngập mặn ở các thôn Minh Thọ, Minh Đức và thôn Minh Hải trồng năm 2015. - Rừng trồng các loại cây bản địa (Sú, Vẹt) với 50% đã thành rừng. - 43,2 ha nuôi ngao kém hiệu quả được quy hoạch trồng rừng ngập mặn nhưng chưa trồng. <p>*Tổ chức-Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích trồng rừng ở các thôn Minh Thọ, Minh Đức và Minh Hải đều do Đơn vị Biên phòng Đa Lộc quản lý <p>*Kiến thức, Ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chọn giống địa phương để thích nghi với thời tiết và thổ dưỡng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ rừng ngập mặn bị thu hẹp - Rừng ngập mặn chậm phát triển 	Cao

9. Trồng trọt

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão, ngập lụt và hạn hán, Rét	Minh Hùng Minh Hải Minh Thanh Minh Đức Minh Thọ	391 432 201 420 447	<p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 70,2ha lúa và hoa màu, khoảng 41,30ha lúa bị nhiễm mặn. 8,1ha đất màu nằm ở vùng ngập úng. - 10% đất lúa và 10 ha nuôi trồng thủy sản thường hay bị ngập lụt. - 6,70km kênh mương bằng đất chưa được bê tông hoá không đảm bảo tưới tiêu. - 1,25 km mương ngầm chưa bảo đảm tưới tiêu úng. - 1,5 km kênh mương bán kiên cố - Không máy cày bừa, cắt lúa (phải thuê nơi khác). - Phụ thuộc giống lúa lai nên không chủ động giống. <p>*Tổ chức, Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chính quyền địa phương chưa quyết liệt trong công tác chỉ đạo chuyển đổi mô hình sản xuất. - 983 hộ tham gia sản xuất lúa và và (tỷ lệ nữ tham gia là 68-100%). Tỷ lệ thường xuyên bị thiệt hại do thiên tai là 35-50%. - Chi phí cho sản xuất, máy cày, giống, thuốc, phân bón cao. - Chính quyền chưa quyết liệt trong công tác chỉ đạo chuyển đổi mô hình sản xuất giống mới, cây hàng hóa. <p>*Kiến thức, Ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân chưa thực hiện nghiêm lịch thời vụ và cơ cấu giống - Chưa áp dụng tiến bộ KHKT vào sản xuất. 40-60% chủ yếu dựa vào kinh nghiệm. - 50% hộ sản xuất thiếu kiến thức về chăm sóc phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng. - Nhân dân chưa thực hiện nghiêm lịch thời vụ và cơ cấu giống, chưa áp dụng KHKT. 40% dựa kinh nghiệm thực tế 	<p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 66ha hai lúa và một hoa màu. - 32,2 km kênh mương đã được bê tông hoá năm 2013-2014 - Có 09 công tiêu thoát nước kiên cố. - Xã hỗ trợ lúa lai, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật - Bờ vùng bờ thửa được bồi đắp - Người dân đã thuê máy cày và máy gặt để giảm sức lao động - 100 hộ dân chưa áp dụng cây con giống mới, KHKT vào sản xuất. <p>*Tổ chức, Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có chính sách chuyển đổi từ mô hình lúa sang cá kết hợp và chuyển đổi vùng canh tác hiệu quả thấp sang chăn nuôi - HTX xây dựng kế hoạch, lịch thời vụ đúng lịch và cơ cấu giống. - HTX hỗ trợ kinh phí cho điện tích nhiễm mặn. - Xã hỗ trợ giống lúa lai, phân bón và thuốc bảo vệ thực vật. - Các dịch vụ cung ứng phân bón, giống thuốc trừ sâu được HTX phục vụ đầy đủ và kịp thời. <p>*Kiến thức, Ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện phương châm xanh nhà hơn già đồng trong công tác thu hoạch lúa - 50-60% hộ áp dụng KHKT và sản xuất. Thực hiện phương châm "xanh nhà hơn già đồng" trong thu hoạch. - 60% số hộ áp dụng KHKT và sản xuất 	<ul style="list-style-type: none"> - Lúa giảm năng xuất, do nhiễm mặn, chua phèn, ngập lụt - Hoa màu có nguy cơ mất trắng và giảm năng xuất 	Cao

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

10. Chăn nuôi

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão kèm mưa to gây ngập lụt, Hạn hán, Rết	Minh Thăng Minh Thọ Minh Hải Minh Đức	613 447 432 420 Tổng: 1.908	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các hộ chăn nuôi nhỏ không có diện tích chăn nuôi xa khu dân cư. - 80-90% hộ chăn nuôi chuồng trại chưa kiên cố, chưa đảm bảo vệ sinh môi trường. - Hộ chăn nuôi mánh mún, nhỏ lẻ chưa có hầm chứa thả nước thải ra môi trường. - Tỷ lệ thiệt hại hàng năm do thiên tai là 25%. - Gia súc gia cầm hay xảy ra dịch bệnh do không phun thuốc khử trùng sau bão, lụt. <p>* Tổ chức - Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 30% gia súc ở trong nhân dân chưa được tiêm phòng. - Không có tài liệu hướng dẫn người dân cách chăm sóc, phòng trừ dịch bệnh trong chăn nuôi. - Không phun thuốc khử trùng sau thiên tai. - 85-90% lao động là nữ tham gia vào chăn nuôi - 100% hộ chưa được tập huấn kỹ thuật chăn nuôi và vệ sinh môi trường. <p>*Kiến thức, Ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nuôi tự phát, đa số hộ dân nuôi nhỏ lẻ. - 90% các hộ nuôi trong khu dân cư chưa áp dụng TBKHKH trong chăn nuôi. - 30% người dân chưa có ý thức trong vệ sinh chuồng trại. 	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 47 hộ chăn nuôi bò với tổng số 42 con bò. - 310 hộ chăn nuôi gia cầm (5.500 con). - Có 28 trang trại gà, 02 trang trại lợn kiên cố cách xa khu dân cư. <p>* Tổ chức - Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kế hoạch tiêm phòng định kỳ từng đợt phòng chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm. - 70% gia súc, gia cầm hộ dân được tiêm phòng. - 100% gia súc, gia cầm các trang trại được tiêm phòng. - 100% trang trại nuôi đã áp dụng khoa học kỹ thuật. - Tuyên truyền cho người dân khi có thiên tai, dịch bệnh <p>*Kiến thức, Ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% trang trại áp dụng KHKT vào chăn nuôi. - 10% Hộ dân áp dụng KHKT vào chăn nuôi. - 100% trang trại có ý thức trong vệ sinh chuồng trại - 70% Hộ dân có ý thức trong vệ sinh chuồng trại. 	<ul style="list-style-type: none"> - Gia súc, gia cầm có nguy cơ chết trôi - Nguy cơ dịch bệnh ở đàn gia súc gia cầm - Ô nhiễm môi trường - Nguy cơ hư hỏng chuồng tạm bợ 	Cao
Bão kèm mưa to gây ngập lụt	Phú Thành Minh Hùng Minh Thịnh Minh Hải	383 391 430 432	<p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - .30-50% hộ chăn nuôi chuồng trại tạm bợ. 100% hộ dân không còn thả nước thải ra đường làm ô nhiễm môi trường - 75% chưa có hệ thống xử lý nước thải.xả trực tiếp ra môi trường - 20-40% trang trại gần khu dân cư. <p>*Tổ chức- Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nuôi tự phát, đa số hộ dân 	<p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 254 hộ chăn nuôi gia súc, 588 hộ chăn nuôi gia cầm - 40% hộ có chuồng trại kiên cố - 70% hộ chăn nuôi xa khu dân cư. - Có 04 trang trại gà nuôi xa khu dân cư. <p>*Tổ chức- Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 60-70% gia súc, 30% gia cầm của hộ nuôi nhỏ 	<ul style="list-style-type: none"> - Gia súc, gia cầm có nguy cơ chết/trôi - Nguy cơ dịch bệnh ở đàn gia súc gia cầm - Ô nhiễm môi trường - Tóc mái chông trại 	Cao

Commented [BVH6]: Can tách loại hình thiên tai

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

		<p>nuôi nhỏ lẻ là các hộ nghèo, cận nghèo, neo đơn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nữ tham gia chăn nuôi từ 80-100% công việc. - 90% các hộ nuôi trong khu dân cư chưa áp dụng TBKHKT trong chăn nuôi. - 30% gia súc, 70% gia cầm không tiêm phòng - Tài liệu hướng dẫn người dân không có - Không phun thuốc khử trùng và tiêm phòng sau thiên tai. <p>*Kiến thức, Ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 40% số hộ chưa có kiến thức về vệ sinh chuồng trại. - Đa số nuôi tự nhiên, nhỏ lẻ (hộ nghèo, hộ cận nghèo) - 60% chưa áp dụng KHKT vào chăn nuôi - Chưa được tập huấn kiến thức về chăn nuôi bảo vệ môi trường. - 40% chưa có ý thức vệ sinh chuồng trại và môi trường. Gia súc gia cầm chết chưa được tiêu hủy kịp thời 	<p>lẻ được tiêm phòng</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% gia cầm của trang trại được tiêm phòng. - Tuyên truyền phòng dịch cho người dân khi có thiên tai - Có kế hoạch tổ chức tiêm phòng chống bệnh dịch cho đàn gia súc gia cầm thường xuyên <p>*Kiến thức, Ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 60% số hộ áp dụng KHKT vào chăn nuôi - 60% hộ có ý thức vệ sinh chuồng trại - 100% trang trại áp dụng KHKT vào chăn nuôi và có ý thức trong vệ sinh chuồng trại - 70% Hộ dân có ý thức trong vệ sinh chuồng trại. 		
--	--	--	--	--	--

11. Thủy Sản

a) Đánh bắt hải sản

Loại hình Thiên tai/BDKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BDKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão, Gió nam (Gió mạnh ngoài khơi)	Minh Thịnh Minh Thăng Minh Hải Minh Đức Minh Hùng Minh Thọ	430 613 410 370 391 447	<p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 54-60% hộ thiếu kinh phí không có khả năng sắm thuyền mới (dùng thuyền cũ, máy cũ)t. - Phương tiện thông tin chưa được hiện đại nên không nhận được cảnh báo sớm về thiên tai. - 60% thuyền cần phá tu sửa hàng năm. Máy trang bị không đồng bộ dẫn đến thường xuyên bị hư hỏng nguy hiểm tính mạng khi đang đánh bắt ngoài khơi - Các thôn khác không có âu thuyền cho tàu thuyền neo đậu tránh bão. <p>*Tổ chức-Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa có sự liên kết thường 	<p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 851 hộ tham gia đánh bắt gần bờ và xa bờ với 913 thuyền có công suất từ 150 – 600 CV. - 100% chủ phương tiện đánh bắt được vay vốn đầu tư mua sắm, sửa chữa tàu thuyền, ngư lưới cụ. - Thôn Minh Thọ có bến cá, lạch, cảng và âu thuyền phòng tránh bão. <p>*Tổ chức-Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh bắt theo hộ (100% lao động là nam giới). - Có chương trình cho vay của ngân hàng và 70-100% ngư dân được vay vốn đầu tư mua ngư lưới cụ tốt 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ thiệt hại tính mạng ngư dân. - Nguy cơ thiệt hại về ngư lưới cụ. - Thiếu thu nhập vào mùa thiên tai không đi đánh bắt 	Cao

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

		<p>xuyên trong đánh bắt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa kết hợp trong việc kết nối thị trường bán sản phẩm. - Chưa có nơi sản xuất, chế biến trực tiếp mà phải chuyên đi các nơi khác. - Vốn vay chưa đáp ứng nhu cầu. <p>*Kiến thức, Ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số kinh nghiệm hiện nay không còn tác dụng do biến đổi khí hậu, có dấu hiệu cảnh báo không còn chính xác. - 50% hộ đi đánh bắt nên không tham gia tập huấn sơ cấp cứu và PCTT - Lao động đi làm ăn xa đồng, khó khăn cho việc tìm kiếm nhân lực đi đánh bắt. - Lao động trẻ thiếu kinh nghiệm trong đánh bắt và PCTT. - 40% còn dùng xung điện để đánh bắt. - Mùa bão, gió mạnh ngoài khơi không đi đánh bắt được nên không có thu nhập. 	<ul style="list-style-type: none"> - Có biển cảnh báo cho tàu thuyền. - 90% hộ khai thác tham gia tổ đội và được tập huấn kiến thức PCTT - 100% thuyền nghề trang bị phao cứu sinh, phương tiện liên lạc. <p>*Kiến thức, Ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức Tầm nhìn Thế giới đã tập huấn về sơ cứu cho ngư dân từ năm 2006. - 50% hộ đánh bắt gần bờ có tham gia các lớp tập huấn về sơ cấp cứu và PCTT. - 100% ngư dân có ý thức không ra khơi đánh bắt khi có cảnh báo về thiên tai - 100% thuyền nghề có phao cứu sinh, mua bảo hiểm thuyền viên và bảo hiểm phương tiện - 100% sắm trang thiết bị, phòng hộ. - 60% ngư dân có ý thức không đánh bắt bằng xung điện. - 		
--	--	--	---	--	--

b) Nội trồng thủy hải sản

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰ BDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão kèm mưa to gây Ngập lụt	Minh Thanh Phú Thành (Vùng đê sông nuôi cá nước lợ và nước ngọt)	201 383	<p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% hộ nuôi cá bờ bao yếu thường bị hư hỏng sạt lở khi có bão kèm mưa to gây ngập lụt. - Đâm bãi nuôi trồng bị ô nhiễm nguồn nước. <p>- Chưa quy hoạch vùng nuôi trồng chuyên canh chủ yếu là người dân tự nuôi trên diện tích đất hiện có.</p> <p>- Cơ sở hạ tầng và dịch vụ cho nuôi trồng chưa đồng bộ (điện, nguồn nước, dịch vụ giống, thuốc...)</p> <p>*Tổ chức-Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% hộ nuôi có quảng canh tự phát chưa có kiến 	<p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nuôi cá nước lợ: 32 ha với 32 hộ nuôi (thôn Minh Thanh) - Nuôi cá nước ngọt: 5 ha với 36 hộ nuôi (thôn Phú Thành) - Nuôi ngao: 50,05 ha với 44 hộ tham gia <p>*Tổ chức-Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các thôn nằm ở vùng đê sông nuôi cá nước lợ và nước ngọt. - Các thôn nằm vùng đê biển nuôi ngao. <p>*Kiến thức, Ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các hộ nuôi đều có ý thức vệ sinh ao hồ trước khi thả 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ sạt lở bờ bao ao nuôi. - Nguy cơ thất thoát cá do ngập lụt 	Cao
	Minh Thắng Minh Hải Minh Đức Minh Hùng Minh Thọ (Vùng đê biển nuôi ngao)	613 410 370 391 447				

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

			<p>thức KHKT (chưa có kinh nghiệm và chưa được tập huấn kỹ thuật)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vốn vay chưa đáp ứng được nhu cầu vay. 30% hộ dân chưa được vay vốn. - Chưa có nơi cung cấp giống đảm bảo qua kiểm dịch. Hộ nuôi chủ yếu mua giống trôi nổi, chưa qua kiểm dịch. <p>*Kiến thức, Ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% hộ nuôi có quảng canh tự phát chưa có kiến thức KHKT và kinh nghiệm và chưa được tập huấn kỹ thuật. - Các hộ nuôi dùng thuốc xử lý hồ nuôi thiếu ý thức gây ô nhiễm môi trường 	<p>giống. Gia có bờ ao cống trước khi thả giống.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các hộ nuôi chủ động tìm hiểu kiến thức và học hỏi kinh nghiệm, kỹ thuật nuôi lẫn nhau. 		
Hạn hán, Rét	Minh Thắng Minh Hải Minh Đức Minh Hùng Minh Thọ (Vùng đê biển nuôi ngao)	613 410 370 391 447	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa quy hoạch, chủ yếu nuôi tự phát trên diện tích tự nhiên của các hộ ven đê sông và đê biển - Nguồn nước bị ô nhiễm - Người dân chủ quan, thiếu kiến thức kỹ thuật chăm sóc. - Chưa có các biện pháp để chống hạn, chống rét, hoàn toàn phụ thuộc vào thiên nhiên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Xã đã phối hợp với điện lực đầu tư lắp điện 3 pha cho vùng nuôi trồng thủy sản. - Khuyến cáo các hộ thu hoạch sớm các diện tích treo bãi để tránh nắng nóng, rét làm ngao bị do thiếu triều. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ ngao bị chết do nắng nóng và rét kéo dài - Nguy cơ giảm sản lượng 	Cao

12. Du lịch (xã không có du lịch)

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

13. Buôn bán và dịch vụ khác

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão kèm mưa to gây ngập lụt	Minh Hải Minh Thắng Minh Đức Minh Thọ	410 613 370 447	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 60% hộ bán tạp hoá nhà ở thiếu kiên cố, không có kệ bỏ hàng khi mưa, bão, ngập lụt. - Hàng hóa bị ẩm mốc khi lụt kéo dài và gián đoạn việc buôn bán do đường ngập lụt. - Kinh doanh chế biến mắm còn manh mún nhỏ lẻ không có nơi bảo quản hàng hóa dẫn đến không an toàn thực phẩm. - 100% hộ chế biến chưa có nhãn mác thương hiệu. - Bể chứa mắm cơ bản bằng xi măng không đảm bảo vệ sinh - 100% (07 quây) quây thuốc tây chưa được đạt chuẩn (không có điều hòa để bảo quản thuốc). <p>*Tổ chức - Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất không tập trung, truyền thống cá nhân, gia đình - Chất lượng hàng hóa chưa được kiểm soát, khả năng cạnh tranh thị trường chưa cao, công tác quảng bá sản phẩm không có. - Sản xuất chưa đủ điều kiện về an toàn vệ sinh thực phẩm. - Thiếu vốn kinh doanh - Hệ thống PCCC không đảm bảo, có nguy cơ cháy nổ cao. - Sản xuất manh mún thiếu kho để hàng tránh Bão, lụt - Thiếu vốn sản xuất, lao động chưa có tay nghề và chưa được đào tạo nghề. <p>* Nhận thức, Ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 60-80% hộ chưa có kỹ năng kinh doanh, tìm kiếm thị trường - 60% hộ kinh doanh chủ quan không cất giữ hàng hoá khi có cảnh báo thiên 	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 153 cơ sở kinh doanh của 153 hộ (buôn bán tạp hoá, thu mua và chế biến thủy hải sản) - 40% hàng tạp hoá có nhà kiên cố đảm bảo hàng hoá không bị ngập lụt - Có 4 quán phục vụ ăn uống quy mô đảm bảo vệ sinh. - 08 hộ buôn bán hàng điện tử điện lạnh và 03 hộ cơ khí và sửa chữa máy móc cơ sở an toàn - 207 hộ có lao động làm thợ xây (287 người) - 96 hộ làm nghề chế biến mắm truyền thống nhỏ lẻ theo quy mô hộ gia đình. - Có 20% hộ chế biến mắm có nhãn mác chứng nhận VSATTP - 50% hộ buôn bán mắm không có nhãn mác đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. <p>*Tổ chức - Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ buôn bán đã mạnh dạn đầu tư mở rộng kinh doanh. - Có 50% hộ kinh doanh buôn bán có chứng chỉ, giấy phép kinh doanh và có địa điểm kinh doanh ổn định. - Một số hộ biết đầu tư và chủ động nâng cao năng lực về kinh doanh. - 20% hộ có chứng chỉ về An toàn thực phẩm - 15 lao động được tập huấn sản xuất chế biến mắm - 15 hộ có chứng chỉ về ATTP. <p>* Nhận thức, Ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất kinh doanh chủ yếu dựa vào kinh nghiệm - Có một số lao động được đào tạo lớp ngắn ngày - 20% hộ có kinh nghiệm và kỹ năng kinh doanh 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ thiếu an toàn vệ sinh thực phẩm - Hàng hóa dễ bị hỏng - Thiếu hàng phục vụ trong mùa thiên tai 	Cao

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

			<p>tai nên thường bị thiệt hại</p> <ul style="list-style-type: none"> - 40% hộ kinh doanh chủ quan không cất giữ hàng hoá khi có cảnh báo thiên tai nên thường bị thiệt hại. - Hầu hết các hộ chế biến thiếu kiến thức và ý thức về an toàn vệ sinh thực phẩm. 	<ul style="list-style-type: none"> - 40% hộ có ý thức PCTT kê và cất hàng hoá nơi an toàn tránh ngập lụt - 40% hộ có kinh nghiệm và kỹ năng kinh doanh - 60% hộ có ý thức PCTT kê và cất hàng hoá nơi an toàn tránh ngập lụt. 		
Bão kèm mưa to gây ngập lụt	Minh Thanh Minh Thịnh Minh Hùng Phú Thành	201	*Vật chất:	*Vật chất:	Cao	
		430	<ul style="list-style-type: none"> - Có 5 hộ buôn bán hàng tạp hóa nhưng mô hình còn nhỏ vì thiếu vốn không dự trữ được hàng bán mùa thiên tai - 5 hộ làm nghề cơ khí gò hàn nhà chưa kiên cố. - 45% hộ buôn bán hàng tạp hóa nhỏ vì thiếu vốn không dự trữ được hàng bán trong mùa thiên tai - 90% cơ sở quy mô gia đình hộ làm nghề cơ khí gò hàn nhà xưởng chưa kiên cố - 80% hộ kinh doanh tạp hoá tận dụng không gian ở để mở cửa hàng nên chưa có kho để cất trữ hàng hóa - Có 20 hộ làm ngành gỗ, xưởng mộc cơ sở sản xuất chưa kiên cố. 	<ul style="list-style-type: none"> - 193 hộ kinh doanh buôn bán nhỏ (tạp hoá, dịch vụ ăn uống...) với tỷ lệ nữ tham gia là 80% - 130-140 lao động có tay nghề xây dựng - 01 quầy thuốc tây đã đạt chuẩn - 5 cửa hàng kinh doanh hàng điện tử, điện lạnh và 1 cơ sở bán xe máy nhà kiên cố. - Có 1/3 cơ sở gò hàn quy mô mới thành lập năm 2018 - Có 1 làng nghề truyền thống về gỗ mộc - Có 2 công ty xăng dầu 		<ul style="list-style-type: none"> - Các cửa hàng chưa kiên cố có nguy cơ hư hỏng - Nguy cơ hư hỏng hàng hoá - Thiếu hàng bán trong mùa thiên tai
		391	*Về tổ chức, Xã hội:	*Về tổ chức, Xã hội:		
383	<ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất kinh doanh không tập trung (cá nhân cá thể hộ gia đình). - Thiếu vốn sản xuất không dự trữ hàng bán mùa thiên tai - Nhiều động chưa có tay nghề, chưa qua đào tạo chuyên sâu. - Sản xuất kinh doanh không tập trung cá nhân cá thể hộ gia đình - Thiếu vốn sản xuất không dự trữ hàng bán trong mùa thiên tai. 	<ul style="list-style-type: none"> - 40% hộ có giấy phép kinh doanh và chứng chỉ nghề. - 50% cơ sở làng nghề tự xoay được vốn sản xuất - Một số hộ đã tham gia tập huấn VSATTP - 01 cơ sở mới thành lập có giấy phép và chứng chỉ nghề. - Năm 2017 Đơn vị Phòng cháy chữa cháy của Công an tỉnh tổ chức tập huấn cho các hộ kinh doanh lớn về PCCC . 				
	*Kiến thức, Ý thức:	*Kiến thức, Ý thức:				
	<ul style="list-style-type: none"> - Hầu hết các hộ kinh doanh không có kỹ năng bán hàng. - Sản xuất chưa đảm bảo an toàn lao động, chủ quan không dùng bảo hộ lao động. 	<ul style="list-style-type: none"> - 25% lao động có kinh nghiệm bán hàng - 45% thợ mộc có kiến thức tay nghề - 40% hộ kinh doanh có ý thức kê hàng hoá khi có cảnh báo bão, lụt 				

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

		<ul style="list-style-type: none"> - 60% hộ buôn bán chủ quan không kê gác hàng hoá lên cao và bảo quản hàng khi có cảnh báo bão, lụt. 	<ul style="list-style-type: none"> - 60% lao động xây dựng có kinh nghiệm và tay nghề cao. - 40% hộ kinh doanh có ý thức kê hàng hoá khi có cảnh báo bão, lụt. 	
--	--	---	--	--

14. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão, Lụt, Hạn hán, Rét	Minh Thăng Minh Thọ Minh Hải Minh Đức	613 447 432 420	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1-3% hộ không có ti vi, 1,5-2% hộ không có điện thoại để liên lạc và nghe thông tin. - 100% hộ dân có nguy cơ cao mất điện trong mùa mưa, bão. - Ngư dân đi biển không có bộ đàm tốt để nghe cảnh báo thiên tai. - 70% hệ thống truyền thanh của xã xuống cấp do quá cũ dơla vùng biển, nước mặn nên các bộ phận thu, phát sóng nhanh hỏng. - Chưa có biển cảnh báo nơi nguy hiểm. Hệ thống loa truyền thanh bị xuống cấp - Vùng bãi ngang không có bến neo đậu cho phương tiện thuyền nghề tránh bão. <p>*Tổ chức- Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tác phòng chống thiên tai, báo lũ chưa được thường xuyên, chỉ tuyên truyền trước khi có thiên tai. - Chưa lồng ghép nội dung PCTT vào các buổi họp dân. - Công tác phòng chống thiên tai, tuyên truyền chưa thường xuyên. Chưa lồng ghép nội dung PCBL vào các buổi họp dân <p>* Kiến thức, Ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 10% hộ chưa được tiếp cận thông tin truyền thông và cảnh báo sớm. 	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 99% hộ có ti vi. - 98,5 % hộ có điện thoại để liên lạc và nghe thông tin. - Có một trạm truyền thanh phủ sóng toàn xã. - 75-85% hộ tiếp cận thông tin Intenet - 90-97% hộ được tiếp cận thông tin truyền thanh của xã. - 100% tàu thuyền có hệ thống thông tin. <p>*Tổ chức- Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xã thông báo cấp độ bão lụt đến từng hộ dân thường xuyên. - Xã và thôn tổ chức tuyên truyền PCTT. - Có đội dân phòng và lực lượng quân đội giúp đỡ người dân khi có lệnh sơ tán, di dời. <p>* Kiến thức, Ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 90% tiếp nhận thông tin truyền thông và cảnh báo sớm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ người dân không nhận được thông tin cảnh báo về thiên tai. - Hệ thống truyền thanh có nguy cơ bị hư hỏng. 	Cao

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

Bão, Lụt, Hạn hán, Rét	Minh Thanh Minh Thịnh Minh Hùng Phú Thành	201 430 391 383	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có âm ly di động để truyền. - 2% hộ không có ti vi, 2% hộ không có điện thoại để liên lạc và nghe thông tin. - 100% hộ dân có nguy cơ cao mất điện trong mùa mưa, bão. - Không có bộ đàm - Địa phương là vùng biển, nước mặn nên các bộ phận thu, phát sóng nhanh hỏng. - Khi mưa, bão xảy ra thường mất điện nên thông tin liên lạc không đến được với người dân. <p>*Tổ chức- Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tác phòng chống thiên tai, bão lũ chưa được thường xuyên, chỉ tuyên truyền trước khi có thiên tai. - Chưa lồng ghép nội dung PCTT vào các buổi họp dân. - Chưa có biển cảnh báo vùng nguy hiểm. <p>* Kiến thức, Ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 10% hộ chưa được tiếp cận thông tin truyền thông và cảnh báo sớm. 	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 98% hộ có ti vi. - 95 % hộ có điện thoại để liên lạc và nghe thông tin. - Có một trạm truyền thanh phủ sóng toàn xã. - Số cụm loa trên địa bàn thôn 12 cái . - Số hộ tiếp cận thông tin Internet là 85% . - Số hộ được tiếp cận thông tin truyền thanh của xã là 100%. <p>*Tổ chức- Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xã thông báo cấp độ bão lụt đến từng hộ dân thường xuyên. - Xã và thôn tổ chức tuyên truyền PCTT. - Có đội dân phòng và lực lượng quân đội giúp đỡ người dân khi có lệnh sơ tán, di dời.. <p>* Kiến thức, Ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 90% tiếp nhận thông tin truyền thông và cảnh báo sớm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ người dân không tiếp cận được thông tin về thiên tai. - Trụ đặt loa có nguy cơ gãy đổ về mùa mưa bão. - Không liên lạc được với bên ngoài. 	Cao
------------------------	--	--------------------------	--	--	--	-----

15. Phòng chống thiên tai/TU'BDKH

Loại hình Thiên tai/BDKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TU'BDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BDKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão, Lụt, Hạn hán, Rét	8/8 thôn Minh Thắng Minh Thọ Minh Hải Minh Đức Minh Thanh Minh Thịnh Minh Hùng Phú Thành	613 447 432 420 201 430 391 383 Tổng: 3.317	<p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiểu ban PCTT thôn chưa được trang bị phương tiện cứu hộ, cứu nạn, áo phao, đèn pin , áo mưa - Đội xung kích thiếu phương tiện cứu hộ cứu nạn, chưa được trang bị bảo hộ cá nhân. - Thiếu lực lượng trẻ để điều động ứng phó thiên tai kịp thời. 	<p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung dụng xe tải nhỏ trong các thôn để làm phương tiện vận chuyển phục vụ cho công tác PCTT - Nhà kiên cố cao tầng trong các thôn và nhà văn hoá thôn kiên cố có thể làm nơi tránh trú cho các hộ dân có nhu cầu cần di dời khi có thiên tai. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ đội xung kích gặp tai nạn rủi ro khi làm nhiệm vụ - Công tác ứng phó chưa kịp thời 	Cao

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

		<p>*Tổ chức- Xã Hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đội xung kích thường xuyên biên động - Chưa có chính sách hỗ trợ, hoặc bảo hộ khi lực lượng tham gia cứu hộ. - Chưa có quy chế hoạt động - Chưa lồng ghép giới vào PCTT - Ban lãnh đạo thôn, người dân chưa được tập huấn kiến thức PCTT, BDKH - Chưa được diễn tập PCTT hàng năm - Phụ nữ ít tham gia vào các hoạt động PCTT <p>*Kiến thức, Ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đội xung kích chưa được tập huấn thường xuyên về PCTT và sơ cứu - Đội xung kích chưa chuyên nghiệp trong khi làm nhiệm vụ - Đa số người dân còn chủ quan không dự trữ và chuẩn bị đèn dầu, các đồ dùng thiết yếu khi có thiên tai. - Một số hộ chưa chấp hành tốt lệnh di dời. <p>* Kiến thức, Ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đội xung kích chưa được tập huấn thường xuyên về PCTT, SCC. - Đội xung kích chưa chuyên nghiệp khi thực hiện nhiệm vụ. 	<p>*Tổ chức- Xã Hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lực lượng cứu hộ tại chỗ - Đội xung kích có 13 -15 người (2 nữ làm công tác hậu cần và y tá) - Có quyết định thành lập đội XK - Tổ canh gác, di dời dân gồm 70 người có 6 phụ nữ phân công hậu cần, sơ cứu khi có tai nạn. tổ này đc tập huấn PCTT - Người dân có kinh nghiệm trong ứng phó với thiên tai - Xã xây dựng phương án ứng phó cho từng địa bàn khu dân cư thực hiện phương châm 4 tại chỗ. - Đã có phương án sơ tán những người dễ bị tổn thương đến nơi an toàn. <p>*Kiến thức, Ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện 4 tại chỗ - Người dân đoàn kết, tương thân hỗ trợ nhau khi có thiên tai - Người dân được thông báo kế hoạch sơ tán và nơi sơ tán đến - Một số hộ gia đình có ý thức dự trữ lương thực thực phẩm cho mùa thiên tai - Người dân trợ, giúp đỡ lẫn nhau khi bão lụt xảy ra./ - Người dân đã biết các địa điểm sơ tán khi bão lụt xảy ra đảm bảo an toàn. <p>* Kiến thức, Ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện 4 phương châm tại chỗ. - Đoàn kết, tương trợ lẫn nhau trong cộng đồng. - Người dân biết được các điểm sơ tán, di dời các vị trí an toàn. 	
--	--	--	---	--

16. Giới trong PCTT và BDKH

Loại hình Thiên tai/BDK H	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BDKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão, Lụt, Hạn hán, Rét	8/8 thôn Minh Thăng Minh Thọ	613 447	- 399 hộ phụ nữ đơn thân, chiếm tỷ lệ 12-30,2% thiếu nhân lực PCTT.	- 35-45% phụ nữ có ý thức trong phòng chống thiên tai.	- Phụ nữ có nguy cơ bị tai nạn nhiều hơn	Cao

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

Minh Hải Minh Đức Minh Thanh Minh Thịnh Minh Hùng Phú Thành	432 420 201 430 391 383 Tổng: 3.317	<ul style="list-style-type: none"> - Nữ giới là người cao tuổi nhiều hơn nam (1067/1662 người) cần hỗ trợ khi có bão, lụt, rét. - 70-85% phụ nữ và trẻ em không biết bơi lội. - 20-35% lao động nam giới đi làm ăn xa thiếu lực lượng PCTT, phụ nữ phải lo lắng công việc nặng nhọc trong gia đình. - 75% hộ thiếu kiến thức về phòng chống lụt bão. - Nữ dễ bị tai nạn trong việc sơ tán, kê kích vận dụng lên cao, chằng chống nhà cửa. - Thiếu nhân lực khi di dời dân - Cả nam và nữ đều thiếu kiến thức về PCTT/BĐKH. Nữ ít tham dự tập huấn hơn nam. Nam ít tham gia các buổi tư vấn chăm sóc sức khỏe. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chi hội phụ nữ làm tốt công tác tuyên truyền trong phòng chống bão lụt. - Có đội xung kích hỗ trợ nhân dân phòng tránh bão lụt (đặc biệt là các cụ già, trẻ em, gia đình cô đơn). - Phụ nữ là tay hòm chìa khóa chủ động trong việc chi tiêu hậu cần của gia đình. - Phụ nữ được nam giới giao quyền sử dụng tiền chi tiêu trong gia đình. - Hỗ trợ nguồn vốn vay cho phụ nữ từ nguồn của phụ nữ nghèo. 	<ul style="list-style-type: none"> - nam giới khi có thiên tai. - Nam giới nguy cơ bị tai nạn trong công tác cứu hộ, cứu nạn. - Nguy cơ thiếu nhân lực PCTT do nam giới đi làm ăn xa
--	---	--	---	---

17. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác

Loại hình thiên tai/BĐKH (1)	Tên thôn (2)	Tổng số hộ (3)	TTĐBTT (4)	Năng lực PCTT TỦBĐKH (5)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (6)	Mức độ (7)
Bão, lụt, ngập úng	Minh Thọ (Nuôi ngao – khai thác – chế biến)		<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 90% diện tích nuôi bãi triều ven biển bùn nhiều nên không thuận lợi nuôi ngao, dễ nhiễm bệnh, dễ chết - Chi phí đầu tư bãi nuôi cao (bồi cát, tạo bãi) - 40% hộ dân tham gia đánh bắt nuôi trồng chế biến thủy sản - 70% diện tích nuôi ngao vùng triều bị ô nhiễm nguồn nước - Cơ sở chế biến nhỏ lẻ, chưa tập trung, chủ yếu sơ chế truyền thống như Mắm, phơi sấy khô,... - Chế biến gây ô nhiễm môi trường <p>*Tổ chức , Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa có sự liên kết trong việc sản xuất - Có sự tranh chấp trong giữa vùng nuôi ngao và vùng khai thác tự do (500m) - 50% lao động chưa được 	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là vùng cửa sông nhiều phù sa - Nguồn lực hướng dẫn kỹ thuật nuôi trồng đảm bảo - Nguồn cung ứng giống và đầu ra sản phẩm ổn định - 50% hộ gia đình ngư dân tham gia đánh bắt có đời sống thu nhập ổn định - Lực lượng lao động khai thác có kinh nghiệm - 07 phương tiện tham gia khai thác thủy sản - 03 ha nuôi ngao vùng triều. <p>*Tổ chức , Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải quyết lao động nhân rỗi tại chỗ - Có 15 hộ nuôi ngao, diện tích ...ha - Sản phẩm chế biến có thương hiệu, được thị trường tin dùng, ổn định 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn nước biển ngày càng ô nhiễm - Bão, áp thấp nhiệt đới đổ bộ trực tiếp vùng nuôi dẫn đến ngao chết, mất - Dịch bệnh phát triển 	Trung bình

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

		<p>tập huấn để nâng cao tay nghề kỹ thuật trong khai thác- nuôi trồng</p> <ul style="list-style-type: none"> - 30% hộ còn xả thải trực tiếp làm ảnh hưởng đến nuôi trồng - Hộ chăn nuôi nhỏ lẻ, con giống không có nguồn gốc xuất xứ - Sản xuất dựa vào kinh nghiệm là chính <p>*Kiến thức – ý thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất chủ yếu phụ thuộc thời tiết - Áp dụng KHKT còn hạn chế 	<p>giá</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn cung đầu ra sản phẩm ổn định - 70% hộ có ý thức bảo vệ môi trường có hầm rút không xả thải ra môi trường <p>*Kiến thức – ý thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa phần hộ dân đều có kinh nghiệm vùng nuôi (thời tiết – con giống) 		
Bão, lụt, ngập úng	Minh Hải (Nuôi ngao – khai thác chế biến – làng nghề)	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 90% diện tích nuôi bãi triều ven biển bùn nhiều nên không thuận lợi nuôi ngao, dễ nhiễm bệnh, dễ chết - Chi phí đầu tư bãi nuôi cao (bồi cát, tạo bãi) - Quy hoạch làng nghề mã vành tập trung chuyên chế biến lâm sản, cơ khí <p>*Tổ chức , Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa có sự liên kết trong việc sản xuất - Có sự tranh chấp trong giữa vùng nuôi ngao và vùng khai thác tự do (500m) - Người dân còn xả thải trực tiếp làm ảnh hưởng đến môi trường nuôi trồng <p>*Kiến thức, Ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất chủ yếu phụ thuộc thời tiết - Áp dụng KHKT còn hạn chế 	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là vùng cửa sông nhiều phù sa - Nguồn lực hướng dẫn kỹ thuật nuôi trồng đảm bảo - Nguồn cung ứng giống và đầu ra sản phẩm ổn định <p>*Tổ chức , Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tận dụng được nguồn lao động tại chỗ, ít phải thuê lao động ngoài - Có thị trường tiêu thụ ổn định - Hạn chế được do thời tiết gây ra - 50% đã được tập huấn, tư vấn tìm kiếm kiến thức và có kinh nghiệm <p>*Kiến thức, Ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa phần hộ dân đều có kinh nghiệm vùng nuôi (thời tiết – con giống) 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn nước biển ngày càng ô nhiễm - Bão, áp thấp nhiệt đới đổ bộ trực tiếp vùng nuôi dẫn đến ngao chết, mất - Dịch bệnh phát triển 	Trung bình
Bão, Áp thấp nhiệt đới	Minh Thắng (khai thác – chế biến hải sản)	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tin liên lạc còn hạn chế - Phương tiện khai thác công suất nhỏ, đã sử dụng nhiều năm nên an toàn khi khai thác đạt thấp - Phương tiện khai thác xa bờ chưa nhiều - Ý thức của một bộ phận ngư dân còn chủ quan trong việc đảm bảo an toàn khi tham gia khai thác - Giá cả thị trường bấp bênh, phụ thuộc thời tiết <p>*Tổ chức , Xã hội:</p>	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các phương tiện khai thác tập trung theo hướng dẫn chỉ đạo của các ngành chức năng, hoạt động theo tổ đội hợp tác - Nhận thức tìm hiểu pháp luật người dân về đảm bảo phòng tránh thiên tai ngày được nâng lên - Giá cả thị trường luôn đảm bảo ổn định, mang lại thu nhập cao <p>*Tổ chức , Xã hội:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Lao động chưa được trang bị đầy đủ kỹ năng khi tham gia khai thác trên biển - Tai nạn trên biển vẫn xảy ra 	Trung bình (Người dân có kinh nghiệm đánh bắt và chế biến TS)

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

<p>Bão, Áp thấp nhiệt đới</p>	<p>Minh Đức (Khai thác – nuôi trồng thủy sản)</p>	<p>400</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa có sự liên kết trong việc sản xuất - Có sự tranh chấp trong giữa vùng nuôi ngao và vùng khai thác tự do (500m) - Người dân còn xa thải trực tiếp làm ảnh hưởng đến nuôi trồng - 40% hộ chăn nuôi nhỏ lẻ, con giống không có nguồn gốc xuất xứ - Vay vốn ngân hàng ít, thiếu vốn - Sản xuất dựa vào kinh nghiệm là chính, chưa mở rộng được thị trường tiêu thụ. <p>*Kiến thức, Ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 20% dân chưa có kinh nghiệm đánh bắt và chế biến thủy sản (tập trung và nhóm thanh niên mới vào nghề) - 20% hộ chưa đầu tư cho máy bộ đàm có chất lượng nên không bắt được cảnh báo sớm <p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 90% diện tích nuôi bãi triều ven biển bùn nhiều nên không thuận lợi nuôi ngao, dễ nhiễm bệnh, dễ chết - Chi phí đầu tư bãi nuôi cao (bồi cát, tạo bãi) <p>*Tổ chức, Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa có sự liên kết trong việc sản xuất - Có sự tranh chấp giữa vùng nuôi ngao và vùng khai thác tự do (500m) <p>*Kiến thức, Ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất chủ yếu phụ thuộc thời tiết - Áp dụng KHKT còn hạn chế - 100% hộ dân chưa được tập huấn PCTT 	<ul style="list-style-type: none"> - Giải quyết lao động nhân rỗi tại chỗ - Sản phẩm chế biến có thương hiệu, được thị trường tin dùng - Nguồn cung đầu ra sản phẩm ổn định. - 60% hộ mua giống có chất lượng đảm bảo <p>*Kiến thức, Ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% dân có kinh nghiệm đánh bắt khai thác thủy sản và chế biến - Có hành lang pháp lý với các chính sách hỗ trợ khai thác thiết thực <p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là vùng cửa sông nhiều phù sa - Nguồn lực hướng dẫn kỹ thuật nuôi trồng đảm bảo - Nguồn cung ứng giống và đầu ra sản phẩm ổn định <p>*Tổ chức, Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tận dụng được nguồn lao động tại chỗ, ít phải thuê lao động ngoài - Có thị trường tiêu thụ ổn định - Hạn chế được do thời tiết gây ra - 50% đã được tập huấn, tự tìm tòi kiến thức và có kinh nghiệm <p>*Kiến thức, Ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải quyết lao động nhân rỗi tại chỗ - Sản phẩm chế biến có thương hiệu, được thị trường tin dùng 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn nước biển ngày càng ô nhiễm - Bão, áp thấp nhiệt đới đổ bộ trực tiếp vùng nuôi dẫn đến ngao chết, mất - Dịch bệnh phát triển 	<p>Trung bình</p>
<p>Bão, Áp thấp nhiệt đới, ngập úng, hạn hán</p>	<p>Phú Thành (nuôi trồng thủy sản: tôm, cá)</p>	<p>411</p>	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn nước phục vụ sản xuất không đảm bảo, sự nhiễm mặn ngày càng cao - Ô nhiễm môi trường do gần khu chăn nuôi lợn tập 	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích nuôi trồng lớn, - Người dân có nhiều kinh nghiệm phòng chống dịch bệnh. - Chấp hành tốt lịch thời 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn nước ô nhiễm, - Nguy cơ mưa bão tràn bờ vùng nuôi 	<p>Trung Bình (Người dân có kinh nghiệm nuôi trồng TS, nguồn giống</p>

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

		<p>trung, xuất hiện nhiều dịch bệnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nuôi trồng chủ yếu theo kinh nghiệm và nuôi cá, tôm truyền thống - Áp dụng KHKT còn hạn chế <p>* Tổ chức, Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn vốn vay đầu tư nuôi trồng hạn chế - Giá cả sản phẩm không ổn định thường thấp. - Tỷ lệ rủi ro cao 20% đối với nuócá và 50% đối với nuôi tôm <p>*Kiến thức, Ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa chủ động trong quy trình nuôi, chưa liên kết vùng nuôi - 30% hộ mua nguồn giống trôi nổi không đảm bảo chất lượng 	<p>vụ của các ngành chức năng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn giống và hỗ trợ, hướng dẫn kỹ thuật nuôi đảm bảo <p>* Tổ chức, Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải quyết công ăn việc làm cho nhiều lao động chính và lao động thời vụ tại thôn - Tạo quy mô nuôi trồng tập trung <p>*Kiến thức, Ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập trung đầu tư vùng nuôi lớn - 70% hộ mua nguồn giống cung cấp đảm bảo - Thị trường sản phẩm ổn định 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ dịch bệnh do hạn thay đổi độ mặn 	đảm bảo)
Bão, Áp thấp nhiệt đới, ngập úng, hạn hán	Minh Hùng (Nuôi trồng TS- chăn nuôi – làng nghề)	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn nước phục vụ sản xuất không đảm bảo, sự nhiễm mặn ngày càng cao - Ô nhiễm môi trường do gần khu chăn nuôi lợn tập trung, xuất hiện nhiều dịch bệnh - Nuôi trồng chủ yếu theo kinh nghiệm và nuôi cá, tôm truyền thống - Áp dụng KHKT còn hạn chế - Làng nghề Đồng Chanh chuyên đồ mỹ nghệ - vật liệu xây dựng. <p>* Tổ chức, Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn vốn vay đầu tư nuôi trồng hạn chế - Giá cả sản phẩm không ổn định thường thấp. - Tỷ lệ rủi ro cao 20% đối với nuócá và 50% đối với nuôi tôm - Nguồn vốn vay còn hạn chế <p>*Kiến thức, Ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa chủ động trong quy trình nuôi, chưa liên kết vùng nuôi - Khai thác và nuôi trồng phụ thuộc vào thiên nhiên. - Thiếu hệ thống kênh 	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích nuôi trồng lớn, - Người dân có nhiều kinh nghiệm phòng chống dịch bệnh. - Chấp hành tốt lịch thời vụ của các ngành chức năng. - Nguồn giống và hỗ trợ, hướng dẫn kỹ thuật nuôi đảm bảo - Trung tập quy mô lớn về sản xuất chế biến mọt, buôn bán vật liệu xây dựng, hành hóa mang lại hiệu quả kinh tế cao - Chăn nuôi gà, lợn trang trại lớn: 11 trang trại lợn – 8 trang trại gà <p>* Tổ chức, Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập trung đầu tư vùng nuôi lớn - Nguồn giống cung cấp đảm bảo - Công ty cung ứng sản phẩm đầu ra, đầu vào - Thị trường sản phẩm ổn định <p>*Kiến thức, Ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập trung đầu tư vùng nuôi lớn - Nguồn giống cung cấp đảm bảo - Thị trường sản phẩm ổn định, thu nhập cao 	<ul style="list-style-type: none"> - Dịch bệnh tôm, cá - Dịch bệnh gia súc gia cầm 	Thấp (trang trại chăn nuôi chuồng trại xây quy mô an toàn, người dân nuôi TTS có kinh nghiệm)

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

<p>Bão kèm mưa to ngập lụt, hạn hán</p>	<p>Minh Thanh (Trồng trọt và chăn nuôi)</p>	<p>201</p>	<p>mương tiêu thoát đảm bảo.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 60% hộ chưa có hồ chứa thải, xả thải trực tiếp vào môi trường. - 70% hộ chưa áp dụng KHKT vào chăn nuôi, dựa vào kinh nghiệm. - Khai thác đánh bắt dựa vào kinh nghiệm là chính <p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 75% diện tích đất sản xuất nông nghiệp có nguy cơ bị nhiễm mặn khi bão lũ, triều cường cao - Tỷ lệ thiệt hại năm do thiên tai là 50% - Có khoảng 30 hộ chăn nuôi heo và gà vịt quy mô nhỏ, chuồng trại chưa đảm bảo an toàn trước bão, lụt <p>* Tổ chức, Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 75% công việc sản xuất và chăn nuôi do nữ đảm nhiệm. - Số hộ chăn nuôi nhỏ lẻ. - Không được tập huấn kỹ thuật chăn nuôi. - Con giống tự nhập. - Lao động chưa được đào tạo, tập huấn kiến thức cơ bản. - Giá cả không ổn định. - Giá thuốc bảo vệ thực vật cao, thuốc bảo vệ gia cầm cao, nhiều hộ không đầu tư tiêm phòng dịch. - Nguồn vốn vay ngân hàng ít không đáp ứng nhu cầu cần vay. - Sản xuất chủ yếu dựa vào kinh nghiệm. <p>* Kiến thức, Ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khai thác và nuôi trồng. - Phụ thuộc vào thiên nhiên. - Thiếu hệ thống kênh mương tiêu thoát đảm bảo. - Chưa có hồ chứa thải, xả thải trực tiếp vào môi trường. - Áp dụng KHKT vào chăn nuôi còn hạn chế. - Khai thác đánh bắt dựa vào kinh nghiệm là chính 	<ul style="list-style-type: none"> - 40% hộ tuân thủ quy trình kỹ thuật chăn nuôi - Khu vực làng nghề thu hút nhiều lao động địa phương, sản phẩm có uy tín trên thị trường <p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích sản xuất lúa: 4,8 ha với 120 hộ tham gia - 75% diện tích đất sản xuất nông nghiệp có nguy cơ bị nhiễm mặn khi bão lũ, triều cường cao <p>* Tổ chức, Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tận dụng nguồn lao động tại chỗ. - Không phải thuê lao động thực hiện. - Có thị trường tiêu thụ. - Có nơi cung cấp giống đảm bảo yêu cầu. - Biết cách tổ chức sản xuất tránh mùa mưa bão để hạn chế thấp nhất thiệt hại của thiên nhiên thời tiết. - Hợp tác xã có điểm bán phân giống, thuốc trừ sâu... ở tại thôn, kịp thời, giá đảm bảo ổn định (cung ứng trước, trả tiền sau). <p>* Kiến thức, Ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hộ dân chăn nuôi, nuôi trồng có kinh nghiệm. - Tự tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm. - Tận dụng nguồn nhân lực tại địa phương 	<p>Cao</p> <p>(Nuôi trồng, khai thác, đánh bắt phụ thuộc vào thiên nhiên thời tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ mặn cao hay bị xâm lấn khi có bão lũ, triều cường cao. - Vỡ đê, kè biển. - Mưa bão thay đổi độ mặn dẫn đến dịch bệnh. 	
---	---	------------	---	--	---	--

D. Tổng hợp kết quả đánh giá và đề xuất giải pháp

1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH

Thứ tự vấn đề ưu tiên (*)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	TTDBTD	Nguyên nhân	Giải pháp
1	Thiệt hại về người	<p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhà bán kiên cố, nhà thiếu kiên cố trong xã còn nhiều, có thể bị đổ, sập (145 nhà thiếu kiên cố và 25 nhà yếu) Cột điện và hệ thống đường dây điện sau công tơ chưa an toàn, xuống cấp nằm rải rác ở các thôn, tập trung nhiều nhất ở thôn Minh Thục có 50 cột điện yếu. Hệ thống mương thoát nước lâu năm không đảm bảo việc tiêu úng Đề chắn chưa đảm bảo an toàn cho người dân trước những cơn bão mạnh. Tuyến đê bao kênh De được đắp bằng đất, không an toàn trước thiên tai Số tàu thuyền nhỏ, tàu thuyền kém an toàn trong xã còn nhiều Các phương tiện khai thác hải sản hầu hết đánh bắt xa bờ, chưa được trang bị các thiết bị cứu hộ Một số đoạn xung yếu đê bao kênh De đã xuống cấp <p>*Tổ chức-xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> Tỷ lệ các đối tượng dễ bị tổn thương trong xã cao (399 hộ phụ nữ và nam đơn thân, 1662 người cao tuổi có 1067 cụ bà và 714 người khuyết tật có 98 nữ, 5181 trẻ em với 2746 nữ) Các phương án di dân chưa được thực hiện phù hợp trong thực tế Địa phương còn thiếu kinh nghiệm trong việc vận hành cơ chế di dân Lực lượng hỗ trợ tổ chức di dân còn ít so với tỉ lệ dân số Phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác di dân chưa được trang bị Các hoạt động tuyên truyền thuyết phục nhân dân đi sơ tán còn nhiều khó khăn <p>* Kiến thức, Ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhận thức của người dân về các hoạt động PCTT còn hạn chế, một bộ phận các hộ dân còn có tâm lý chủ quan, không chấp hành nghiêm lệnh sơ tán trong tình huống khẩn 	<ul style="list-style-type: none"> Địa phương nằm trong vùng trọng điểm thiên tai, thường xuyên bị ảnh hưởng bởi bão, lụt Các công trình nhà ở, hệ thống điện xây lâu năm đã xuống cấp Đê kè xây dựng từ lâu và cao trình kè biển còn thấp so với mực nước biển Số người có sức khỏe hầu hết đi khai thác hải sản trên biển hoặc đi làm ăn xa, thiếu hụt lực lượng ứng phó khi khẩn cấp trước thiên tai Ngân sách địa phương chưa đủ để đầu tư các trang thiết bị cứu hộ cứu nạn Những năm gần đây địa phương không bị ảnh hưởng bởi bão lớn, nên tâm lý của người dân và chính quyền địa phương còn có tâm lý chủ quan Thiếu ý thức tự giác còn có tư tưởng ỷ lại Nhà nước 	<p>* Phi công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nâng cao nhận thức và kiến thức cho người dân về PCTT Tăng cường năng lực (cơ sở vật chất và nhân lực) phục vụ công tác tuyên truyền về PCTT, bảo vệ môi trường; chú trọng công tác dự báo, cảnh báo cho nhân dân về hậu quả thiên tai Tạo việc làm ngay tại địa phương để thu hút lực lượng lao động trẻ, cũng là lực lượng để hỗ trợ ứng phó kịp thời khi thiên tai xảy ra Tăng cường lực lượng hỗ trợ di dân trong tình huống khẩn cấp xây dựng kế hoạch diễn tập hàng năm. <p>* Công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nâng cấp nhà ở dân sinh an toàn Nâng cấp hệ thống điện an toàn (cột điện và đường dây tải điện) Nâng cấp tuyến kè biển và hệ thống mương tiêu úng dân sinh Đầu tư trang bị các phương tiện khai thác hải sản Cung cấp trang thiết bị cứu hộ cứu nạn đầy đủ, đồng bộ cho đội ứng phó tại xã

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

		<p>cấp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số kinh nghiệm, kiến thức dân gian về ứng phó với thiên tai đã lỗi thời, không phù hợp. 		
2	Nguy cơ thiệt hại về nhà ở	<p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Toàn xã còn có trên 170 nhà bán kiên cố và nhà yếu của các hộ nghèo, phụ nữ và nam đơn thân, hộ có người khuyết tật. - Nhà xây dựng chưa đúng kỹ thuật - Người dân xây nhà thường không có thiết kế và không áp dụng kỹ thuật xây dựng PCTT - Tỷ lệ các hộ tại vùng có nguy cơ đổ sập cao (khoảng 20%) - 57% nhà bán kiên cố và thiếu kiên cố, trong đó có nhiều nhà cũ xây lâu năm đã xuống cấp, cần được sửa chữa hoặc xây mới do khó khăn về kinh tế - Người dân chưa có ý thức chằng chống nhà cửa trước thiên tai - Cao trình tuyến kè biển không đảm bảo, có vị trí đã xuống cấp không có tác dụng chắn sóng và ngập úng khu dân cư ở ven biển - Hệ thống mương tiêu dân sinh xuống cấp, không phát huy được tác dụng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Địa phương nằm trong vùng trọng điểm thiên tai, thường xuyên bị ảnh hưởng bởi bão, lụt - Mật độ dân cư cao, xã không còn quỹ đất để quy hoạch khu dân cư mới - Thu nhập người dân còn thấp do việc làm không ổn định, vì vậy khó khăn trong việc xây dựng nhà mới - Hệ thống rừng phòng hộ, rừng ngập mặn còn ít (4ha) mới được trồng và đề kè chưa được nâng cấp - Công tác tuyên truyền đến người dân về PCTT chưa kịp thời, thường xuyên. 	<p>* Phi công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy hoạch đất phù hợp để phân bổ dân cư hợp lý - Tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân - Nâng cao cao trình tuyến kè biển - Có chính sách hỗ trợ những hộ có thu nhập thấp xây dựng nhà ở - Thường xuyên tuyên truyền đến nhân dân về những kiến thức PCTT, kỹ thuật xây dựng nhà an toàn và chằng chống nhà ở cho người dân <p>* Công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cải thiện nhà ở dân sinh an toàn hơn áp dụng kỹ thuật PCTT - Xây dựng tuyến đê bao kênh Đe kiên cố - Xây dựng hệ thống mương tiêu úng dân sinh theo tiêu chuẩn “kiên cố, khoa học, hiệu quả” - Phát triển rừng phòng hộ, rừng ngập mặn tại địa phương.
3	Thiệt hại trong khai thác thủy sản	<p>* Về vật chất:</p> <p>Tàu thuyền bị va đập, hư hỏng Ngư cụ bị hư hỏng, thiệt hại Tàu thuyền bị lật chìm do không đảm bảo</p> <p>* Tổ chức-xã hội:</p> <p>Chưa có các nghiệp đoàn mang tính chính thống, chuyên nghiệp Đã hình thành các tổ tàu thuyền nhưng hoạt động hỗ trợ chưa đạt chiều sâu và chưa tạo ra sự gắn kết cần thiết Lao động và chủ sở hữu lao động chưa có sự tương tác chặt chẽ về hợp tác lao động</p> <p>* Kiến thức, Ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân chưa có kiến thức tương ứng trong việc ứng dụng các tiến bộ KH-KT - Một số kinh nghiệm trong khai thác và giảm nhẹ hậu quả trong PCTT đã một phần bị lỗi thời, không phù hợp. - Những kiến thức và kinh nghiệm về hoạt động nghiệp đoàn chưa đầy đủ - Nhận thức và ý thức bảo vệ nguồn 	<ul style="list-style-type: none"> - Không có khu vực neo đậu đảm bảo an toàn - Do tàu máy nhỏ, công suất thấp, ngư cụ cũ không được đầu tư - Thiên tai và BDKH diễn biến ngày càng phức tạp - Trang bị về cảnh báo, thông tin liên lạc chưa đồng bộ - Sự can thiệp của Nhà nước trong việc thành lập các nghiệp đoàn chưa thực sự mạnh mẽ, còn để người dân hoạt động tự phát. - Tư tưởng của người dân trong hoạt động hỗ trợ còn manh mún, coi trọng yếu tố lợi ích trong quá trình khai thác trên biển - Chủ sở hữu và người lao động không tiến hành kí hợp đồng lao động - Người lao động trong xã còn phải đi khai thác thuê ở các địa phương khác - Mật bằng dân trí của đại bộ 	<p>* Phi công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao kiến thức về PCTT cho nhân dân trong xã - Định hướng thành lập các nghiệp đoàn hỗ trợ ngành ngư nghiệp - Tăng cường giáo dục tinh thần đoàn kết, tương trợ của người dân về các thông tin khai thác hải sản và an toàn trên biển - Nâng cao kiến thức và nhận thức cho ngư dân về việc bảo vệ nguồn lợi thủy-hải sản không khai thác hủy diệt. - Tổ chức các nghiệp đoàn, có giải pháp hỗ trợ để người dân vừa khai thác hải sản, vừa bảo vệ nguồn tài nguyên biển - Có các biện pháp chế tài chất chế , nghiêm minh đối với những hành vi gây hại nguồn lợi thủy hải sản <p>* Công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư xây dựng khu neo đậu

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

		<p>lợi thủy sản chưa được người dân chú trọng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiếu kiến thức về PCTT - Một bộ phận ngư dân chủ quan, dễ bị thiệt hại khi thiên tai xảy ra. - Đánh bắt hủy diệt không chú trọng bảo vệ nguồn lợi thủy sản 	<p>phần ngư dân còn thấp, nên khó khăn trong việc tiếp cận các tiến bộ KH-KT</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một bộ phận ngư dân tự tin thái quá kinh nghiệm của mình trong PCTT và khai thác hải sản. - Chưa có các lớp tập huấn cho người dân để thành lập các nghiệp đoàn - Người dân chỉ chú trọng đến lợi ích trước mắt trong khai thác hải sản, chưa chú trọng đến vệ nguồn lợi hải sản lâu dài. 	<p>tàu thuyền cho địa phương</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư mua sắm trang thiết bị, ngư cụ hiện đại, nâng cấp hệ thống thông tin liên lạc đồng bộ -
4	Thiệt hại về hoa màu	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống kênh mương hư hỏng nặng - Đường giao thông nội đồng bị sụt, lún - Cơ cấu các loại cây trồng chưa phù hợp với đất sản xuất - Vùng diện tích cây trồng bị ngập úng, hạn hán ảnh hưởng lớn <p>* Tổ chức-xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tác khuyến nông cập nhật thông tin còn chậm - Đầu tư giống, cây trồng chưa đồng bộ - Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và phân bón chưa kịp thời - Việc giải phóng đất còn chậm (sau thu hoạch hoa màu). <p>* Kiến thức, ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân còn thiếu kiến thức về chuyển giao KH-KT và phòng trừ sâu bệnh - Chủ yếu sản xuất theo kinh nghiệm tự phát, chưa được thường xuyên tập huấn kiến thức, kĩ thuật 	<ul style="list-style-type: none"> - Công tác tuyên truyền còn hạn chế, việc chuyển giao quy trình KH-KT chưa được thường xuyên - Nhận thức về sản xuất nông nghiệp của một số người dân còn bảo thủ, lạc hậu, làm theo kinh nghiệm truyền thống, chưa áp dụng KH-KT vào sản xuất - Việc đầu tư vào con giống mới, phân bón, phun thuốc phòng trừ sâu bệnh trong nhân dân còn chủ quan - Nhân dân quen sử dụng các loại giống kém chất lượng, chưa mạnh dạn đầu tư cây, con, giống mới vào sản xuất và thâm canh - Trong hoạt động sản xuất chưa đồng loạt theo lịch thời vụ 	<p>* Phi công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khuyến khích người dân sử dụng phân hữu cơ, phân vi sinh vào sản xuất, giảm lượng phân bón hóa học - Mở các lớp tập huấn kỹ năng trong sản xuất nông nghiệp cho các hộ dân, ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ KH-KT vào sản xuất và thâm canh - Thường xuyên khuyến cáo tuyên truyền và cập nhật thông tin trong sản xuất và phòng trừ sâu bệnh - Quy hoạch vùng, cơ cấu các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao và phù hợp với thổ nhưỡng địa phương; chuyển đổi diện tích đất năng suất thấp sang mô hình sản xuất phù hợp có năng suất cao hơn. - Liên kết và tìm đầu ra cho các sản phẩm nông nghiệp. <p>* Công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư xây dựng hệ thống kênh mương tưới và tiêu phù hợp với từng khu vực, xứ đồng; tập trung nạo, vét, mở rộng hệ thống mương tưới, tiêu - HTX nông nghiệp đầu tư máy cày để giải phóng đất, máy gặt để thu hoạch cho nhân dân kịp thời vụ - Đầu tư các loại giống mới có năng suất, chất lượng cao; đầu tư máy bơm phun thuốc sâu trên diện rộng - Nâng cấp và mở rộng các tuyến đường nội đồng.
5	Hệ thống thoát nước khu dân cư xuống cấp dễ bị	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống cống rãnh tiêu nước xuống cấp hư hỏng chưa được đầu tư nâng cấp 	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống thoát nước được đầu tư xây dựng đã lâu - Công tác vận động nguồn lực 	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cấp xây mới hệ thống mương tiêu dân sinh theo hướng hiện đại công trình thoát

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

	hư hỏng khi có thiên tai xảy xảy ra	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống mương tiêu rãnh thoát nước đã lạc hậu, thiết kế không hợp lý - Rãnh thoát nước dọc tỉnh lộ mới được đầu tư xây dựng không hợp lý, nên không phát huy tác dụng 	<ul style="list-style-type: none"> - đề nâng cấp, tu sửa chưa được thường xuyên - Mật độ dân cư và nhà ở cao - Người dân ven rãnh thoát nước chưa có ý thức bảo vệ và phát huy tác dụng của mương tiêu, rãnh thoát nước 	<ul style="list-style-type: none"> - nước - Xây dựng hệ thống thoát nước qua đê kiên cố hiện đại - Tuyên truyền để nhân dân có ý thức bảo vệ hệ thống rãnh thoát nước và mương tiêu, vận động người dân thường xuyên khơi thông cống rãnh
6	Nguy cơ đê bị vỡ	<p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đê sông kênh đê xây dựng từ năm 1996 nay đã xuống cấp. - Đê biên được xây dựng kiên cố từ năm 2005. Tuy nhiên về mức độ an toàn không vượt quá cấp 10. - Tác động của sóng biển vào đê hàng năm rất lớn. <p>*Tổ chức, Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tác hộ đê còn hạn chế - Rừng ngập mặn chưa bảo vệ được hệ thống đê <p>*Kiến thức, Ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân còn lấn chiếm khu vực đê nhưng không có biện pháp ngăn ngừa và xử lý - Ý thức bảo vệ đê của các hộ dân sống ở khu vực có đê chưa cao 	<ul style="list-style-type: none"> - Đê không được tu bổ, nâng cấp thường xuyên - Xâm lấn hành lang đê - Công tác tuyên truyền hạn chế, ý thức người dân chưa cao - Xử lý lấn chiếm chưa nghiêm - Hiểu biết của người dân về thiên tai còn hạn chế - Công tác kiểm tra chưa tốt - Độ che phủ của rừng ngập mặn không có - Lực lượng hộ đê thiếu kỹ năng và thiếu các phương tiện hộ đê - Chưa tổ chức diễn tập thường xuyên 	<p>* Phi công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải tỏa lấn chiếm hành lang đê. - Tăng cường công tác tuyên truyền bảo vệ đê, chống lấn chiếm hành lang đê - Nâng cao ý thức bảo vệ đê cho cộng đồng. - Xử lý dứt điểm, kịp thời các trường hợp lấn chiếm - Nâng cao nhận thức về thiên tai, BĐKH cho cộng đồng - Tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra đê điều - Nâng cao năng lực cho lực lượng hộ đê; cung cấp trang thiết bị, phương tiện cho công tác hộ đê - Tập huấn kỹ năng hộ đê và tổ chức diễn tập hộ đê hàng năm. - Chuyển đổi một phần diện tích nuôi ngao kém hiệu quả sang phát triển trồng rừng ngập mặn bảo vệ đê. <p>* Công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thường xuyên tu bổ nâng cấp đê, kè, cống dưới đê - Phát triển rừng ngập mặn bảo vệ đê và thường xuyên chăm dặm
7	Ô nhiễm nguồn nước, vệ sinh và môi trường	<p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công trình vệ sinh không đảm bảo (trên 32 hộ chưa có nhà vệ sinh, trên 220 hộ còn sử dụng nhà vệ sinh tạm bợ) <p>*Tổ chức, Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không xử lý kịp thời, đúng qui cách xác chết động vật sau bão, lụt - Lực lượng Y tế xử lý vệ sinh dập dịch sau thiên tai còn thiếu - Công tác vệ sinh môi trường sau thiên tai còn hạn chế. - Đa số người dân chưa được tập huấn kiến thức về môi trường <p>*Kiến thức, Ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhiều hộ dân chăn nuôi còn xả thải ra môi trường nên mùa nắng hạn hoặc khi có mưa lụt môi trường sông bị ô nhiễm 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu phương tiện, hóa chất xử lý - Chưa quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường - Tuyên truyền vận động còn hạn chế - Nhiều hộ nghèo nên thiếu kinh phí xây dựng các công trình vệ sinh đảm bảo 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng vệ sinh sau thiên tai - Xử lý tốt xác chết động vật - Xây dựng nhà vệ sinh từ hoại - Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cộng đồng - Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ sức khỏe, vệ sinh môi trường

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH

Nhóm ngành/lĩnh vực (*)	Các giải pháp đề xuất (**)	Địa điểm và đối tượng hưởng lợi	Hoạt động cụ thể để thực hiện giải pháp (***)	Thời gian dự kiến		Nguồn ngân sách dự kiến
				Ngắn hạn (thời thực hiện dưới 2 năm)	Dài hạn (thời gian thực hiện trên 2 năm)	
An toàn với người dân và cộng đồng nói chung và tách biệt giải pháp về giới	- Nâng cao nhận thức của bà con nhân dân trong công tác phòng chống thiên tai đặc biệt là các hộ dân nằm khu vực mép nước, vùng trũng dễ bị ảnh hưởng của thiên tai chủ động phòng, tránh và phương châm 4 tại chỗ.	- Nhân dân Các thôn vùng mép nước, vùng trũng, các hộ nghèo nhà cửa thiếu kiên cố	- Tăng cường tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh của xã, của thôn và lồng ghép vào các hội nghị nhân dân, tập huấn...	x		Ngân sách địa phương, các nguồn hỗ trợ của cấp trên
Hạ tầng công cộng	- Nâng cấp hệ thống cống cá của huyện tại xã Hòa Lộc. - Hỗ trợ kinh phí sửa chữa, xây nhà cho các hộ gia đình khó khăn - Sửa chữa và xây mới hệ thống giao thông và hệ thống rãnh thoát nước trong khu dân cư	- Người dân	- Xây dựng kế hoạch thực hiện theo từng tuyến đường, từng khu dân cư và nguồn ngân sách.		X	Ngân sách cấp trên hỗ trợ, ngân sách xã, từ nguồn xã hội hóa
Công trình thủy lợi	- Nâng cấp hệ thống mương tưới, tiêu nội đồng, các công qua đê, trạm bơm 2	- Người dân	- Xây dựng kế hoạch dài hạn, lựa chọn các tuyến quan trọng làm trước		x	Ngân sách cấp trên hỗ trợ, ngân sách xã, từ nguồn xã hội hóa
Nhà ở	- Nâng cao kỹ thuật, chất lượng xây dựng	- Người dân	- Xây dựng nhà ở đảm bảo kỹ thuật, an toàn	x		Nguồn hỗ trợ của cấp trên và nhân dân
Nước sạch, vệ sinh và môi trường	- Nâng cao nhận thức trong nhân dân, hợp đồng các công ty thu gom xử lý rác thải	- Người dân	- Xây dựng lò đốt rác thải		x	Ngân sách cấp trên hỗ trợ, ngân sách xã, từ nguồn xã hội hóa
Y tế và quản lý dịch bệnh	- Nâng cao nhận thức người dân trong công tác phòng trừ dịch bệnh, phân đấu có	- Người dân	- Thành lập ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh do UBND xã chủ trì, phó ban thường trực là	x		Ngân sách cấp trên hỗ trợ, ngân sách xã, từ

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

	trên 80% dân số tham gia bảo hiểm y tế		trạm trường trạm y tế xã			nguồn xã hội hóa
Giáo dục	- Xây dựng 4 nhà trường đạt chuẩn quốc gia, và 80% lao động được qua đào tạo.	- Người dân	- Trung tâm giáo dục cộng đồng xã tăng cường công tác quản lý và phối hợp với các cơ qua cấp trên (trung tâm GDTX huyện) tổ chức thực hiện	x		Ngân sách cấp trên hỗ trợ, ngân sách xã, từ nguồn xã hội hóa
Rừng	- Duy trì diện tích rừng hiện có và phối hợp tốt với các tổ chức phát triển rừng phù kín diện tích rừng đã quy hoạch	- Người dân	- Ban nông nghiệp xã, tổ đồng quản lý CRSD chủ động phối hợp thực hiện		x	Ngân sách cấp trên, các tổ chức, cá nhân
Trồng trọt	- Tái cơ cấu ngành trồng trọt, xây dựng cơ cấu giống cây trồng phù hợp với khí hậu thời tiết đất đai thổ nhưỡng của địa phương, đặc biệt là các cây hàng hóa	- Các hộ trồng trọt	- Ban nông nghiệp xã, hợp tác xã nông nghiệp Minh Lộc thực hiện theo kế hoạch đã đăng ký với UBND huyện		x	Ngân sách cấp trên hỗ trợ, ngân sách xã, từ nguồn xã hội hóa
Chăn nuôi	- Tái cơ cấu ngành nông nghiệp, tăng cường các cơ sở chăn nuôi tập trung đảm bảo vệ sinh môi trường, hạn chế các hộ chăn nuôi trong khu dân cư đông đúc; khuyến khích các hộ nuôi tư nhân	- Các hộ chăn nuôi	- Ban nông nghiệp xã thực hiện theo kế hoạch đã đăng ký với UBND huyện		x	Ngân sách cấp trên hỗ trợ, ngân sách xã, từ nguồn xã hội hóa
Thủy sản	- Quy hoạch các vùng chăn nuôi thâm canh, phát triển chăn nuôi tôm khu vực thôn phú thành. - Chuyển đổi diện tích nuôi ngao kém hiệu quả, khu vực 500 m sang trồng cây chắn sóng diện tích 43,2 ha	- Các hộ nuôi trồng	- Ban nông nghiệp xã thực hiện theo kế hoạch đã đăng ký với UBND huyện. - Đầu mối với các cơ quan, tổ chức có liên quan tiến hành rà soát thực tế đất nuôi ngao chuyển sang trồng rừng.		x	Ngân sách cấp trên hỗ trợ, ngân sách xã, từ nguồn xã hội hóa
Buôn bán nhỏ và ngành nghề dịch vụ khác	- Tăng cường các dịch vụ hậu cần nghề cá (đầu mớ, đá lạnh, chế biến thủy hải sản, sửa chữa tàu thuyền, ngư lưới cụ ...) Phát triển ngành nghề thủ công mỹ nghệ và buôn bán kinh doanh thể mạnh của địa phương.	- Các hộ sản xuất kinh doanh	- Quy hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ phục vụ phát triển ngành nghề nông thôn		x	Ngân sách cấp trên hỗ trợ, ngân sách xã, từ nguồn xã hội hóa
Thông tin truyền thông	- Xây dựng trạm TTLL	- Người dân	- Xây dựng trạm TTLL		x	Ngân sách

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

và cảnh báo sớm	gắn bờ, tu sửa hệ thống loa truyền thanh, hỗ trợ các máy TTLL tầm xa cho các tàu cá.		kết hợp với BQL rừng ngập mặn tại khu đồng bèo Minh Đức, bố trí cán bộ kiểm nhiệm tại trạm này để phục vụ công tác cảnh báo thiên tai và quản lý rừng ngập mặn ven biển			cấp trên hỗ trợ, ngân sách xã, từ nguồn xã hội hóa
Phòng chống thiên tai và TUBĐKH	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cấp hệ thống đê biển, đê sông kênh de kiên cố, phủ kín diện tích rừng ngập mặn đã được quy hoạch. - Nâng cao nhận thức của nhân dân về công tác PCTT và ĐBKH. - Dự trữ vật tư PCTT theo phương châm 4 tại chỗ. 	- Người dân	- Ban chỉ huy PCTT&TKCN xã phân công các thành viên ban chỉ đạo trực tiếp chỉ đạo các thôn thực hiện theo kế hoạch. Chuẩn bị lượng vật tư đầy đủ theo kế hoạch của UBND huyện giao.		x	Ngân sách cấp trên hỗ trợ, ngân sách xã, từ nguồn xã hội hóa
Lĩnh vực Bình đẳng Giới (***)	- Nâng cao nhận thức cho tầng lớp nhân dân đặc biệt là nam giới theo Luật bình đẳng giới năm 2006	- Phụ nữ	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường lồng ghép vào chương trình liên hoan văn nghệ, tập huấn, họp thôn.. - Đưa vào quy chế, nội quy của các cơ quan đơn vị, các thôn 		x	Ngân sách cấp trên hỗ trợ, ngân sách xã

3. Một số ý kiến tham vấn của các cơ quan ban ngành trong xã

- Minh Lộc là một xã ven biển thuộc huyện Hậu Lộc, đặc điểm địa hình bằng phẳng đất cát mặn, có bờ biển dài 1,9km, hàng năm có từ 3 – 5 cơn bão, áp thấp đổ bộ trực tiếp đổ bộ vào. Hệ thống đê biển đã được kiên cố hóa nhưng cao trình thấp nên khi có bão kết hợp triều cường nguy cơ tràn đê biển gây ngập nước cho 4 thôn vùng mép nước. Hệ thống đê sông De dài 23km hệ thống đê chưa được kiên cố, còn nhiều đoạn xung yếu có nguy cơ sạt lở gây vỡ đê khi có mưa, bão lớn làm ảnh hưởng lớn đến đời sống và hoạt động sản xuất kinh doanh của người dân.
- Xã có đường tỉnh lộ 256, có bến xe khách liên tỉnh, là trung tâm giao lưu trao đổi buôn bán hàng hóa của 5 xã vùng biển của huyện Hậu Lộc. Đặc thù kinh tế là trồng trọt chăn nuôi, khai thác nuôi trồng đánh bắt thủy hải sản và dịch vụ thương mại. Tuy nhiên diện tích đất trồng trọt có sự xâm lấn nước mặn ngày càng cao, diện tích nuôi trồng thủy sản phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên nên thu nhập thất thường không ổn định.
- Cơ sở hạ tầng chưa đồng đều, một số thôn hệ thống đường giao thông đã xuống cấp, hệ thống giao thông nội đồng còn 60% chưa được cứng hóa. Nhà bán kiên cố chiếm tỷ lệ 47% các hộ dân vùng mép nước (bờ biển) chưa có nhà cao tầng.

4. Một số ý kiến kết luận của đại diện UBND xã

- Đại diện Thường trực Đảng ủy, HĐND, UBND, MTTQ và các ban, ngành đoàn thể của xã đều thống nhất theo báo cáo của nhóm hỗ trợ kỹ thuật. Riêng Chủ tịch UBND xã có đóng góp ý kiến về một số nội dung liên quan đến công tác đảm bảo lực lượng, phương án tại chỗ kho có thiên tai xảy ra.
- Do lần đầu xã thực hiện đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, nên nhóm hỗ trợ kỹ thuật mặc dù đã nhiều cố gắng nhưng vẫn còn một số hạn chế nhất định, nhờ được sự hỗ trợ hướng dẫn nhiệt tình của giảng viên Trung ương (đ/c Hòa), giảng viên Hội chữ thập đỏ tỉnh Thanh Hóa (đ/c Tuấn Anh và cán bộ Dự án GCF (đ/c Quế) từ đó cơ bản xã đã thực hiện đảm bảo theo kế hoạch của Dự án đề ra.
- Trên cơ sở báo cáo rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, UBND xã sẽ điều chỉnh, bổ sung, chấn chỉnh những nội dung còn thiếu, còn hạn chế trong kế hoạch phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn hàng năm của xã để thực hiện nhiệm vụ tốt hơn trong thời gian tới.
- Ủy ban nhân dân xã chân thành cảm ơn Dự án GCF (Quản lý, đánh giá rủi ro thiên tai và rủi ro khí hậu) đã tạo điều kiện để xã Minh lộc tham gia vào Dự án. Hiện nay, điều kiện xã còn gặp nhiều khó khăn, thường xuyên xảy ra thiên tai, nếu được sự quan tâm, hỗ trợ của Dự án, người dân tại địa phương sẽ có nhiều cơ hội tiếp cận với các nguồn hỗ trợ để

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

giảm các thiệt hại do thiên tai gây ra, đồng thời có điều kiện để phát triển kinh tế, xã hội, góp phần xây dựng nông thôn mới cũng như giữ gìn tuyến phòng thủ quốc phòng an ninh.

- Ủy ban nhân dân xã cảm ơn cô Nguyễn Thị Phúc Hòa, Chị Nguyễn Thị Thu Quế và Anh Nguyễn Tuấn Anh đã nhiệt tình hỗ trợ nhóm hỗ trợ kỹ thuật của xã trong những ngày tập huấn vừa qua. Bên cạnh đó, UBND xã cũng sẽ tạo điều kiện phối hợp tốt hơn nữa để thực hiện những nội dung tiếp theo của Dự án.

Xác nhận tiếp nhận kết quả đánh giá rủi ro thiên tai của xã
TM UBND Xã
PCT. Ông Hoàng Văn Nghĩa
(đã ký và đóng dấu)

E. Phụ lục

1. Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá (10 người tham gia 4 ngày cuối)

TT	Họ và Tên	Vị trí công tác	Số điện thoại
1	Hoàng Văn Nghĩa	PCT UBND xã	0354368579
2	Mai Văn Bạch	Chủ tịch MTTQ	0822386742
3	Đình Thị Xuyên	Chủ tịch Hội phụ nữ	0949763556
4	Nguyễn Thị Hào	Chủ tịch Hội nông dân xã	0912603622
5	Vũ Huy Xường	Chủ tịch hội Cựu chiến binh xã	0903268490
6	Nguyễn Văn Bôn	Cán bộ địa chính	0946663649
7	Nguyễn Thị Vân Anh	Cán bộ Phòng thống kê	0915279475
8	Mai Văn Việt	Cán bộ Tư pháp	0773208606
9	Đỗ Thị Hà	Phó Chủ tịch Hội Phụ nữ	0793036024
10	Nguyễn Thị Bình	Cán bộ dân số gia đình và trẻ em	0988374001

2. Phụ lục 2: Một số hình ảnh thực hiện đánh giá RRTT-DVCD tại các cụm thôn



3. Phụ lục 2: Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn

Công Cụ 2: Lịch sử Thiên tai

Tháng/năm	Loại thiên tai	Đặc điểm và xu hướng của thiên tai	Khu vực chịu thiệt hại	Mức độ thiệt hại	Nguyên nhân	Những việc đã làm để phòng, chống thiên tai
2005 (T7)	Bão	Gió cấp 12, giật trên cấp 12 Triều cường dâng cao, sóng lớn Mưa lớn kéo dài	- Vỡ đê tại 2 tuyến thuộc thôn: Minh Thọ Minh Hải, tràn đê khu vực đê Minh Đức (nước tràn qua đê đến khu vực ngã tư Minh Lộc); 4 thôn vùng mép nước đều bị ảnh hưởng, đê kênh De có nguy cơ tràn; trạm bơm số 1	- *ATCĐ - 55 hộ bị ngập nhà; - 85 hộ bị tốc máy - 130 hộ bị tửng; nhiều tài sản nhân dân bị cuốn trôi - 100% hộ của 4 thôn vùng biển bị ngập úng - 6 tàu thuyền bị chìm, diện tích nuôi trồng thủy sản bị mất hoàn toàn - 100% hoa màu bị thiệt hại - 1,6km đê biển bị hư hỏng nặng - Đường giao thông, hệ thống cầu cống bị sạt lở - Gia súc gia cầm trong thôn bị chết số lượng lớn - Nguồn nước bị ô nhiễm - Dịch bệnh ở người và gia súc gia cầm bùng phát - Đất canh tác bị nhiễm mặn	- Nhà yếu nhà tạm xây dựng lâu năm thiếu kiên cố - 20% số hộ dân ở vùng mép nước sát biển - Người dân còn chủ quan trong công tác phòng chống khi bão đến - Hệ thống đê biển chỉ chịu được bão mạnh cấp 9 trở xuống - Hệ thống cống rãnh tiêu úng khu dân sinh kém chất lượng - Vật tư 4 tại chỗ phục vụ phòng chống bão còn thiếu - Nhân lực phục vụ chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra - Diện tích rừng phòng hộ còn ít.	- Tăng cường công tác tuyên truyền nhân dân chẳng chống nhà cửa và chuẩn bị ứng phó trước khi thiên tai xảy ra. - Thường xuyên cập nhật thông tin diễn biến của thiên tai để kịp thời thông báo cho người nhân biết. - Chuẩn bị vật tư sinh lực, phương tiện thực hiện phương án di dân - Mỗi thôn thành lập đội ứng phó nhanh, xung kích thường trực 24/24 - Trang bị các thiết bị đảm bảo cho công tác ứng phó thiên tai - Trồng rừng phòng hộ
2007 (T5-T6)	Hạn hán	- Nắng nóng kéo dài, không mưa - Nhiệt độ cao, trung bình 35-39oC - Nước mặn xâm thực sâu trong khu dân cư - Nguồn nước ngọt khan hiếm	Toàn xã	- Ảnh hưởng đến 80% diện tích đất sản (trồng lúa và hoa màu), gây thiệt hại và làm giảm năng suất - 70-80% diện tích nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại	- thiếu nguồn nước sạch phục vụ cho các hoạt động sản xuất nông nghiệp - hệ thống mương tưới xổng cấp - xâm nhập mặn gây nhiễm mặn nguồn nước.	- Thường xuyên nạo vét hệ thống kênh mương tưới cho vùng sản xuất - Chuyển đổi giống cây trồng - Quy hoạch vùng sản xuất phù hợp - khoan giếng tại các khu vùng đồng để phục vụ tưới cho hoa màu.
2012 (T1-T2)	Rét đậm rét hại	- Giá buốt, nhiệt độ dưới thấp 10oC - Nhiệt độ thấp kéo dài	Toàn xã	- 80% diện tích gieo mạ tại các thôn trong xã bị chết - 100% diện tích lạc mất trắng - 15% tổng số đàn gia súc gia cầm trong thôn bị chết - 30% thủy sản nuôi trồng bị chết - ảnh hưởng đến sức khỏe con người, đặc biệt là các bệnh liên quan đến đường hô hấp.	- Do giá rét và sương muối - Người dân còn chủ quan trong việc phòng chống rét	- che phủ ni lông cho diện tích gieo trồng mạ, lạc... - che chắn chuồng trại - Dùng chăn, áo ấm mặc cho gia súc - Đào sâu vùng chống rét cho cá, tôm, che chắn khu vực nuôi - Sưởi ấm cho vật nuôi bằng than củi.

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

Công Cụ 3: Lịch Theo Mùa

Thiên tai	Tháng												Xu hướng		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12			
Rét đậm, rét hại													Mưa phùn, gió bắc, sương muối, nhiệt độ xuống dưới 13°C, rét kéo dài, không theo quy luật, diễn biến bất thường, nhiệt độ tăng thêm 1°C so với 20 năm về trước..		
Lụt													Mưa lớn kéo dài, gây lụt úng trên diện rộng, mức độ và diễn biến thất thường so với năm 2000.		
Hạn hán													Nhiệt độ tăng cao, nắng nóng gây gát, kéo dài		
Bão – Áp thấp nhiệt đới													Mưa to, gió lớn, gió giật từ cấp 8 đến cấp 12 và trên cấp 12, diễn biến ngày càng phức tạp, khó lường, mực nước biển dâng cao, sóng lớn gây ra triều cường.		
Hoạt động sản xuất	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Ảnh hưởng của thiên tai	Tại sao	Kinh nghiệm PCTT
Cây lúa													Do mưa rét kéo dài và sương muối làm cho cây mạ bị chết gây khó khăn trong gieo trồng, ảnh hưởng đến năng suất. Do mưa gió, bão lụt làm ảnh hưởng đến cây lúa (Ngập úng, gãy đổ, sâu bệnh) ảnh hưởng đến năng suất của cây lúa.	- Chưa thực hiện nghiêm ngặt lịch thời vụ gieo trồng. - Chưa áp dụng khoa học kỹ thuật vào gieo trồng như việc chăm sóc cây mạ, cây lúa; việc phòng trừ sâu bệnh chưa kịp thời; hệ thống mương tưới tiêu chưa đảm bảo.	- Đã che chắn, chống rét cho cây mạ. - Tổ chức phòng trừ sâu bệnh cho cây mạ cũng như cây lúa. - Tu bổ, sửa chữa hệ thống keeng mương phục vụ cho việc tưới tiêu.
Cây ngô, cây lạc, cây vừng, cây khoai lang													Mưa kéo dài, gió to gây gãy cây hoặc diệp tích cây lạc và cây vừng làm ảnh hưởng tới năng suất. Thời tiết hanh khô, hạn hán làm cây trồng chậm phát triển.	- Hệ thống kênh mương chưa đảm bảo cho việc tưới trong mùa hanh khô, hạn hán và tiêu khi bị ngập úng. - Quy hoạch vùng sản xuất chưa hợp lý.	- Quy hoạch vùng sản xuất tập trung và hợp lý. - Gieo trồng đúng thời vụ, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất.
Khai thác thủy hải sản													Rét đậm, rét hại làm năng suất đánh bắt, khai thác hải sản giảm xuống. Mưa bão, áp thấp nhiệt đới gây chết người, đánh chìm tàu thuyền, ngư lưới cụ, ảnh hưởng đến năng suất khai thác.	- Nhiệt độ xuống thấp ngư dân không thể ra biển đánh bắt và khai thác - Do chưa được trang bị đầy đủ phao cứu sinh và các phương tiện phòng hộ. - Cập nhật thông tin về diễn biến thời tiết chưa kịp thời do máy móc chưa hiện đại. - Chưa được sự hỗ trợ vốn của nhà nước để nâng cấp tàu thuyền cũng như các phương tiện khác Hoạt động bắt cháp thời tiết hoặc do cuộc sống khó khăn mà cố	- Đã trang bị bảo hộ lao động. - Đã tổ chức tuyên truyền để nâng cao nhận thức của ngư dân. - tăng cường đầu tư các phương tiện, tàu to, máy lớn.

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

Công Cụ 5: Điểm mạnh, điểm yếu trong công tác PCTT

Nội dung	Điểm mạnh	Điểm yếu	Giải pháp
Năng lực của Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> - Ban Chỉ huy PCTT xã gồm 25 thành viên, bao gồm tất cả các ban ngành, đoàn thể cấp xã, trưởng các ấp nên luôn đảm bảo bao quát toàn diện tất cả các lĩnh vực kinh tế xã hội của xã. - Có sự phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên phụ trách địa bàn làm tăng hiệu quả trong chỉ đạo điều hành. - Hầu hết các thành viên của Ban Chỉ huy PCTT&TKCN của xã đều có tinh thần trách nhiệm cao, không ngại khó khăn đã góp phần làm giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra cho xã. - Các thôn đã thành lập được ban PCTT và CHCN, mỗi thôn có từ 10-15 người, trong đó có từ 2-3 người là nữ, độ tuổi bình quân 40 tuổi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Năng lực của các thành viên không đồng đều do một số chức danh kiêm nhiệm - Kinh nghiệm trong PCTT còn yếu - Chưa được bồi dưỡng hoặc tập huấn về PCTT - Thiếu trang thiết bị, phương tiện cho công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của xã. - Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ huy PCTT&TKCN xã còn rất hạn chế nên gặp rất nhiều khó khăn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng lực lượng bộ máy trẻ, khỏe, nhiệt tình. - Các thành viên phải được tập huấn, trang bị các kiến thức về PCTT và CHCN - Hằng năm phải xây dựng KH và phương án PCTT cụ thể và được cập nhật hằng năm.
Hệ thống thông tin cảnh báo	<ul style="list-style-type: none"> - Các thôn đã có hệ thống truyền thanh phủ kiến trên đại bàn các thôn. - Trên 90% các hộ gia đình đều có tivi và điện thoại di động; 40% các hộ có sử dụng internet - Đội ngũ tuyên truyền viên đông về số lượng, giỏi về kỹ năng, có tinh thần trách nhiệm cao. - Đã áp dụng công tác tuyên truyền, cảnh báo về nguy cơ rủi ro do thiên tai trên hệ thống truyền thanh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống truyền thanh chưa được sửa chữa kịp thời ở các vị trí hư hỏng cục bộ. - Thôn chưa làm tốt công tác tuyên truyền, cảnh báo trên hệ thống truyền thanh. - Kinh phí đầu tư cho hệ thống truyền thanh còn hạn chế và chưa có phụ cấp cho cán bộ phụ trách truyền thanh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cần sửa chữa kịp thời những hỏng hóc cục bộ trên hệ thống truyền thanh. - Phân công trách nhiệm cụ thể đối với cá nhân phụ trách công tác tuyên truyền. - Chỉ đạo sát sao về công tác tuyên truyền trước mỗi đợt bão lụt.
Công trình PCTT	<ul style="list-style-type: none"> - Có công trình kè biển kiên cố do nhà nước đầu tư xây dựng. - Có hệ thống đê kênh De (2.7km) ngăn mặn, ngăn lũ. - Có các nhà kiên cố (4 khu trường học kiên, trụ sở UBND và nhà văn hóa các thôn) để thực hiện di dân cấp độ 1 (cấp độ di dân tại chỗ). 	<ul style="list-style-type: none"> - Không có khu neo đậu tàu thuyền (do địa phương thuộc xã bãi ngang: (không có cửa lạch, tàu thuyền chỉ neo đậu dọc bờ biển) - Hết hồng kè biển kiên cố nhưng cao trình (độ cao của đê kè) chưa đảm bảo (gió giật cấp 9 thì nước sẽ tràn qua đê kè) - Tuyên đề bao kênh De xuống cấp (tại một số điểm xung yếu) - Hệ thống mương tiêu dân sinh không phát huy được tác dụng (do mật độ phát triển dân số lấn chiếm, thiết kế, không thường xuyên nạo vét) 	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường nạo vét kênh mương; huy động nhân dân đắp đất dự trữ cho các khu vực xung yếu của đê kênh De. - Nhà nước hỗ trợ gia cố và naang cao cao trình tuyến kè biển và hỗ trợ địa phương xây dựng khu neo đậu tàu thuyền.
Phương châm bốn tại chỗ	<ul style="list-style-type: none"> - Có phân công nhiệm vụ phụ trách địa bàn cụ thể cho các thành viên Ban Chỉ huy PCTT&TKCN xã đảm bảo chỉ huy và giải quyết tại chỗ những vấn đề khẩn cấp khi có thiên tai xảy ra. - Các thôn đã có chuẩn bị lực 	<ul style="list-style-type: none"> - Đã xây dựng phương án nhưng những chi tiết cụ thể chưa khoa học. - Vật tư tại chỗ còn hạn chế nên chỉ đáp ứng một phần nhỏ nhu cầu thực tế khi thiên tai xảy ra. - Công tác phối hợp giữa các lực 	<ul style="list-style-type: none"> - Cần xây dựng phương án một cách khoa học và có tính khả thi - tăng cường công tác tuyên truyền để nhân dân tự giác tham gia

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

	<p>lượng tại chỗ, tổ chức thường trực trong các đợt bão lũ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - lãnh đạo các thôn đã có bàn bạc, thảo luận trong công tác PCTT - Thực hiện việc huy động vật tư tại chỗ theo chỉ đạo của UBND xã. - Huy động được phần lớn các vật tư, phương tiện sẵn có trong dân khi có thiên tai. 	<p>lượng đôi lúc chưa nhịp nhàng nên hiệu quả chưa cao.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có phương án huy động nhân dân đóng góp, để phục vụ cho trang bị vật tư, nhưng bị ràng buộc bởi những quy định của nhà nước về huy động đóng góp nhân dân. 	
Ý thức năng lực của người dân	<ul style="list-style-type: none"> - Người dân được tuyên truyền về rủi ro thiên tai - Đa số đều chấp hành tốt các hướng dẫn của ngành chức năng về phòng, chống thiên tai. - Có tinh thần cộng đồng cao, sẵn sàng giúp đỡ, tương trợ nhau khi khó khăn. - Trình độ ngày càng được nâng cao. - Ngày càng chủ động, tiếp cận tốt thông tin 	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức về PCTT và CHCN còn hạn chế - Nhân dân thường dựa vào kinh nghiệm, nên có tư tưởng chủ quan khi đã được dự báo, tuyên truyền, cảnh báo trước khi thiên tai xảy ra. - Chưa thực sự tự giác tham gia đóng góp để mua sắm vật tư phòng chống thiên tai. - Một bộ phận vẫn còn lơ là, chủ quan trước thông tin về thiên tai. - Chưa được thường xuyên tập huấn nên thiếu kiến thức, kỹ năng về phòng, chống thiên tai. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường công tác tuyên truyền đến người dân. - Thực hiện tốt quy chế dân chủ trong việc công khai các nguồn lực phục vụ cho công tác PCTT và CHCN

Công Cụ 6: Tổng hợp kết quả đánh giá rủi ro thiên tai

Thiên tai/BĐKH	Xu hướng của thiên tai	Tình trạng DBTT	Năng lực PCTT	Rủi ro Thiên tai
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Bão, áp thấp nhiệt đới	<p>1. Xu hướng ngày càng tăng, cường độ ngày càng mạnh, phức tạp, khó lường, tập trung từ tháng 6 đến tháng 11.</p> <p>- Hiện tượng nước dâng cao</p>	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có hệ thống đê biển đã được kiên cố hóa nhưng chưa đảm bảo an toàn khi bão từ cấp 10 trở xuống. - Đê sông kênh de chưa được kiên cố hóa, lòng sông có 1 số vị trí hẹp (Đê đất). - Hệ thống giao thông, cầu cống chưa đảm bảo. - Hệ thống thoát nước trong khu dân cư kém. - Chỉ có 30% nhà ở kiên cố đảm bảo. - Số phương tiện khai thác nhỏ, đã được đóng lâu năm nên độ an toàn không cao, bến neo đậu không an toàn. - Ban chỉ huy phòng chống thiên tai không được trang bị trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn: nón bảo hiểm, áo phao, phao cứu sinh, xuống máy, đèn pin, áo mưa... - Các công trình công cộng hầu hết đã được đầu tư nhiều năm trước (điện, đường, cầu...) và chưa được trang bị cột thu lôi 	<p>* VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 4 trường kiên cố - Trụ sở UBND xã đã được đầu tư xây mới và đưa vào sử dụng từ năm 2017 - Có 13 km lộ nhựa - Các hộ gia đình có dự trữ lương thực, thực phẩm 2-3 ngày trong mùa thiên tai. - Trung dụng tại địa phương nhiều võ máy công suất lớn. - Có nhiều phương tiện: tàu, thuyền...có thể huy động phục vụ công tác di dời dân khi có thiên tai. - Có 20 xe khách phục vụ cho công tác di dân - Hệ thống giao thông được kiên cố hóa 100% trong khu dân cư. - Có 2 trục đường tỉnh lộ địa phương qua xã. - Hệ thống thông tin liên lạc đảm bảo. - Phương tiện cứu hộ, cứu nạn có 5 phương tiện. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiệt hại về người và tài sản - Hệ thống giao thông bị hư hại - Số lần ra khơi khai thác hải sản giảm làm ảnh hưởng đến thu nhập của ngư dân - Diện tích canh tác hoa màu bị nhiễm mặn giảm năng suất cây trồng, gây ra nhiều dịch bệnh - Gây ảnh hưởng đến hệ thống chuồng trại chăn nuôi, phát sinh dịch bệnh, gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe của nhân dân - Thiệt hại đến nuôi trồng thủy hải sản, đặc biệt là bãi ngang nuôi tôm. - Hư hỏng các công trình cơ sở hạ tầng

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

Thiên tai/BDKH	Xu hướng của thiên tai	Tình trạng DBTT	Năng lực PCTT	Rủi ro Thiên tai
		<p>chống sét (95%) - Thiếu các khu sơ tán tập trung.</p> <p>*TC, XH: - Trẻ em: 1606 em (Nữ 859 - Trẻ em dưới 16 t: 3575 (Nữ 1887) - Phụ nữ mang thai: 130 - Người già: 1662 (nữ 1067) - Người khuyết tật: 174 (nữ 98) - Người bệnh hiểm nghèo: 37 (19 nữ) - Người nghèo: 223 (nữ 124) - Chưa được tổ chức diễn tập PCTT hằng năm. - Chưa có chính sách hỗ trợ cụ thể cho các đội cứu hộ, cứu nạn tại chỗ. - Có 05 hộ nghèo không đủ khả năng tự di dời cần phải hỗ trợ. - Có ít sự hỗ trợ từ các tổ chức, cá nhân cho việc hỗ trợ và khắc phục hậu quả thiên tai. - Thiếu lực lượng tuyên truyền viên có chuyên môn. - Chính sách hỗ trợ của Nhà nước trong việc xây dựng nhà ở cho nhân dân còn hạn chế. - Dụng cụ , phương tiện cứu hộ kém. - Kinh phí phòng chống thiên tai còn hạn chế.</p>	<p>*TC, XH: - Có ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn xã và có sự phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên phụ trách từng khu vực cụ thể. - Thôn có tiểu ban phòng chống thiên tai. - Ban chỉ huy phòng chống thiên tai làm tốt công tác tuyên truyền vận động người dân chủ động các biện pháp ứng phó thiên tai (thu hoạch sớm lúa, hoa màu, tằm nuôi công nghiệp, gia cố bờ bao,...). - Xã đã xây dựng và ban hành đầy đủ các kế hoạch, phương án PCTT trên địa bàn xã. - Nâng cao nhận thức về PCTT cho nhân dân</p>	
		<p>*NT, KT: - Chủ động theo dõi Báo, ATNĐ - Chủ động phòng tránh theo phương châm 4 tại chỗ. - Đội cứu hộ, cứu nạn không được tập huấn thường xuyên. - Chưa có chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực cứu hộ, cứu nạn. - Hầu hết người dân chưa được trang bị kiến thức về PCTT, nhất là cách gia cố, chằng chống nhà ở trước mùa thiên tai, cách thức neo đậu tàu thuyền, kiến thức về chống sét,... - Một số cán bộ và người dân còn chủ quan trong phòng chống thiên tai. - Phụ nữ ít tham gia vào các hoạt động PCTT. - Một bộ phận lớn cán bộ và người dân chưa được tập huấn kiến thức PCTT, BDKH. - Trình độ học vấn của người dân còn hạn chế. - Có ít kinh nghiệm trong công</p>	<p>*NT, KT: - Người dân có ý thức tương trợ nhau trong cộng đồng. - 95% người dân chấp hành sơ tán khi có tình huống thiên tai xảy ra - Người dân biết được các điểm sơ tán di dời tại các nhà kiên cố trong vùng an toàn. - Thực hiện tốt phương châm bốn tại chỗ. - Người dân có ý thức, chủ động tự di dời, sơ tán đến nơi an toàn. - Phát huy tốt trách nhiệm vì nhân dân của chính quyền.</p>	

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

Thiên tai/BĐKH	Xu hướng của thiên tai	Tình trạng DBTT	Năng lực PCTT	Rủi ro Thiên tai
		tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai, đặc biệt là bão.		
Lụt	Mưa lớn kéo dài, gây ra bất thường, không theo quy luật cường độ ngày càng lớn, phạm vi ảnh hưởng rộng, thường xảy ra vào tháng 7 đến tháng 9 hàng năm	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khu vực thường bị ngập lụt là Nghè, Đồng Điền Đông Hoi, Công Lim, Cỏ Ngựa, Ngu Sâu, Hói Lai, Đồng Mới, Khu Dưới... - Hệ thống mương thoát nước thiếu, 2,5 Km hệ thống mương thoát nước bị xuống cấp, hệ thống mương thoát nước trong dân cư còn thiếu. 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các trường học cao tầng của xã là điểm sơ tán nhân dân. - Trường THCS có 2 dãy nhà tầng - 2 trường tiểu học có 4 dãy nhà cao tầng - Trường Mầm non có 2 dãy nhà cao tầng. - 8/8 thôn có Nhà văn hóa thôn - 7/8 nhà văn hóa đã được kiên cố. - Đường liên xã liên thôn cơ bản đã được kiên cố hóa đạt 85%. - Có 55 loa truyền thanh đang sử dụng tốt. - 98% người dân nghe được loa truyền thanh. - 75% người dân có sử dụng điện thoại. - 95% hộ dân có Tivi 	<ul style="list-style-type: none"> * An toàn cộng đồng - Đường giao thông có thể hư hỏng, sạt lở - Hệ thống kênh mương hư hỏng, sạt lở, vùi lấp * Sản xuất-kinh doanh: - Diện tích hoa màu có nguy cơ bị mất trắng, thiệt hại khoảng 80ha - Giảm năng suất và chất lượng nuôi trồng thủy sản 35ha - Gia súc gia cầm có thể bị thiệt hại - Hàng hóa các hộ kinh doanh có nguy cơ bị hư hỏng, ngập nước thiệt hại khoảng 70-80% * SK-VS-MT - Nguy cơ ô nhiễm nguồn nước, ô nhiễm môi trường do ngập úng - Ảnh hưởng đến sức khỏe người dân, dễ bị mắc các bệnh: sốt xuất huyết, bệnh về mắt, bệnh về da, tiêu hóa...
		<p>*TC, XH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh phí của Ban chỉ huy PCTT xã còn hạn chế, chưa có đủ để hỗ trợ đến tiểu ban ở thôn - Sự phối hợp giữa các ban, ngành, đoàn thể trong việc tuyên truyền PCTT chưa được thường xuyên, chưa đưa vào chuyên đề 	<p>*TC, XH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hàng năm xã kiện toàn Ban chỉ huy PCTT & TKCN - 270 thành viên đội xung kích cứu hộ sẵn sàng cứu hộ hỗ trợ trên địa bàn xã - 50 thành viên đội phản ứng nhanh của xã được tập huấn kỹ năng trong PCTT & TKCN - Các ban ngành đoàn thể trong xã thường xuyên cập nhật thông tin để tuyên truyền cho người dân khi có thiên tai xảy ra 	- Giảm thu nhập
		<p>*NT, KT:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 35% người dân chưa có kiến thức về PCTT; còn chủ quan với thông tin, cảnh báo. - 98% người dân không có áo phao - 10-15% các hộ gia đình chưa chủ động dự trữ lương thực phẩm trước mùa thiên tai - 70% người dân không biết bơi (trong đó phụ nữ chiếm 95%) 	<p>*NT, KT:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân nắm được quy luật bão nên có ý thức chủ động và kinh nghiệm ứng phó - 65% người dân nhận thức tốt về những thiệt hại do thiên tai gây ra nên chủ động trong kế hoạch phòng, tránh. - Áp dụng tốt khoa học kỹ thuật trong sản xuất. 	

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

Thiên tai/BĐKH	Xu hướng của thiên tai	Tình trạng DBTT	Năng lực PCTT	Rủi ro Thiên tai
		- Người dân chưa được tập huấn kiến thức giảm thiểu thiệt hại trong sản xuất khi có thiên tai. - Còn ý lại, trông chờ vào chính quyền.		
Hạn hán	Nắng nóng kéo dài nhiều ngày, Không mưa	- Hệ thống tưới tưới xuống cấp - 50ha diện tích hoa màu dễ bị ảnh hưởng khi khô hạn - Thiếu nguồn nước phục vụ tưới lúa và hoa màu khi hạn	- Chính quyền địa phương thường xuyên cập nhật thông tin tuyên truyền cho người dân - HTX dịch vụ nông nghiệp có phương án bơm cấp nước kịp thời cho sản xuất nông nghiệp - Người dân chủ động chăm sóc cây trồng đúng kĩ thuật để hạn chế thiệt hại	- Diện tích hoa màu bị ảnh hưởng bởi hạn hán làm giảm năng suất khoảng 50ha - Sức khỏe người dân bị ảnh hưởng do nhiệt độ cao kéo dài, đồng thời thiếu hụt nước ngọt phục vụ sinh hoạt
Rét đậm rét hại	Nhiệt độ thấp kéo dài, có xuất hiện sương muối	- 150ha lúa, hoa màu canh tác tại các thôn Minh Hùng, Minh Thịnh, Minh Thành, Phú Thành - Số lượng gia súc gia cầm tại các trang trại, gia trại ở các thôn trong xã bị ảnh hưởng, thiệt hại - Toàn xã có 1662 người cao tuổi và 5181 trẻ em dễ bị ảnh hưởng bởi rét đậm rét hại	- Chính quyền địa phương thường xuyên tuyên truyền và thông báo cho nhân dân thông tin về các đợt rét đậm rét hại để cùng người dân có các phương án ứng phó, hạn chế thiệt hại. - HTX hướng dẫn nhân dân phương pháp phòng chống rét cho cây trồng vật nuôi (như: che phủ nilon cho diện tích mạ mới gieo, bón thêm lân, tro bếp giữ ruộng mạ đủ ẩm để chống rét; hướng dẫn bà con không ngâm ủ mạ vào những ngày nhiệt độ xuống thấp dưới 15oC; che chắn chuồng bảo vệ gia súc gia cầm...).	- Ảnh hưởng đến sức khỏe người dân các bệnh liên quan đến đường hô hấp, đặc biệt là người già và trẻ em - Cây trồng dễ bị thiệt hại khi xuất hiện rét đậm rét hại, làm giảm năng suất, mất trắng hoặc ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm thu hoạch - Gia súc gia cầm tại các trang trại, gia trại có thể bị bệnh hoặc chết do nhiệt độ quá thấp.

Công Cụ 7: Xếp hạng rủi ro

XẾP HẠNG RỦI RO CỦA XÃ: Minh Lộc

Họp dân lần 2

TT	RRTT	Xếp hạng của nhóm HTKT			Thứ tự ưu tiên	Xếp hạng của Cụm thôn 1			Thứ tự ưu tiên	Xếp hạng của Cụm thôn 2			Thứ tự ưu tiên	Tổng	Xếp hạng
		Nam	Nữ	Tổng		Nam	Nữ	Tổng		Nam	Nữ	Tổng			
	An Toàn Cộng đồng														
1	Thiệt hại về Nhà ở	3	2	5	2	4	1	5	2	2	3	5	1	15	2
2	Kênh mương, cầu, cống hư hỏng	9	10	19	9	8	6	14	7	9	8	17	9	50	9
3	Đê biển có nguy cơ	4	6	10	5	3	7	10	5	7	7	14	7	34	6

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

	vỡ														
4	Nguy cơ đổ, gãy cột điện	13	12	25	13	12	14	26	14	13	10	23	12	74	14
5	Hư hỏng đường giao thông nội đồng, cầu cống giao thông	11	13	24	12	9	11	20	10	14	14	28	14	72	13
6	Hệ thống thoát nước khu dân cư xuống cấp dễ bị hư hỏng	6	7	13	6	5	8	13	8	4	1	5	3	31	5
	Y tế/sức khỏe/vệ sinh/nước sạch/môi trường:														
7	Dịch bệnh ở người	7	8	15	8	6	9	15	9	8	11	19	10	49	8
8	Thiệt hại về người	1	1	2	1	2	2	4	1	3	5	8	4	14	1
9	Ô nhiễm môi trường	8	5	13	7	10	4	14	6	5	9	14	6	41	7
	Sản xuất/kinh doanh:														
10	Nguy cơ thiệt hại phương tiện đánh bắt và ngư cụ	12	11	23	11	11	10	21	11	12	13	25	13	69	11
11	Hàng hoá hư hỏng	14	14	28	14	13	13	26	13	10	6	16	11	70	12
12	Hư hỏng chuồng trại chăn nuôi	10	9	19	10	14	12	26	13	10	6	16	8	61	9
13	Thiệt hại hoa màu	5	4	9	4	7	3	10	4	6	2	8	5	27	4
14	Thiệt hại khai thác thủy sản	2	3	5	3	1	5	6	3	1	4	5	2	16	3

Công Cụ 8: Phân tích nguyên nhân đề xuất giải pháp

Thiên tai	Rủi ro thiên tai	Tình trạng dễ bị tổn thương	Nguyên nhân	Giải pháp
Bão, ATND, ngập lụt, hạn hán, rét đậm rét hại	Thiệt hại về người	<p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhà bán kiên cố, nhà thiếu kiên cố trong xã còn nhiều, có thể bị đổ, sập (145 nhà thiếu kiên cố và 25 nhà yếu) Cột điện và hệ thống đường dây điện sau công tơ chưa an toàn, 	<ul style="list-style-type: none"> Các công trình nhà ở, hệ thống điện xây lâu năm đã xuống cấp Đề kè xây dựng từ lâu và cao trình kè biển còn thấp so với mực nước biển Số người có sức khỏe hầu hết đi khai thác hải sản trên biển hoặc 	<p>* Phi công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nâng cao nhận thức và kiến thức cho người dân về PCTT Tăng cường năng lực (cơ sở vật chất và nhân lực) phục vụ công tác tuyên truyền về PCTT, bảo vệ môi trường; chú trọng công tác dự báo,

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

		<p>xuống cấp nằm rải rác ở các thôn, tập trung nhiều nhất ở thôn Minh thọc có 50 cột điện yếu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống mương thoát nước lâu năm không đảm bảo việc tiêu úng - Đề chắn chưa đảm bảo an toàn cho người dân trước những cơn bão mạnh. - Tuyển đề bao kênh De được đắp bằng đất, không an toàn trước thiên tai - Số tàu thuyền nhỏ, tàu thuyền kém an toàn trong xã còn nhiều - Các phương tiện khai thác hải sản hầu hết đánh bắt xa bờ, chưa được trang bị các thiết bị cứu hộ - Một số đoạn xung yếu đề bao kênh De đã xuống cấp <p>*Tổ chức-xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ các đối tượng dễ bị tổn thương trong xã cao (399 hộ phụ nữ và nam đơn thân, 1662 người cao tuổi có 1067 cụ bà và 714 người khuyết tật có 98 nữ, 5181 trẻ em với 2746 nữ) - Các phương án di dân chưa được thực hiện phù hợp trong thực tế - Địa phương còn thiếu kinh nghiệm trong việc vận hành cơ chế di dân - Lực lượng hỗ trợ tổ chức di dân còn ít so với tỉ lệ dân số - Phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác di dân chưa được trang bị - Các hoạt động tuyên truyền thuyết phục nhân dân đi sơ tán còn nhiều khó khăn <p>* Kiến thức, Ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức của người dân về các hoạt động PCTT còn hạn chế, một bộ phận các hộ dân còn có tâm lý chủ quan, không chấp hành nghiêm lệnh sơ tán trong tình huống khẩn cấp. - Một số kinh nghiệm, kiến thức dân gian về ứng phó với thiên tai đã lỗi thời, không phù hợp. 	<p>đi làm ăn xa, thiếu hụt lực lượng ứng phó khi khẩn cấp trước thiên tai</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngân sách địa phương chưa đủ để đầu tư các trang thiết bị cứu hộ cứu nạn - Những năm gần đây địa phương không bị ảnh hưởng bởi bão lớn, nên tâm lý của người dân và chính quyền địa phương còn có tâm lý chủ quan - Thiếu ý thức tự giác còn có tư tưởng ỷ lại Nhà nước 	<p>cảnh báo cho nhân dân về hậu quả thiên tai</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo việc làm ngay tại địa phương để thu hút lực lượng lao động trẻ, cũng là lực lượng để hỗ trợ ứng phó kịp thời khi thiên tai xảy ra - Tăng cường lực lượng hỗ trợ di dân trong tình huống khẩn cấp xây dựng kế hoạch diễn tập hàng năm. <p>* Công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cấp nhà ở dân sinh an toàn - Nâng cấp hệ thống điện an toàn (cột điện và đường dây tải điện) - Nâng cấp tuyến kè biển và hệ thống mương tiêu úng dân sinh - Đầu tư trang bị các phương tiện khai thác hải sản - Cung cấp trang thiết bị cứu hộ cứu nạn đầy đủ, đồng bộ cho đội ứng phó tại xã
Thiệt hại về nhà ở		<p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Toàn xã còn có trên 170 nhà bán kiên cố và nhà yếu của các hộ nghèo, phụ nữ và nam đơn thân, hộ có người khuyết tật. - Nhà xây dựng chưa đúng kỹ thuật - Người dân xây nhà thường 	<ul style="list-style-type: none"> - Địa phương nằm trong vùng trọng điểm thiên tai, thường xuyên bị ảnh hưởng bởi bão, lụt - Mật độ dân cư cao, xã không còn quỹ đất để quy hoạch khu dân cư mới - Thu nhập người dân còn thấp do việc làm không ổn định, vì vậy 	<p>* Phi công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy hoạch đất phù hợp để phân bố dân cư hợp lý - Tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân - Nâng cao trình độ chuyên môn - Có chính sách hỗ trợ những hộ có thu nhập thấp xây dựng nhà ở

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

		<p>không có thiết kế và không áp dụng kỹ thuật xây dựng PCTT</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ các hộ tại vùng có nguy cơ đồ sập cao (khoảng 20%) - 57% nhà bán kiên cố và thiếu kiên cố, trong đó có nhiều nhà cũ xây lâu năm đã xuống cấp, cần được sửa chữa hoặc xây mới do khó khăn về kinh tế - Người dân chưa có ý thức chằng chằng nhà cửa trước thiên tai - Cao trình tuyến kè biển không đảm bảo, có vị trí đã xuống cấp không có tác dụng chắn sóng và ngập lụt khu dân cư ven biển - Hệ thống mương tiêu dân sinh xuống cấp, không phát huy được tác dụng. 	<p>khó khăn trong việc xây dựng nhà mới</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống rừng phòng hộ, rừng ngập mặn còn ít (4ha) mới được trồng và đê kè chưa được nâng cấp - Công tác tuyên truyền đến người dân về PCTT chưa kịp thời, thường xuyên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thường xuyên tuyên truyền đến nhân dân về những kiến thức PCTT, kỹ thuật xây dựng nhà an toàn và chằng chống nhà ở cho người dân <p>* Công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cải thiện nhà ở dân sinh an toàn hơn áp dụng kỹ thuật PCTT - Xây dựng tuyến đê bao kênh De kiên cố - Xây dựng hệ thống mương tiêu ứng dân sinh theo tiêu chuẩn “kiên cố, khoa học, hiệu quả” - Trồng mới và bảo vệ rừng phòng hộ, rừng ngập mặn tại địa phương.
	<p>Thiệt hại trong khai thác thủy sản</p>	<p>* Về vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tàu thuyền bị vỡ, hư hỏng - Ngư cụ bị hư hỏng, thiệt hại - Tàu thuyền bị lật chìm do không đảm bảo <p>* Tổ chức-xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa có các nghiệp đoàn mang tính chính thống, chuyên nghiệp - Đã hình thành các tổ tàu thuyền nhưng hoạt động hỗ trợ chưa đạt chiều sâu và chưa tạo ra sự gắn kết cần thiết - Lao động và chủ sở hữu lao động chưa có sự tương tác chặt chẽ về hợp tác lao động <p>* Kiến thức, Ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân chưa có kiến thức tương ứng trong việc ứng dụng các tiến bộ KH-KT - Một số kinh nghiệm trong khai thác và giảm nhẹ hậu quả trong PCTT đã một phần bị lỗi thời, không phù hợp. - Những kiến thức và kinh nghiệm về hoạt động nghiệp đoàn chưa đầy đủ - Nhận thức và ý thức bảo vệ nguồn lợi thủy sản chưa được người dân chú trọng - Thiếu kiến thức về PCTT 	<ul style="list-style-type: none"> - Không có khu vực neo đậu đảm bảo an toàn - Do tàu máy nhỏ, công suất thấp, ngư cụ cũ không được đầu tư - Thiên tai và BĐKH diễn biến ngày càng phức tạp - Trang bị về cảnh báo, thông tin liên lạc chưa đồng bộ - Sự can thiệp của Nhà nước trong việc thành lập các nghiệp đoàn chưa thực sự mạnh mẽ, còn để người dân hoạt động tự phát. - Tư tưởng của người dân trong hoạt động hỗ trợ còn manh mún, coi trọng yếu tố lợi ích trong quá trình khai thác trên biển - Chủ sở hữu và người lao động không tiến hành kí hợp đồng lao động - Người lao động trong xã còn phải đi khai thác thuê ở các địa phương khác - Mặt bằng dân trí của đại bộ phận ngư dân còn thấp, nên khó khăn trong việc tiếp cận các tiến bộ KH-KT - Một bộ phận ngư dân tự tin thái quá kinh nghiệm của mình trong PCTT và khai thác hải sản, từ đó dẫn đến tâm lý chủ quan, dễ bị thiệt hại khi thiên tai xảy ra. - Chưa có các lớp tập huấn nhằm triển khai cho người dân thành lập các nghiệp đoàn - Người dân chỉ chú trọng đến lợi ích trước mắt trong khai 	<p>* Phi công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao kiến thức về PCTT cho nhân dân trong xã - Định hướng thành lập các nghiệp đoàn hỗ trợ ngành ngư nghiệp - Tăng cường giáo dục tinh thần đoàn kết, tương trợ của người dân về các thông tin khai thác hải sản và an toàn trên biển - Tuyên truyền ngư dân không khai thác hải sản theo phương châm “hủy diệt”; có thái độ tích cực trong việc bảo vệ nguồn lợi thủy-hải sản. - Tuyên truyền để nhân dân biết kết hợp giữa kinh nghiệm thực tiễn với ứng dụng KH-KT trong PCTT - Tổ chức tập huấn cho người dân về thành lập các nghiệp đoàn, có giải pháp hỗ trợ để người dân vừa khai thác hải sản, vừa bảo vệ nguồn tài nguyên biển - Có các biện pháp chế tài chặt chẽ, nghiêm minh đối với những hành vi gây hại nguồn lợi thủy hải sản <p>* Công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư xây dựng khu neo đậu tàu thuyền cho địa phương - Đầu tư mua sắm trang thiết bị, ngư cụ hiện đại, nâng cấp hệ thống thông tin liên lạc đồng bộ

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

			thác hải sản, chưa chú trọng đến công tác bảo vệ nguồn lợi hải sản lâu dài.	
Thiệt hại về hoa màu	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống kênh mương hư hỏng nặng - Đường giao thông nội đồng bị sụt, lún - Cơ cấu các loại cây trồng chưa phù hợp với đất sản xuất - Vùng diện tích cây trồng bị ngập úng, hạn hán ảnh hưởng lớn <p>* Tổ chức-xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tác khuyến nông cập nhật thông tin còn chậm - Đầu tư giống, cây trồng chưa đồng bộ - Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và phân bón chưa kịp thời - Việc giải phóng đất còn chậm (sau thu hoạch hoa màu). <p>* Kiến thức, ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân còn thiếu kiến thức về chuyển giao KH-KT và phòng trừ sâu bệnh - Chủ yếu sản xuất theo kinh nghiệm tự phát, chưa được thường xuyên tập huấn kiến thức, kĩ thuật 	<ul style="list-style-type: none"> - Công tác tuyên truyền còn hạn chế, việc chuyển giao quy trình KH-KT chưa được thường xuyên - Nhận thức về sản xuất nông nghiệp của một số người dân còn bảo thủ, lạc hậu, làm theo kinh nghiệm truyền thống, chưa áp dụng KH-KT vào sản xuất - Việc đầu tư vào con giống mới, phân bón, phun thuốc phòng trừ sâu bệnh trong nhân dân còn chủ quan - Nhân dân quen sử dụng các loại giống kém chất lượng, chưa mạnh dạn đầu tư cây, con, giống mới vào sản xuất và thâm canh - Trong hoạt động sản xuất chưa đồng loạt theo lịch thời vụ 	<p>* Phi công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khuyến khích người dân sử dụng phân hữu cơ, phân vi sinh vào sản xuất, giảm lượng phân bón hóa học - Mở các lớp tập huấn kỹ năng trong sản xuất nông nghiệp cho các hộ dân, ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ KH-KT vào sản xuất và thâm canh - Thường xuyên khuyến cáo tuyên truyền và cập nhật thông tin trong sản xuất và phòng trừ sâu bệnh - Quy hoạch vùng, cơ cấu các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao và phù hợp với thổ nhưỡng địa phương; chuyển đổi diện tích đất năng suất thấp sang mô hình sản xuất phù hợp có năng suất cao hơn. - Liên kết và tìm đầu ra cho các sản phẩm nông nghiệp. <p>* Công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư xây dựng hệ thống kênh mương tưới và tiêu phù hợp với từng khu vực, xứ đồng; tập trung nạo, vét, mở rộng hệ thống mương tưới, tiêu - HTX nông nghiệp đầu tư máy cày để giải phóng đất, máy gặt để thu hoạch cho nhân dân kịp thời vụ - Đầu tư các loại giống mới có năng suất, chất lượng cao; đầu tư máy bơm phun thuốc sâu trên diện rộng - Nâng cấp và mở rộng các tuyến đường nội đồng. 	
Hệ thống thoát nước khu dân cư xuống cấp dễ bị hư hỏng khi có thiên tai xảy ra	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống cống rãnh tiêu nước xuống cấp hư hỏng chưa được đầu tư nâng cấp - Hệ thống mương tiêu rãnh thoát nước đã lạc hậu, thiết kế không hợp lý - Rãnh thoát nước dọc tỉnh lộ mới được đầu tư xây dựng không hợp lý, nên không phát huy tác dụng 	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống thoát nước được đầu tư xây dựng đã lâu - Công tác vận động nguồn lực để nâng cấp, tu sửa chưa được thường xuyên - Mật độ dân cư và nhà ở cao - Người dân ven rãnh thoát nước chưa có ý thức bảo vệ và phát huy tác dụng của mương tiêu, rãnh thoát nước 	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cấp xây mới hệ thống mương tiêu dân sinh theo hướng hiện đại công trình thoát nước - Xây dựng hệ thống thoát nước qua đê kiên cố hiện đại - Tuyên truyền để nhân dân có ý thức bảo vệ hệ thống rãnh thoát nước và mương tiêu, vận động người dân thường xuyên khơi thông cống rãnh 	
Nguy cơ đê bị vỡ	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đê xây dựng từ năm 1996 nay đã xuống cấp - Tác động của sóng biển vào đê 	<ul style="list-style-type: none"> - Đê không được tu bổ, nâng cấp thường xuyên - Xâm lấn hành lang đê - Công tác tuyên truyền hạn chế, ý thức người dân chưa cao 	<p>* Phi công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải tỏa lấn chiếm hành lang đê - Tăng cường công tác tuyên truyền bảo vệ đê, chống lấn chiếm hành 	

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

		<p>hàng năm rất lớn.</p> <p>*Tổ chức, Xã Hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tác hộ đê còn hạn chế - Rừng ngập mặn chưa bảo vệ được hệ thống đê <p>*Kiến thức, Ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân còn lấn chiếm khu vực đê nhưng không có biện pháp ngăn ngừa và xử lý - Ý thức bảo vệ đê của các hộ dân sống ở khu vực có đê chưa cao 	<ul style="list-style-type: none"> - Xử lý lấn chiếm chưa nghiêm - Hiểu biết của người dân về thiên tai còn hạn chế - Công tác kiểm tra chưa tốt - Độ che phủ của rừng ngập mặn không có - Lực lượng hộ đê thiếu kỹ năng và thiếu các phương tiện hộ đê - Chưa tổ chức diễn tập thường xuyên 	<p>lang đê</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao ý thức bảo vệ đê cho cộng đồng - Nâng cao nhận thức về thiên tai, BĐKH cho cộng đồng - Tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra đê điều - Cung cấp trang thiết bị, phương tiện cho công tác hộ đê - Tập huấn kỹ năng hộ đê và tổ chức diễn tập hộ đê hàng năm. <p>* Công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thường xuyên tu bổ nâng cấp đê, kè, cống dưới đê - Trồng rừng ngập mặn và thường xuyên chăm sóc
<p>Ô nhiễm nguồn nước, vệ sinh và môi trường</p>		<p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên 32 hộ chưa có nhà vệ sinh, 220 hộ còn sử dụng nhà vệ sinh tạm bợ <p>*Tổ chức, Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không xử lý kịp thời, đúng qui cách xác chết động vật sau bão, lụt - Lực lượng Ý tế xử lý vệ sinh đập dịch sau thiên tai còn thiếu - Công tác vệ sinh môi trường sau thiên tai còn hạn chế. - Đa số người dân chưa được tập huấn kiến thức về môi trường <p>*Kiến thức, Ý thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhiều hộ dân chăn nuôi còn xả thải ra môi trường nên mùa nắng hạn hoặc khi có mưa lụt môi trường sống bị ô nhiễm 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu phương tiện, hóa chất xử lý - Chưa quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường - Tuyên truyền vận động còn hạn chế - Nhiều hộ nghèo nên thiếu kinh phí xây dựng các công trình vệ sinh đảm bảo 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng vệ sinh sau thiên tai - Xử lý tốt xác chết động vật - Xây dựng nhà vệ sinh từ hoại - Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cộng đồng - Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ sức khỏe, vệ sinh môi trường

F. Một số kiến thức tham khảo chung về Đánh giá rủi ro thiên tai¹

1. Khái niệm

Đánh giá rủi ro là “Một phương pháp xác định bản chất và mức độ rủi ro bằng cách phân tích các thiên tai có thể xảy ra và đánh giá các điều kiện hiện tại của tình trạng dễ bị tổn thương mà có thể gây hại cho con người, tài sản, các dịch vụ, các hoạt động sinh kế và môi trường trong khu vực nguy hiểm.” (UNISDR, 2009 và dự thảo Thuật ngữ 2016).

Giới thiệu Nội dung cơ bản trong đánh giá rủi ro thiên tai, khí hậu

A. Các loại hình thiên tai phổ biến và tần suất, cường độ



- Dạng và loại hình thiên tai, thời tiết cực đoan tại xã
- Các đặc điểm trong quá khứ, tần suất và cường độ thiên tai xảy ra
- Xu hướng biến đổi khí hậu và thiên tai trong tương lai của xã

B. Người dân, cơ sở vật chất và sinh kế trong các vùng thiên tai của xã (Exposures)



- Phân bố dân cư và cơ sở vật chất, sinh kế của xã theo không gian/địa bàn thiên tai

C. Tình trạng dễ tổn thương và năng lực của người dân, cơ sở vật chất và sinh kế



- Hiện trạng và đặc điểm dân cư, cơ sở vật chất và sinh kế
- Nguyên nhân, năng lực, điểm mạnh yếu của dân cư, cơ sở vật chất, và sinh kế tại các vùng thiên tai trong xã

D. Mức độ Rủi ro với thiên tai và khí hậu của người dân, cơ sở vật chất và sinh kế tại xã



- Đánh giá, phân lớp các rủi ro thiên tai khí hậu và mức độ rủi ro cho từng ngành/lĩnh vực theo nhu cầu
- Có thể bản đồ hóa các lớp thông tin đánh giá dựa trên kết quả của xã

Việc đánh giá rủi ro thiên tai² bao gồm nhận định và phân tích các nội dung liên quan đến:

nhận định đặc điểm của các hiện tượng thiên tai như vị trí, tần suất, cấp độ, cường độ và xác suất xảy ra;
phân tích mức độ bị phơi bày của người và sự vật với các hiện tượng thiên tai;

¹ Nguồn tham khảo: Dự thảo hướng dẫn của UNDP-Bộ NN&PTNT – Tài liệu kỹ thuật về Quản lý rủi ro thiên tai và Thích ứng với Biến đổi khí hậu)

² Các hoạt động này cũng còn được gọi là quá trình phân tích rủi ro (Dự thảo Sổ tay thuật ngữ về rủi ro thiên tai, 2016)

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

phân tích điều kiện dễ bị tổn thương của người và sự vật với các hiện tượng thiên tai đó ở mọi góc độ xã hội, y tế, kinh tế, môi trường;

đánh giá hiệu quả năng lực sẵn có hoặc các năng lực thay thế (dự phòng) để có thể đối phó với các tình huống thiên tai khác nhau³;

Việc đưa ra định nghĩa hay khái niệm về đánh giá rủi ro thiên tai chỉ mang tính tương đối và còn chưa hoàn toàn nhất quán về cách tiếp cận và phương pháp⁴. Bản thân công tác quản lý rủi ro thiên tai cũng còn khá mới so với các lĩnh vực phát triển khác trên toàn cầu (khoảng từ đầu những năm 1990). Tại các quốc gia, việc quản lý rủi ro thiên tai trong những thập kỷ trước kia đa phần tập trung nhiều vào các công tác ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai hơn là coi đây là một mặt của vấn đề phát triển.

Đánh giá rủi ro thiên tai có thể được thực hiện ở các quy mô khác nhau (toàn cầu, quốc gia, tỉnh, thành phố/thị trấn, huyện, xã, thôn) và có thể được thực hiện cho các lĩnh vực khác nhau.

2. Nội dung đánh giá

Có bốn nội dung đánh giá rủi ro phải đề cập tới, đó là:

Đánh giá Thiên tai⁵: nhận biết những thiên tai nào gây ảnh hưởng tới cộng đồng, mô tả bản chất và diễn biến của mỗi thiên tai trên khía cạnh tần suất, cường độ, xuất hiện theo mùa, vị trí, dấu hiệu cảnh báo, khả năng cảnh báo sớm và hiểu biết chung của mọi người về thiên tai.

Về bản chất, thiên tai có thể chia làm hai loại: (i) các hiện tượng thiên tai tự nhiên như lũ, bão, hạn hán và động đất có khả năng gây ra các ảnh hưởng tiêu cực đến người và tài sản; và các hiện tượng thiên tai do các quy trình quá trình hoạt động sản xuất của con người gây ra như quá trình đô thị hóa, suy thoái môi trường, biến đổi khí hậu, v.v. Các quy trình/quá trình này hiện nay ngày càng diễn biến phức tạp và khó tách biệt về mặt bản chất của hiện tượng là do tự nhiên hay con người gây ra.

Thiên tai khác nhau về mức độ, quy mô, tần suất và thường được phân loại theo các nguyên nhân gây ra thiên tai khác nhau như địa lý, thủy văn, khí tượng và khí hậu.

Các kiến thức về thiên tai thường có thể thu thập từ các nguồn như:

- Các kinh nghiệm truyền thống, bản địa và kiến thức địa phương
- Các báo cáo nghiên cứu đánh giá khoa học kỹ thuật
- Các báo cáo theo dõi giám sát về dịch vụ khí tượng thủy văn
- Các mô hình khí tượng thủy văn, mô hình phân loại phân vùng thiên tai.

Đánh giá mức độ phơi bày trước thiên tai (Exposure): nhận biết mức độ hiện diện của con người và tài sản (như sinh kế, các dịch vụ môi trường và các nguồn tài nguyên, cơ sở hạ tầng, các tài sản kinh tế, xã hội và văn hóa v.v.) (chỉnh sửa từ SREX, Chương 2).

Các kiến thức về mức độ phơi bày thường có thể thu thập từ các kết quả điều tra dân số, ảnh vệ tinh, dữ liệu GIS, các báo cáo quy hoạch kế hoạch và các kinh nghiệm lịch sử về các sự kiện thiên tai. v.v. Các thông tin này thường được thể hiện dưới dạng bản đồ, bao gồm:

- Bản đồ phân bố theo không gian (địa phương, vùng.v.v) và thời gian (ngày/tháng/năm) về người và cơ sở hạ tầng, ví dụ: bản đồ hệ sinh thái, cơ sở hạ tầng, bản đồ sử dụng đất, bản đồ hành chính và dân số, v.v.
- Bản đồ phân vùng thiên tai lũ, bão, hạn hán v.v. theo không gian và thời gian

Mức độ phơi bày trước thiên tai chỉ là một điều kiện cần nhưng không phải là đủ để quyết định khả năng chịu rủi ro thiên tai. Quy mô về tần suất, thời gian và không gian phơi bày trước thiên tai cũng rất quan trọng. Cùng sinh sống tại vùng lũ

³ Trong nhiều trường hợp, người ta coi năng lực là điều kiện đối ngược của tình trạng dễ bị tổn thương. Vì vậy, trên thực tế có nhiều phương pháp đánh giá không tách biệt đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương ra khỏi việc phân tích đánh giá năng lực.

⁴ Hiện nay UNISDR đang tiến hành tổng hợp số tay thuật ngữ mới trong công tác giám sát rủi ro thiên tai (http://www.preventionweb.net/files/47136_workingtextonterminology.pdf). Việc đưa ra định nghĩa về đánh giá rủi ro thiên tai về bản chất chỉ mang tính tương đối. Dựa vào mục đích đánh giá khác nhau, việc đánh giá RRTT sẽ có cách tiếp cận và phương pháp khác nhau chứ không cố định ở một số quy tắc nhất định.

⁵ Trong bài viết tác giả dùng từ *Hazard* – Hazard, là một khái niệm dành cho các nhà nghiên cứu, để dễ hiểu và đồng nhất với các chương khác, ban biên tập chuyển thành thuật ngữ “Thiên tai”.

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

lụt, nhưng khả năng rủi ro với hộ dân ở vùng cao và vùng trung là khác nhau hay nói cách khác, mức độ chịu ảnh hưởng của lũ lụt của hộ dân ở khu vực ở cùng trung sẽ cao hơn hộ dân ở vùng cao. Nếu một người chỉ đến một nơi bị nào đó bị bão, mức độ phơi bày trước bão của người đó tăng lên. Nếu người đó phải liên tục di chuyển trong vùng lũ, họ sẽ có nguy cơ cao gặp nhiều rủi ro lũ lụt. Ngược lại, nếu được cảnh báo sớm và những người dân được sơ tán kịp thời, mức độ phơi bày trước thiên tai của họ giảm đi (IPCC, 2012 trang 237).

Ví dụ, để đối phó với cơn bão Damrey (cơn bão số 7 năm 2005), Huyện Hậu Lộc (tỉnh Thanh Hóa) đã di dời được 29.000 dân trong vòng 3 ngày trước bão (từ ngày 24 đến ngày 26/9/2005) lên các nhà kiên cố cao tầng trong thôn, trường học và khu hành chính ở trên thị trấn (JANI, 2011 trang 26). Tương tự như vậy, việc di dời 60.000 dân (khoảng 16.000 hộ gia đình) kịp thời ở tỉnh Quảng Nam trước cơn bão số 9 (bão Ketsana) cuối tháng 9 năm 2009 đã giảm thiểu mức thiệt hại về người và tài sản của nhân dân và chính quyền (JANI, 2011 trang 28).

Đánh giá Tình trạng dễ bị tổn thương (Vulnerability): là việc nhận biết các điều kiện tự nhiên, xã hội, kinh tế và môi trường hoặc các đặc điểm của các quá trình/quy trình hoạt động sản xuất của con người, mà vì các điều kiện/đặc điểm đó có khả năng làm tăng nguy cơ một cá nhân và/hoặc cộng đồng phải chịu tác động đến các thiên tai khác nhau (UNISDR, 2004; Dự thảo Thuật ngữ 2016).

- Các nguồn thông tin kiến thức chủ yếu liên quan đến tình trạng dễ bị tổn thương thường được thu thập từ:
- Các kiến thức địa phương, kinh nghiệm bản địa
- Các chỉ số kinh tế xã hội của địa phương, chính quyền
- Các báo cáo đánh giá phân tích kinh tế, tài chính, báo cáo xã hội học (nhân chủng, dân tộc, văn hóa, hệ chính trị, v.v)

Việc đánh giá này nhằm nhận biết ai, cái gì chịu rủi ro đối với mỗi loại thiên tai và tại sao chúng có rủi ro (phân tích nguyên nhân căn bản). Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương sẽ giúp nhận biết được đâu là các cá nhân, hộ gia đình, các nhóm dân cư, tài sản và hoạt động sản xuất dễ chịu ảnh hưởng nhất từ thiên tai nào đó. Ví dụ: mặc dù cùng có nguy cơ thiên tai và mức độ phơi bày trước thiên tai như nhau, nhưng hộ nghèo thường sẽ dễ bị tác động tiêu cực của thiên tai hơn các hộ dân có điều kiện sống trung bình và khá giả.

Đánh giá tình trạng tổn thương là một trong hai điều kiện đủ để có thể xác định xem một cá nhân hay cộng đồng đang ở trên một địa bàn nhất định có bị tác động của thiên tai hay không. Ví dụ: Một hộ nông dân mà sinh kế chính của gia đình là nông nghiệp (dễ bị tổn thương với các điều kiện khí hậu, sinh kế phụ thuộc vào thời tiết), và sống ở vùng thường xuyên có lũ thì nhiều khả năng sẽ thường xuyên xảy ra mất mùa đói kém do lũ.

Trong thực tế, việc đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương là việc tập hợp nhiều điều kiện và đặc điểm có yếu tố bất lợi của một cá nhân hoặc một cộng đồng trong việc đối phó với thiên tai trên nhiều góc độ (tự nhiên, xã hội, kinh tế, môi trường, và quá trình/quy trình khác nhau). Một hộ dân càng có nhiều điều kiện dễ bị tổn thương thì sẽ càng dễ có nguy cơ bị tổn thất với các thiên tai.

Đánh giá Năng lực (Capacity): là khái niệm để chỉ quá trình nhận biết và xác định các nguồn lực và năng lực của con người hoặc của cộng đồng nhằm phòng tránh, ứng phó và phục hồi từ những tác động của các thiên tai. Năng lực ở đây được hiểu bao gồm việc kiểm soát và quản lý các nguồn lực tài chính, tài nguyên thiên nhiên, các kiến thức, kinh nghiệm và chuyên môn trong việc quản lý tổ chức quy hoạch tại địa phương để quản lý, giảm nhẹ rủi ro thiên tai và tăng cường khả năng chống chịu.

Việc đánh giá năng lực cũng được hiểu là quá trình tổng hợp các nguồn lực, điểm mạnh và đặc tính sẵn có trong từng cá nhân, cộng đồng, xã hội và tổ chức có thể được sử dụng nhằm giảm các rủi ro do một thiên tai nhất định gây ra. Năng lực có tính động và thay đổi tùy theo hoàn cảnh cụ thể. Việc đánh giá năng lực cũng được coi là điều kiện đủ thứ hai để xác định mức độ rủi ro thiên tai của cá nhân hoặc cộng đồng.

Lưu ý: Trong đánh giá rủi ro thiên tai, năng lực là khái niệm trái ngược với điều kiện dễ bị tổn thương. Năng lực dùng để chỉ các điểm mạnh/đặc điểm tích cực của người dân có thể thực hiện để đối phó với thiên tai. Tình trạng dễ bị tổn thương dùng để chỉ các điểm yếu/các điểm hạn chế mà người dân tại địa phương đang gặp phải khiến họ không thể giải quyết được các tác động tiêu cực trong hoàn cảnh thiên tai. Với mỗi cá nhân và cộng đồng khác nhau, năng lực cũng như tình trạng dễ bị tổn thương của họ là khác nhau.

Như vậy, đánh giá mức độ rủi ro thiên tai (Risk) là quá trình tổng hợp các đánh giá về thiên tai, mức độ phơi bày, các điều kiện dễ bị tổn thương và năng lực của cá nhân hoặc cộng đồng để đưa ra các nhận định, ước lượng về mức độ nguy cơ tổn thất mà thiên tai có thể gây ra về mặt kinh tế, xã hội, tự nhiên hay môi trường.

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai là thước đo và phân loại các rủi ro thiên tai mà cá nhân, cộng đồng hay một hệ thống phải đối mặt. Đây là cơ sở cho kế hoạch giảm thiểu rủi ro của cộng đồng và các cơ quan nhà nước ở các cấp. Hiểu được rủi ro thiên tai, người ra có thể thiết lập thứ tự ưu tiên ở địa phương cho các hoạt động và phát triển cộng đồng sao cho các rủi ro và các chương trình khắc phục hậu quả có thể được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên của người dân để nắm được kiến thức ở địa phương và đảm bảo rằng các kế hoạch QLRRTT phù hợp với các vấn đề ở địa phương.